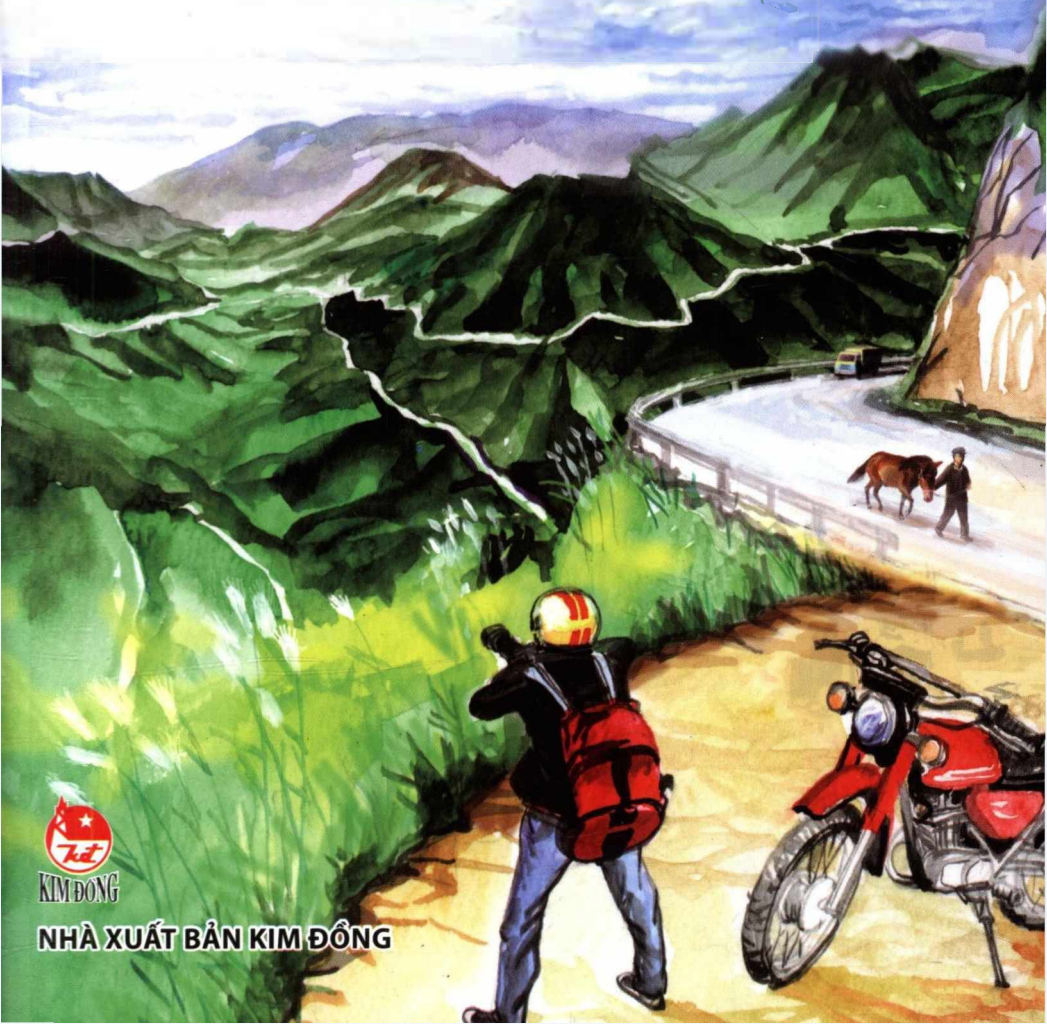


THIÊN NHIÊN ĐẤT NƯỚC TA

NGUYỄN NHƯ MAI - NGUYỄN HUY THẮNG - NGUYỄN QUỐC TÍN

KÌ VĨ NÚI ĐÈO



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

NGUYỄN NHƯ MAI, NGUYỄN HUY THẮNG
NGUYỄN QUỐC TÍN

THIÊN NHIÊN ĐẤT NƯỚC TA
KÌ VĨ NÚI ĐÈO

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Nguyễn Như Mai

Kì vĩ núi đèo / Nguyễn Như Mai, Nguyễn Huy Thắng, Nguyễn Quốc Tín. - H. : Kim
Đống, 2015. - 250tr. : hình vẽ ; 21cm. - (Thiên nhiên đất nước ta)

ISBN 9786042058056

1. Núi 2. Đồi 3. Việt Nam 4. Sách thiếu nhi
915.970943 - dc23

KDM0327p-CIP

Thiên nhiên đất nước ta – Kì vĩ núi đèo

© Nguyễn Như Mai, Nguyễn Huy Thắng, Nguyễn Quốc Tín

Xuất bản theo Hợp đồng sử dụng tác phẩm

giữa nhóm Tác giả và Nhà xuất bản Kim Đồng, 2015

Bản quyền hình ảnh bìa, minh họa thuộc về Nhà xuất bản Kim Đồng, 2015

Vẽ bìa và minh họa: **Nguyễn Doãn Sơn**

Trình bày bìa: **Tô Hồng Thủy**

LỜI NÓI ĐẦU

Non - Sông, Đất - Nước, Giang - Sơn - tổ hợp hai từ ấy, hai yếu tố ấy tạo nên một từ thiêng liêng: **Tổ quốc**.

Tổ quốc không chỉ là khái niệm chung chung, mơ hồ, mà chính là sông là núi, là mảnh đất tổ tiên chúng ta đã tạo dựng nên, đã dùng sức lao động để tô điểm và dùng máu xương để bảo vệ.

Càng hiểu và biết về thiên nhiên đất nước, ta càng thêm yêu, thêm tự hào về Tổ quốc. Để có sự hiểu biết về non nước mình, chúng ta phải học trong nhà trường, đọc trong sách báo và trải nghiệm trong thực tế. Đồng thời, lại phải có ý thức thường xuyên bồi bổ các kiến thức về địa lí, về thiên nhiên rất cần thiết cho mỗi con người trong cuộc sống và cả trong công việc sau này. Bạn cần biết về cương vực, lãnh thổ đất nước khi muốn đi vào nghiệp văn chương, sử học, ngoại giao. Bạn cần thông thuộc địa hình, địa mạo khi làm quy hoạch hay kiến trúc. Bạn càng cần nắm rõ về sông, núi, biển, rừng của Tổ quốc nếu bạn làm nông nghiệp, khai thác tài nguyên hay thương mại... Khỏi phải nói, trong cuộc sống hằng ngày, những kiến thức ấy giúp ích thế nào khi bạn đi du lịch khám phá; sự hiểu biết sẽ làm cho bạn có ấn tượng sâu sắc hơn và thu lượm được nhiều điều bổ ích hơn sau mỗi chuyến đi...

Bộ sách về thiên nhiên đất nước Việt Nam mà chúng tôi giới thiệu với bạn đọc, đặc biệt với các bạn trẻ, chính là nhằm đem đến những kiến thức bổ trợ giúp tăng cường vốn hiểu biết về địa lí của bạn, và - điều này mới là mục đích chính của bộ sách - nhằm khơi gợi tình yêu của mỗi người chúng ta đối với non sông đất nước mình, bắt đầu từ ý thức tìm hiểu và nhận biết rõ về sông, núi quê hương, biển, rừng Tổ quốc. Trước mắt, bộ sách sẽ bao gồm bốn cuốn về núi non, sông ngòi, rừng và biển.

Mặc dù nhóm biên soạn đã cố gắng sưu tầm tư liệu, cập nhật những thông tin mới và viết sao cho thấu đáo, dễ hiểu, dễ tiếp nhận, song chắc chắn không tránh khỏi khiếm khuyết. Rất mong bạn đọc góp ý bổ khuyết cho bộ sách. Xin chân thành cảm ơn!

NHÓM BIÊN SOẠN

Các tác giả xin được đặc biệt cảm ơn PGS. TS địa chất Tạ Hòa Phương đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu, đồng thời cho phép sử dụng một số tư liệu hình ảnh trong quá trình biên soạn cuốn sách này.

GIẢI MÃ BÍ ẨN CỦA NÚI

TỪ CÁI THUỞ BAN SƠ NGƯỜI VIỆT...

Truuyền thuyết kể rằng, Lạc Long Quân là con vua Kinh Dương Vương, nhân đi du ngoạn trên hồ Động Đình mà gặp tiên nữ Âu Cơ, bèn cùng nhau kết duyên. Họ sinh ra một trăm con trai. Sau đó, vì kẻ nòi rồng, người chốn tiên, họ chia tay nhau. Năm mươi con theo cha xuống biển; năm mươi con theo mẹ lên núi. Người con trưởng theo mẹ Âu Cơ được lên làm vua, gọi là vua Hùng thứ nhất, lập kinh đô Văn Lang ở miền núi Phong Châu, Phú Thọ...

Truyền thuyết là những trang sử truyền miệng, chứa đựng nhiều huyền thoại, nhưng cũng mang trong mình các hồi quang của lịch sử. Như ta vẫn nói, cách đây khoảng bốn ngàn năm, trên đất nước ta đã hình thành một dạng nhà nước sơ khai gọi là thời kì các vua Hùng. Như vậy, nước Việt kể như được “lập quốc” ở miền đồi núi, sau đó mới tiến xuống đồng bằng.

Nhưng trước đó thì sao? Các nghiên cứu khảo cổ học cho thấy, trên dải đất Việt từ rất xa xưa đã có những con người cổ sơ vừa thoát thai ra khỏi loài vượn người. Những “cư dân” đầu tiên ấy đã có mặt cả ở miền Bắc lẫn miền Nam. Dĩ nhiên, họ chưa biết làm nhà, phải sống trong các hang núi. Và họ đã để lại trong hang động những di tích cho đời sau. Tại các hang Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn), người ta đã tìm thấy những chiếc răng hóa thạch của một phụ nữ trưởng thành và của một em bé khoảng chín tuổi. Ở vùng Núi Đọ (Thanh Hóa), tuy không tìm thấy xương cốt hóa thạch của người xưa, nhưng còn đó những công cụ đá thô sơ của người vượn cổ. Trong khi đó tại Xuân Lộc và Dầu Giây (Đồng Nai), người ta cũng tìm thấy những công cụ đeo gọt bằng đá trên những ngọn đồi đá bazan...

Cả ba nhóm người này sống cách đây chừng 400 đến 200 ngàn năm, họ “ăn lông ở lỗ” trong các hang núi để tránh mưa gió và thú dữ.

Những cư dân muộn hơn cũng để lại dấu vết hóa thạch trong các hang động như ở Kéo Lèng (Lạng Sơn), Thung Lang (Ninh Bình), Nậm Tun (Lai Châu), Thần Sa (Thái Nguyên)... Họ ngủ trong hang, đi săn bắt muông thú đem về nướng trên bếp lửa, khi chết cũng được chôn cất trong hang.

Phải đến chừng 30-20 ngàn năm trước, các cư dân mới mở rộng địa bàn khắp các vùng Bắc Việt Nam, từ Thái Nguyên, Lào Cai, Tây Bắc cho đến Bắc Trung Bộ. Các nhà khảo cổ học đặt tên cho họ là cư dân văn hóa

Ngườm và cư dân văn hóa Sơn Vi. *Ngườm* là tên gọi theo tiếng Tày, có nghĩa là Hang, vì di tích tìm thấy dưới mái hang Ngườm. Những cư dân này vẫn tiếp tục cuộc sống hoang dã gắn với núi rừng, bắt muông thú và hái lượm thức ăn trong thiên nhiên.

Thế rồi, vào khoảng 12.000 đến 11.000 năm trước, những cư dân trồng trọt đầu tiên bắt đầu xuất hiện. Nổi tiếng với tên gọi “cư dân văn hóa Hòa Bình”, họ không chỉ săn bắt, hái lượm, mà còn biết mò cua ốc, bắt cá và trồng những cây lương thực đầu tiên. Họ sống quần tụ thành những cụm dân cư tập trung ở các thung lũng đá vôi cacxtơ vùng Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu, Quảng Ninh, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Quảng Bình... Nơi cư trú của họ là gần các cửa hang hoặc dưới mái đá, nơi có không khí thoáng mát, nhiều ánh sáng và ở độ cao phổ biến từ 0,5 m đến 20 m so với mặt thung lũng.

Những chứng tích về thời tiền sử ấy được biết đến nhờ các nhà khảo cổ học. Đến thời đại Hùng Vương thì bắt đầu có tên gọi và được nhắc đến trong sử sách. Sách *Lĩnh Nam chích quái* chép về cuộc sống thời Hồng Bàng như sau: “*Hồi quốc sơ, dân không đủ đồ dùng, phải lấy vỏ cây làm áo, dệt cỏ tranh làm chiếu, lấy nước cốt gạo làm rượu, lấy cây quang lang, cây bung làm cơm, lấy cầm thú, cá, ba ba làm mắm, lấy rễ gừng làm muối, phát nương, làm rẫy... Lúc ấy dân sống ở rừng và chân núi, xuống nước đánh cá thường bị giao long hại...*”

Thời kì ở hang chấm dứt, người dân đã biết làm nhà sàn để ở. Các điểm dân cư được quy tụ trên những đỉnh gò, sườn đồi, chân núi và doi đất, vừa cao ráo vừa dễ phòng thủ. “Kinh đô” nơi các vua, quan lang ở cũng nằm trên sườn núi xung quanh vùng Gò Mun, Phong Châu, Phú Thọ. Sau đó mới tiến dần xuống đồng bằng tạo dựng nên một nền văn minh lúa nước.

Cuộc sống gắn liền với núi non, rừng rú nên ngày xưa người ta luôn tôn thờ những hiện tượng thiên nhiên, như sấm chớp, lũ lụt..., coi như thần thánh. Một trong những vị thần được tôn thờ là Thần Núi hay Sơn Thần.

Truyện Sơn Tinh - Thủy Tinh kể rằng, vào đời vua Hùng thứ 18, nhà vua có nàng công chúa Mị Nương xinh đẹp. Vua truyền tin kén rể hiền tài khắp cõi. Thủy Tinh và Sơn Tinh cùng đến ra mắt. Vua Hùng không biết chọn ai, bèn ra “đề thi” ai đem lễ vật đến trước thì được vua gả con gái cho. Hình như nhà vua có ý thiên lệch, toàn đòi những voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao, đều là sản vật của núi rừng. Nhờ vậy, Sơn Tinh đã “trúng cách” và được đón Mị Nương về núi. Thủy Tinh tức giận, dâng cao nước, đem đoàn quân thủy quái cua cá, thuồng luồng lên đánh Sơn Tinh. Nhưng nước dâng đến đâu, Sơn Tinh dùng phép thần thông cho núi mọc cao lên đến đó.

Sơn Tinh được dân thờ như một vị thần trong Tứ bất tử. Cùng với Sơn Tinh, nhân dân nhiều nơi còn lập cả miếu thờ các vị sơn thần khác là Cao Sơn và Quý Minh.

Giờ chúng ta cùng xem thực hư chuyện núi non mọc lên như thế nào nhé.

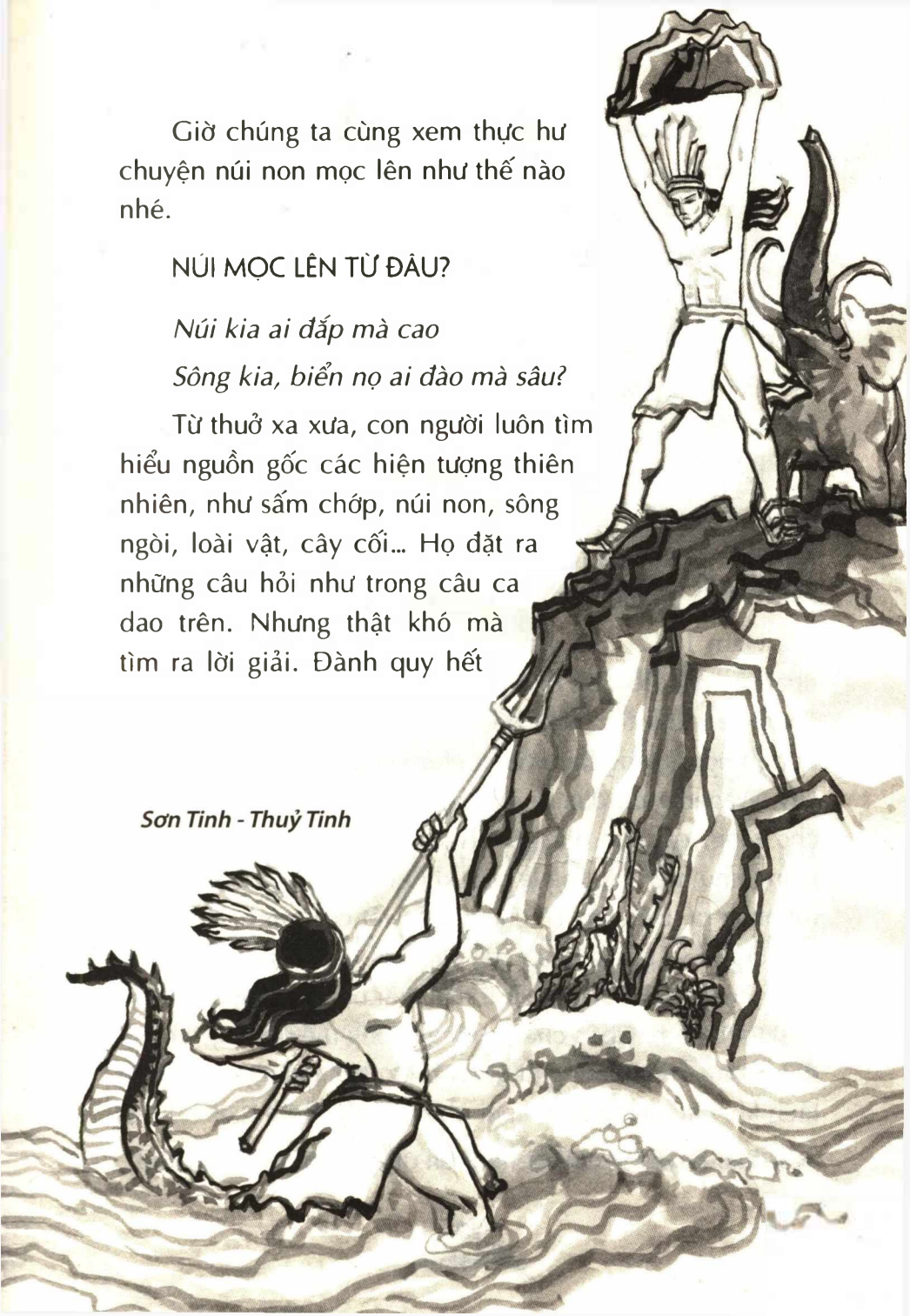
NÚI MỌC LÊN TỪ ĐÁU?

Núi kia ai đắp mà cao

Sông kia, biển nọ ai đào mà sâu?

Từ thuở xa xưa, con người luôn tìm hiểu nguồn gốc các hiện tượng thiên nhiên, như sấm chớp, núi non, sông ngòi, loài vật, cây cối... Họ đặt ra những câu hỏi như trong câu ca dao trên. Nhưng thật khó mà tìm ra lời giải. Đành quy hết

Sơn Tinh - Thủy Tinh



cho Trời, cho các vị thần. Đó là các vị khổng lồ tạo nên tất
tật mọi thứ:

Ông Đếm cát / Ông Tát bể

Ông Kể sao / Ông Đào sông

Ông Trồng cây / Ông Xây núi

Ông Túi trời / Ông Cờ cua

Ông Lùa chim / Ông Tìm sâu

Ông Xâu cá...

Nhiều hiện tượng thiên nhiên đã được khoa học giải
thích từ lâu. Riêng về nguyên nhân tạo ra núi non như thế
nào, các nhà khoa học địa chất đã phải trải qua nhiều thế
kỷ mới đưa ra được những học thuyết đáng tin cậy.

Năm 1912, nhà địa vật lí người Đức Alfred Wegener
nhận ra một điều: Bờ biển châu Phi và Nam Mỹ có sự tương
đồng đến khó tin. Nếu đem ghép vào nhau thì hầu như
trùng khớp, giống hai miếng ghép của trò chơi ghép hình
vậy. Wegener đã đưa ra giả thuyết “lục địa trôi giạt”. Ông
cho rằng, các lục địa trên Trái đất trước kia không phải
giống như hiện tại, mà là một khối chung, sau đó mới tách
rời nhau ra. Để củng cố cho giả thuyết của mình, Wegener
còn chỉ ra sự giống nhau của các hóa thạch trong lòng đất
ở hai bên bờ đại dương, như một loài bò sát sống cách đây
240 triệu năm. Chắc chắn chúng không thể bơi qua cả một
đại dương mênh mông như vậy được, mà chúng đã bị chia
tách khi các mảng tách khỏi nhau.

Giả thuyết của Wegener ban đầu bị cho là “ngây thơ”,

không được thừa nhận. Mãi đến nửa sau thế kỉ 20, ý tưởng của ông mới được các nhà địa chất hoàn chỉnh, xây dựng thành “Học thuyết kiến tạo mảng”.

Theo học thuyết này, vỏ Trái đất không phải là một lớp vỏ liền mạch như vỏ trứng, mà đã bị giập vỡ thành các mảnh gắn liền nhau. Các mảnh này được gọi là các mảng lục địa (dày) và mảng đại dương (mỏng), trôi giạt trên một quyển mềm của lớp manti (lớp đặc quánh và nóng bỏng bên dưới vỏ Trái đất). “Trôi giạt” là cách nói hình tượng thôi, chứ thực tế hiện tượng địa chất này không diễn ra nhanh chóng như những bè mảng trôi trên sông, mà chỉ nhích từng tí, từng tí một, kéo dài suốt hàng chục, hàng trăm triệu năm và nay vẫn tiếp diễn.

Người ta đã dựng lại được bản đồ các lục địa trên Trái đất qua các thời kì khác nhau. Tạm phác họa như sau:

Vào khoảng 200 triệu năm trước, tất cả kết thành một khối gọi là Toàn Lục Địa (Pangea).

Đến khoảng 130 triệu năm trước, châu Phi và Bắc Mỹ tách ra; Ấn Độ tiến sát gần mảng Á - Âu.

Khoảng 10 triệu năm trước, Nam Cực và châu Úc tách khỏi châu Á. Bắc Mỹ và châu Âu rời xa nhau...

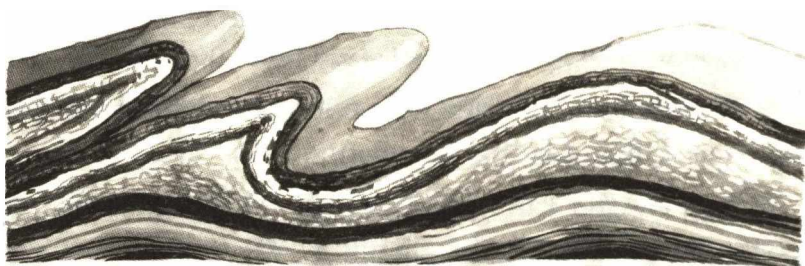
Khi các mảng chuyển dịch đâm vào nhau, sẽ có mảng xô lên thành núi cao, có mảng chúi xuống bên dưới tạo thành các đới hút chìm.

Khi các mảng tách rời nhau thì sẽ thành đại dương;

ở giữa chỗ tách giãn bị vỡ ra, dòng dung nham trong lòng đất trào lên, tạo thành các dãy núi ngầm giữa đại dương. Chẳng hạn khi châu Mĩ và châu Phi rời xa nhau đã hình thành nên Đại Tây Dương, giữa đại dương này có một dãy núi ngầm.

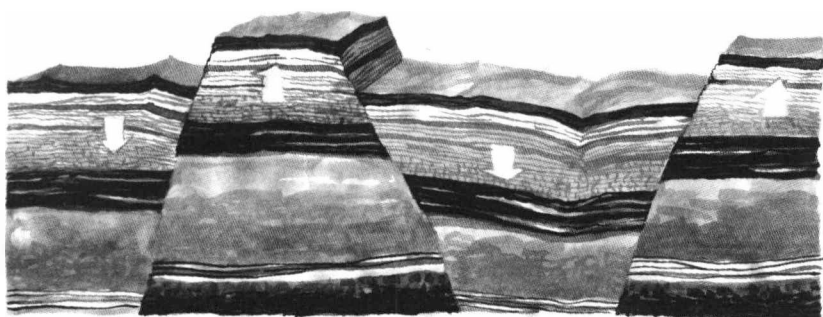
Nhắc đến chuyện bao la toàn cầu như vậy mới giải thích được sự hình thành núi non ở nước ta. Trước hết, ta thử xem núi non nước ta có những loại hình như thế nào.

Loại thường gặp nhất ở nước ta là *núi uốn nếp*, như dãy núi Hoàng Liên Sơn, dãy núi Con Voi hay Trường Sơn. Các tầng đá bị xô đẩy, vò nhàu, biến chất: đá trầm tích cát kết, đá phiến sét vốn mềm biến thành đá quaczit, đá gnei, đá sừng rắn chắc, đá vôi biến thành đá hoa...



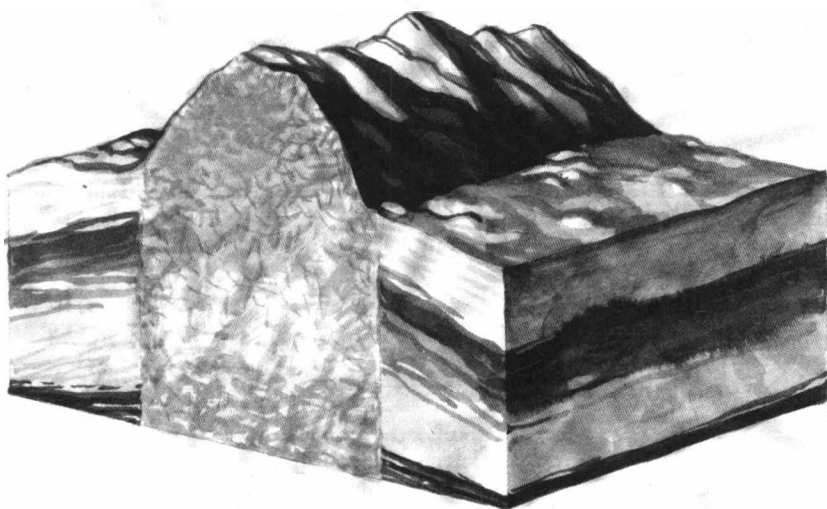
Núi uốn nếp

Loại thứ hai là *núi dạng khối* do các đứt gãy làm cho tầng đá ở hai bên sụt xuống, khối đá ở giữa nâng lên, nhưng các địa tầng vẫn giữ nguyên thể nằm ngang, không bị vò nhàu. Loại này ít thấy ở nước ta.



Núi dạng khối - đứt gãy

Loại thứ ba là *núi xâm nhập*. Nguyên là bên dưới lòng đất có lò macma dưới dạng dung dịch đặc quánh nóng bỏng. Do một nguyên nhân nào đó, dung dịch này chui lên vỏ Trái đất, nhưng bị các địa tầng bên trên chặn lại.



Núi xâm nhập

Chúng không thoát ra ngoài, mà nguội dần, kết tinh thành đá. Loại đá này rất cứng, như đá granit (hoa cương), đá pecmatit... Sau này, khi mặt đất được nâng lên, các tầng đá trầm tích phía trên bị bào mòn, thì lõi đá macma rắn chắc phía dưới lộ ra. Dạng núi xâm nhập này thường tạo nên các đỉnh núi cao ở nước ta, như núi Phia Ya, Phia Biooc, Bạch Mã...



Núi lửa

Ngoài ba dạng núi trên còn có dạng *núi lửa* do dung nham trào lên trên bề mặt. Khác với đá xâm nhập kết tinh ở dưới sâu, các dung nham núi lửa được giải phóng nhanh

chóng đông cứng lại dưới dạng tro núi lửa hay đá bazan màu xám. Núi lửa cổ thường có hình chóp nón, ở giữa có hồ nước vốn là miệng núi lửa xưa. Dạng núi này gặp ở Tây Nguyên, nhưng thường bị bào mòn, bồi lấp nên không mấy khi nguyên vẹn.

Trải qua những thăng trầm, va đập trong quá khứ xa xưa như thế nên hệ thống núi non nước Việt mới mang những dáng dấp, hình thể như ngày nay.

NÚI NON MÃY ĐỘ SINH THÀNH

Địa hình nước ta có dạng hình chữ S, phình ra ở hai đầu Bắc Bộ và Nam Bộ, uốn cong kéo dài một dải ở Trung Bộ.

Địa hình ấy được hình thành và phát triển qua một chiều dài lịch sử hàng ngàn triệu năm.

Thuở xa xưa, vào thời gọi là Thái cổ cách đây 2,5 tỉ năm, toàn bộ địa hình đất nước ta khi ấy chìm trong biển cả. Trên đáy biển tích tụ những lớp trầm tích, chùng tích là những đá biến chất dày có tuổi 2,3 tỉ năm lộ ra ở thượng nguồn Sông Chảy và Kon Tum. Từ đó vỏ lục địa mỏng manh mới bắt đầu hình thành.

Mặt đất khi được nâng lên khi bị nhấn chìm xuống, cùng với hiện tượng khi thì biển tiến vào đất liền, khi thì biển thoái lui ra xa tít tắp. Hai mảng lục địa Á - Âu và mảng Ấn Độ từ hai phía dịch chuyển dần lại với nhau. Đến một lúc nào đó hai mảng này đâm sầm vào nhau làm vỏ Trái đất đảo lộn, nâng lên sụt xuống, vò nhàu, đứt gãy, dung nham

trào lên, động đất rung chuyển, núi lửa phun ào ạt... Một cuộc “vận động tạo núi” đã từng diễn ra như thế.

Vỏ Trái đất nước ta đã chịu tác động của một số cuộc vận động tạo núi qua các thời kì, trong đó lần cuối cùng xảy ra khoảng 170 triệu năm trước, có tên là Indôxini (tức là Vận động Đông Dương). Đó là một cuộc vận động mang tính cục bộ, “chốt” lại những xáo động vĩ mô đối với nước ta.

Mảnh đất Việt từ đây đã hình thành khung sườn “lục địa”, thoát hẳn ra khỏi chế độ biển, bước vào thời kì hoạt động “tân kiến tạo” khắc họa nên tấm bản đồ địa hình ngày nay. Cuộc vận động đáng kể nhất trong thời kì này tạo nên dãy núi Himalaya cao ngất khi hai mảng kiến tạo phía đông và tây lại xô vào nhau. Vận động này làm dồn lên dãy núi trẻ Hoàng Liên Sơn có đỉnh Phan Xi Păng, được mệnh danh là nóc nhà Đông Dương và dãy Con Voi bên cạnh có cấu tạo đá “cổ kính”. Tại ranh giới hai mảng hình thành một địa hào dọc theo đứt gãy sông Hồng theo hướng tây bắc - đông nam. Hai cánh đông và tây ở hai bên đứt gãy trượt so le nhau, cánh phía đông dịch lên phía tây bắc, cánh phía tây trượt theo chiều ngược lại, tạo ra hình thế đối xứng nghịch.

Phía cuối địa hào là một vùng trũng được lấp đầy trầm tích trẻ hình thành nên đồng bằng Bắc Bộ.

Từ đây, nền móng nước ta đã được cố kết, nhưng vẫn có từng đợt nâng lên hạ xuống “nhẹ nhàng”. Mỗi đợt nâng

lên lại tạo nên một mặt bằng như cao nguyên. Tiếp đó là thời kì yên tĩnh để “các hoạt động của Thủy Tinh” diễn ra, tức là các dòng nước xâm thực, xói mòn tạo ra các thung lũng, hẻm vực chia cắt mặt bằng thành những ngọn núi, khối núi riêng biệt. Cho nên có nhà địa lí Pháp trước đây từng nói rằng ở miền Bắc Việt Nam không có núi mà chỉ có những thung lũng, hẻm vực chia cắt địa hình mà thôi.

Đến giai đoạn cuối này, vùng Tây Nguyên có một đợt núi lửa phun trào khá đồ sộ tạo nên một vùng đá bazan rộng lớn. Các vùng trũng sông Hồng, sông Cửu Long được phù sa bồi lấp thành các châu thổ. Thảng hoặc một vài nơi có núi lửa thoi thóp phun lên như ở Phú Quỳ, Vĩnh Linh, Lao Bảo vào thời kì mà địa chất học gọi là kỉ Đệ tứ - khi loài người đã làm chủ hành tinh.

Cuối cùng, bức tranh địa hình Việt Nam thể hiện trên bản đồ như thế này:

Nhìn lên bản đồ châu Á, ta thấy dãy Himalaya đồ sộ như nóc nhà của thế giới. Dãy núi này giống như một con rồng vĩ đại, đầu là cao nguyên Tây Tạng có đỉnh Everest cao chót vót 8.848 m, thân mình uốn lượn dọc theo biên giới phía bắc Ấn Độ, ngang qua cao nguyên Vân Nam theo hướng tây - đông, sau đó quặt xuống dãy Hoàng Liên Sơn nơi có đỉnh Phan Xi Păng và đuôi xòe tỏa rộng ra bao quanh đồng bằng Bắc Bộ, chệch xuống Trường Sơn và vẫy vùng nhấp nhô dưới vịnh Hạ Long.

Phần “đuôi rồng” tạo ra hai mạch sơn văn chính ở nước

ta: các mạch núi hình vòng cung ở Đông Bắc và các mạch núi hướng tây bắc - đông nam ở miền Tây Bắc và Trung Bộ.

Vòm Sông Chảy được hình thành sớm nhất, nhô lên thành vòm có đỉnh Tây Côn Lĩnh (2.419 m) cao nhất miền Đông Bắc. Vòm Sông Chảy là một “hạt nhân” có các lớp “cánh cung” ôm lấy như những cánh hoa bao quanh bầu nhị, những nan quạt xòe ra, đỉnh tụ lại ở dãy Tam Đảo. Mỗi cánh cung là một mạch núi ngăn cách với nhau bởi một thung lũng.

Phía trong cùng là *Cánh cung Sông Gâm* chạy theo hướng đông - tây, cấu tạo bởi đá vôi và sa diệp thạch (cát kết và đá phiến). Phía bắc của nó là sơn nguyên đá vôi Đồng Văn - Quản Bạ.

Vùng trung xen kẽ chuyển tiếp sang cánh cung khác là thung lũng sông Cầu cày xới trên nền đá sa thạch xen diệp thạch.

Cánh cung thứ hai là *Cánh cung Ngân Sơn* chủ yếu là sa diệp thạch xen một ít đá vôi. Cánh cung này nối với dãy núi Yên Lặc, thành một cánh cung hoàn chỉnh có mặt lồi về phía đông.

Cánh cung thứ ba - *Cánh cung Bắc Sơn*, chủ yếu là khối đá vôi chạy dài từ bắc Thái Nguyên tới phía tây và nam Lạng Sơn, đã chuyển hướng tây nam - đông bắc rõ rệt. Tại đây có dạng “địa hình đảo ngược”, vì vốn dĩ là một nếp lồi do hoạt động kiến tạo được nâng lên, nhưng đỉnh nếp lồi lại bị bào mòn mạnh, nên trũng xuống.

Cánh cung bọc ngoài cùng là *Cánh cung Đông Triều*, gồm hai dãy núi Nam Mẫu và Bình Liêu kết hợp lại, ban đầu chạy theo hướng vĩ tuyến tây - đông sát bờ biển vịnh Bắc Bộ, rồi lùi dần về phía bắc. Cánh cung này không liên tục, ở giữa là vùng núi thấp và bị nhiều sông suối cắt ngang như sông Ba Chẽ, sông Phố Cũ, sông Tiên Yên...

Sự hình thành các cánh cung núi có ảnh hưởng rõ rệt tới thời tiết, khí hậu miền này. Hằng ngày, trên chương trình dự báo khí tượng của đài truyền hình, ta thấy nhiệt độ miền Đông Bắc vào mùa đông thường thấp hơn miền Tây Bắc một vài độ. Sở dĩ như vậy là do gió mùa từ phía đông bắc hun hút thổi về qua những “miệng phễu” mở rộng, mang cái giá rét thông thoáng đột nhập vào các thung lũng nơi đây.



Tiếp theo, chúng ta sẽ đến với các dãy núi chính của nước ta. Trước hết là các mạch núi miền Tây Bắc. Kẹp giữa sông Hồng và sông Đà là dãy *Hoàng Liên Sơn* sừng sững như nóc nhà Việt Nam và của cả Đông Dương. Đỉnh cao nhất là Phan Xi Păng cao 3.143 m.

Do bị nén ép từ hai phía tạo nên các đứt gãy song song, núi non miền Tây Bắc cho đến miền Bắc Trung Bộ có kết cấu thành các dải sơn nguyên và sông suối kéo dài theo hướng tây bắc - đông nam. Các sơn nguyên này phần lớn được cấu tạo bởi đá vôi. Từ Sơn La xuống Mộc Châu, Hòa Bình,



Bản đồ địa hình Việt Nam



độ cao các sơn nguyên đá vôi này cứ hạ thấp dần và chấm dứt ở Ninh Bình.

Tây Bắc còn có một khối núi lớn nữa ở thượng nguồn sông Mã. Dãy núi này có độ cao trung bình, hơi bè rộng vòng sang bên nước bạn Lào và lan tỏa xuống tận xứ Thanh. Đây chính là đường phân thủy, một bên nước đổ vào hệ thống sông Mê Kông, một bên nước đổ xuống sông Mã.

Dãy núi lớn tiếp theo mà người Việt Nam ai cũng biết đến là *dãy Trường Sơn*, xuất phát từ thượng nguồn sông Cả trên đất Lào kéo dài mãi đến Nam Trung Bộ.

Trường Sơn có nghĩa là “núi dài”. Quả thật đây là dãy núi dài nhất Đông Dương, chiều dài khoảng 1.100 km. Các nhà địa lí chia ra thành Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam.

Trường Sơn Bắc được kể từ cao nguyên Trấn Ninh bên Lào, gồm nhiều nếp núi song song, xếp so le kiểu cánh gà theo hướng tây bắc - đông nam, kéo dài tới sát biển Đà Nẵng. Đây là một miền núi già, bị chia cắt nhiều bởi những con đèo, hẻm sông, với những đỉnh Phu Lai Leng, Rào Cỏ, Ba Rền, U Bò...

Gió tây vượt qua đỉnh Trường Sơn tạo thành thứ “gió Lào” khô nóng. Ngược lại phía sườn đông hứng mưa bão từ Biển Đông tràn về gây lũ lụt hằng năm. Dãy Bạch Mã lại tạo một đường ranh giới khí hậu phía bắc và phía nam khi ta vượt qua đèo Hải Vân.

Từ Đà Nẵng trở vào thuộc dãy Trường Sơn Nam, mạch

núi đã bắt đầu chuyển dần theo hướng bắc tây bắc - nam đông nam, rồi chuyển thành hướng bắc - nam. Phía tây đất nước vòng cao lên khối cao nguyên Tây Nguyên đất đỏ trên đá bazan.

Các núi ở Nam Trung Bộ ngoặt sang hướng đông bắc - tây nam, thấp dần xuống miền Đông Nam Bộ...

Hệ thống sơn văn ấy chính là “xương cốt” hình thành nên hình dạng chữ S của đất nước ta, uốn lượn bên bờ Biển Đông sóng vỗ.

NÚI CAO, NÚI THẤP VÀ CAO NGUYÊN...

Liên quan đến những khái niệm này, trước hết chúng ta cần làm rõ: Thế nào gọi là núi? *Từ điển tiếng Việt* của Viện Ngôn ngữ học (2001) giải thích: “*Núi - Địa hình lồi, sườn dốc, nổi cao lên trên mặt đất, thường cao trên 200 m*”. Thấp hơn thì gọi là đồi: “*Dạng địa hình lồi, có sườn thoải, thường không cao quá 200 m*”.

Với các nhà địa lí, việc phân chia định loại chi tiết hơn, thành các dạng núi cao, núi trung bình, núi thấp, sơn nguyên, cao nguyên, đồi và bán bình nguyên.

- *Núi cao* phải kể từ 2.500 m trở lên. Ở nước ta dạng núi cao như thế chỉ chiếm 1% diện tích, phân bố tập trung ở miền Tây Bắc. Các núi cao này thuộc loại “trẻ”, được nâng lên mạnh và thường cấu tạo bởi các loại đá cứng rắn như granit và xienit, nên địa hình sắc sảo, đường phân thủy như những răng cưa, có những đỉnh nhọn hoắt. Sườn núi

rất dốc, đến $35 - 40^{\circ}$, ở giáp đỉnh và dưới chân có khi tới $45 - 50^{\circ}$. Các thung lũng thường là những hành lang hẹp, vách đứng, cứ như những nhát xẻ. Nước chảy xiết, cuộn cuộn trôi, xâm thực mãnh liệt.

Núi cao nhất ở nước ta là dãy Hoàng Liên Sơn với đỉnh Phan Xi Păng 3.143 m. Một số núi khác cũng được kể là núi cao, như Tả Yang Pinh 3.096 m, Pu Luông 2.913 m, Pu Lai Leng 2.711 m, Tây Côn Lĩnh 2.419 m. Các núi đó đều ở miền Bắc. Miền Nam có đỉnh Ngọc Lĩnh cao 2.598 m, A Tuất 2.500 m.

- Dạng *núi cao trung bình* có đỉnh từ 1.500 đến 2.500 m, hình dáng vòm khối tảng, cấu tạo từ đá granit và đá biến chất uốn nếp, sườn dốc $25 - 30^{\circ}$, thung lũng hẹp.

Có thể kể đến các đỉnh Pu Tha Ca 2.274 m, Kiều Liêu Ti 2.403 m, Phia Ya 1.981 m, Phia Oắc 1.931 m ở miền Đông Bắc; Pu Sam Sao 1.898 m, Tà Phình 1.861 m, Pi Phạc Me 1.809 m ở miền Tây Bắc; các ngọn Pu Lai Leng 2.711 m, Chử Yang Sin 2.405 m, Bi Đúp 2.297 m, Rào Cỏ 2.286 m, Lang Biang 2.163 m, Vọng Phu 2.022 m, Ta Đưng 1.892 m ở miền Nam trên dãy Trường Sơn...

- *Núi thấp* có độ cao từ 500 đến 1.500 m. Đây là dạng núi chiếm đa số ở miền núi nước ta, được cấu tạo bởi đủ thứ đá từ trầm tích, biến chất đến macma. Các dãy núi cánh cung Đông Bắc hay phần lớn dãy Trường Sơn đều thuộc dạng này. Tuy nhiên, cũng có những đỉnh núi chỉ đạt độ cao trung bình, nhưng so với xung quanh lại là núi cao, như

núi Mẫu Sơn 1.541 m, đỉnh Tản Viên 1.281 m...

- *Cao nguyên* là những vùng cao có bề mặt tương đối bằng phẳng, cao thấp chênh nhau không quá 25 m. Ở nước ta chỉ có vùng Tây Nguyên có lớp bazan phủ tràn đều trên nền đá cổ tạo thành bề mặt lượn sóng nhấp nhô có thể coi là cao nguyên.

Một số nơi quen gọi là cao nguyên như “cao nguyên đá” Đồng Văn, cao nguyên Bắc Hà - Mường Khương, cao nguyên Sơn La... được cấu tạo bởi đá vôi, tuy cũng có những đỉnh cao sần sần nhau, nhưng đã bị xâm thực chia cắt thành các thung đôi khi rất sâu, chỉ nên gọi là *sơn nguyên*.

- *Đồi* có độ cao tương đối (tính từ chân tới đỉnh) từ 25 đến 200 m, độ cao tuyệt đối so với mặt biển dưới 500 m. Ở nước ta, vùng đồi rộng lớn nhất là vùng Đông Bắc từ cánh cung Ngân Sơn đến sát đồng bằng, mà ta quen gọi là *miền trung du*. Sông suối vùng đồi vẫn có sức xâm thực vào đất



Các dạng núi đồi

đá, nhưng dòng chảy đã yếu đi, tạo nên những bậc thềm và bãi bồi trong các thung lũng bên sông.

Do quá trình phong hóa, trên bề mặt vùng đồi hình thành một loại “đá” đặc biệt là đá ong. Đá ong khi nằm dưới đất còn mềm có thể dùng mai, xẻng xắn thành từng tảng vuông vắn, khi phơi lên mặt đất trở nên rắn chắc, dùng để làm nhà, xây tường chắn quanh sân vườn...

Diện tích các đồi tương đương với diện tích núi. Do sự xâm thực của sông, suối trong suốt quá trình hình thành, các đồi tạo thành những bậc thềm tương đối có cùng độ cao. Nếu như các vùng núi còn hoang sơ thì các vùng đồi hầu như đã được con người khai thác, quần tụ thành làng mạc, khu dân cư, đất trồng trọt; rừng nguyên sinh đã được thay thế bằng rừng thứ sinh hay rừng trồng cây thuần chủng dùng làm nguyên liệu cho công nghiệp.

Chúng ta hãy tưởng tượng, châu thổ Sông Hồng như một sân bóng khổng lồ của những người khổng lồ, thì những bậc thềm sông và các mặt bằng núi non bao quanh chẳng khác nào những bậc ghế từ thấp lên cao quanh sân vận động dành cho những khán giả khổng lồ vậy.

Vùng đồng bằng Bắc Bộ hầu như tỉnh nào cũng có những đồi thấp, trừ hai tỉnh Thái Bình và Hưng Yên.

Đôi khi các địa hình nhô lên ở đồng bằng chỉ là đồi nếu theo đúng “tiêu chuẩn”, nhưng do có độ cao tương đối so với xung quanh nên vẫn được gọi là “núi”, như núi Phật Tích, núi Côn Sơn...

- *Cacxtơ*: Nước ta có nhiều khối đá vôi rộng lớn tạo nên các dạng địa hình cacxtơ độc đáo, những đỉnh núi dốc đứng trơ trụi, những thung lũng, những cánh đồng cacxtơ, những hang động kì thú. Ta sẽ dành hẳn một mục riêng để nói về loại địa hình đặc biệt này.

NGUỒN CỦA CHÌM GIẤU TRONG LÒNG ĐẤT

Tại sao có mỏ quý trong lòng đất? Đó cũng là những bí ẩn mà bao thế hệ các nhà khoa học trên thế giới tìm cách khám phá.

Trước tiên nói về loại mỏ sinh ra từ bên trong lòng đất, gọi là “mỏ nội sinh”. Ở bên dưới vỏ Trái đất có các lò macma nóng chảy chẳng khác gì lò luyện đan của Thái Thượng Lão Quân trong thần thoại. Cái mớ hổ lốn nóng bỏng bị nén chặt ấy chứa đủ thứ nguyên tố. Một khi vỏ Trái đất bên trên bị xô đẩy, xuất hiện các khe nứt, thì những dòng dung nham lập tức có cơ hội xuyên lên. Nhiều trường hợp nó chưa tới được mặt đất mà chỉ xuyên đến một mức nào đó thì đã nguội lạnh đi, tạo thành các khối đá xâm nhập, như đá granit (hoa cương), đá xienit. Giữa khối đá, các khoáng vật được kết tinh thành tinh thể như thạch anh, fenspat, mica, nhưng chúng vẫn chỉ là khoáng vật tạo đá nằm sít sít nhau, ít thành mỏ quặng. Trong khi ở phần bên rìa, quá trình hạ nhiệt dần dần theo từng giai đoạn đã tạo điều kiện cho những tinh thể kết tinh thành các loại quặng khác nhau, như quặng thiếc, chì, kẽm, hay kim loại tự sinh



như vàng. (Vàng gốc không cần kết hợp với nguyên tố khác được gọi là vàng tự sinh). Macma còn có thể len lỏi theo các khe nứt đi lên phía trên, tạo ra các mỏ cách xa khối đá xâm nhập chính.

Trường hợp dòng dung nham xuyên thủng được lên bề mặt sẽ tạo nên núi lửa. Tro núi lửa phun lên cao tích tụ lại thành loại đá túp, xốp nhẹ. Dung nham núi lửa nguội lạnh tạo thành các khối đá bazan, thường có cấu tạo dạng cột. Đá bazan sau này bị phong hóa thành quặng bauxit. Dung nham đọng lại trong hõng núi lửa tạo thành một loại đá đặc biệt gọi là kimbeclit; những viên kim cương lấp lánh chính là được hình thành trong các đá hõng núi lửa này.

Dù cứng rắn như thế nào, trải qua năm tháng dưới nắng nung, nước xói, đá cũng phải rã rời, vỡ ra thành hòn, thành cuội, thành cát. Những vật liệu vỡ rời này trôi theo dòng nước tích tụ lại thành các tầng, các vỉa, nhưng do nặng nhẹ khác nhau, được sàng sẽ thành các vỉa quặng dạng cát. Các mỏ vàng, mỏ thiếc, mỏ titan sa khoáng... đã được hình thành như vậy.

Người ta gọi các mỏ trầm tích sinh ra trên bề mặt đất như thế là *mỏ ngoại sinh*. Mỏ than cũng là mỏ ngoại sinh, nhưng không phải do tích tụ của đá vụn, mà do những cánh rừng thời xa xưa bị vùi lấp dưới nước, bị nén ép, cháy ngấm hóa thành các vỉa than. Khi còn “non” là than bùn, than nâu, than lửa dài; khi “già”, thành than mỡ, than đá, than antraxit...

Sự hình thành của các mỏ dầu là do trầm tích động vật, tảo biển và vi sinh vật bị phân hủy dưới sâu biến thành chất lỏng sền sệt hoặc khí đốt. Chất lỏng này nhẹ hơn nên len lỏi qua các lỗ hổng chui lên, trên đường đi bị chặn lại bởi các “bẫy” - những vòm đá chắn phía trên - tụ lại thành



Khai thác mỏ

mỏ dầu. Tuy nhiên, đây chỉ là một giả thuyết. Nguyên nhân của sự tạo thành dầu mỏ vẫn còn nhiều bí ẩn. Hiện nay người ta đã phát hiện dầu mỏ không chỉ nằm trong các tầng đá trầm tích mà còn trong các đá nền móng xâm nhập bên dưới, nghĩa là dầu mỏ cũng có thể tạo ra từ sự kết hợp các nguyên tố trong lò macma!

Điều kiện địa chất nước ta rất thuận lợi cho việc sinh thành các mỏ. Do những vận động tạo núi, vỏ Trái đất nước ta bị xô đẩy, uốn nếp, đứt gãy, vỡ vụn, tạo điều kiện cho các lò macma dâng lên đem theo nhiều khoáng sản kết đọng lại thành mỏ.

Mỏ sắt Thái Nguyên đã được khai thác và xây dựng thành Khu gang thép từ hơn nửa thế kỉ trước. Nhưng những mỏ tìm thấy sau này có trữ lượng còn lớn hơn rất nhiều, như mỏ Quý Xa (Yên Bái), mỏ Tòng Bá (Hà Giang). Lớn nhất là mỏ sắt Thạch Khê (Hà Tĩnh). Ngoài ra, ở Cao Bằng, Thanh Hóa, Quảng Ngãi... cũng có những mỏ sắt nhỏ.

Mỏ cromit Cổ Định (Thanh Hóa) có nguồn gốc sinh thành là khối đá xâm nhập peridotit Núi Nưa. Mỏ này đã được người Pháp phát hiện và khai thác từ năm 1927. Từ khoáng vật cromit, người ta lấy ra được crom rất cần thiết trong công nghiệp chế tạo các hợp kim, thép không gỉ và mạ kim loại.

Mỏ thiếc Tĩnh Túc (Cao Bằng) là mỏ thiếc duy nhất được người Pháp biết đến và khai thác từ năm 1903 để chuyển về chính quốc. Quặng thiếc có nguồn gốc từ khối đá granit

Phia Bắc, bị bào mòn phá hủy thành các hạt trầm tích sa khoáng trong thung lũng sông. Ngày nay đã tìm được thêm nhiều mỏ thiếc ở Tam Đảo, Sơn Dương (Tuyên Quang), Quỳnh Châu (Nghệ An) và Thường Xuân (Thanh Hóa).

Bauxit là quặng dùng để luyện nhôm, một kim loại mang tính chiến lược. Mỏ bauxit của nước ta nằm rải rác trên các khu vực đá vôi tuổi Pecmi⁽¹⁾, như ở Lạng Sơn, Tuyên Quang, Lai Châu, Sơn La, kể cả ở Hải Dương. Tuy nhiên, chỉ mỏ bauxit phong hóa trên đá bazan ở Tây Nguyên mới được xếp vào một trong năm khu vực có trữ lượng bauxit lớn nhất thế giới.

Đất hiếm là tên gọi chung của một nhóm kim loại có tính chất hết sức đặc biệt và không thể thiếu được đối với các ngành công nghệ cao, chiếm tỉ lệ rất nhỏ trên vỏ Trái đất. Đất hiếm thường rất phân tán, ít khi tập trung thành mỏ quặng. Nhưng ở nước ta đã phát hiện được những mỏ đất hiếm tuy không lớn nhưng đủ chủng loại. Việc phát hiện ra mỏ ceri - một nguyên tố đất hiếm quan trọng - cũng tình cờ và thú vị. Nguyên là ở Bảo tàng Địa chất (Hà Nội) có trưng bày nhiều đá và hóa thạch thu thập được từ thời Pháp. Một hôm các nhà địa chất dùng máy đếm phóng xạ Geiger rà soát các mẫu đá thì thấy một số mẫu phát ra tiếng nổ liên tục, chứng tỏ có chất phóng xạ. Dựa vào địa chỉ ghi trên nhãn các mẫu đá đó, họ lặn lội tìm đến nơi và phát

(1) Kì Pecmi, cách đây khoảng 250 triệu đến 300 triệu năm.

hiện ra những vĩa quặng ceri màu phớt hồng nằm trong đá phun trào màu xanh. Các mỏ quặng đất hiếm gốc đã được tìm thấy ở Tây Bắc và quặng sa khoáng dạng cát đen ở ven biển Trung Bộ.

Các kim loại khác như titan, đồng, chì - kẽm, molipden, mangan, vonfram, thủy ngân, vàng, bạc và cả urani (nguyên tố phóng xạ)..., đất nước ta đều có; tuy quy mô của các mỏ không lớn, nhưng vẫn có thể đáp ứng được nhu cầu của sự phát triển công nghiệp sau này.

Về khoáng sản phi kim, đáng kể nhất là mỏ apatit Lào Cai, có thể xếp vào loại mỏ có trữ lượng lớn và chất lượng tốt. Ngoài ra còn có các mỏ photphat nhỏ nằm rải rác trong các hang động núi đá vôi ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Tuyên Quang, Nghệ Tĩnh...

Than đá tập trung ở ven biển tỉnh Quảng Ninh; nhiều mỏ lộ thiên và hầm lò đã được khai thác, trữ lượng nằm sâu trong lòng đất vẫn còn khá lớn. Ngoài ra, than nâu, than bùn nằm sâu dưới đồng bằng Bắc Bộ có trữ lượng rất lớn, sẽ là nguồn nhiên liệu dồi dào cho mai sau.

Núi đá vôi trải rộng khắp miền Bắc cho đến Quảng Bình. Đó là nguồn nguyên liệu làm xi măng và vật liệu xây dựng rất dồi dào của nước ta. Ở miền Nam, đá hoa hay còn gọi là đá cẩm thạch ở Ngũ Hành Sơn (Đà Nẵng) cũng từ đá vôi biến chất thành đá mã nghệ. Một số nơi ở Tây Nguyên và Hà Tiên cũng có đá vôi, tuy không nhiều.

Nước ta còn có các khoáng sản phi kim như cát thủy

ting, caolin, fenspat, sét chịu lửa, mica, graphit (than chì)..., nhưng chỉ với trữ lượng nhỏ.

Có một loại khoáng sản ở dạng lỏng, đó là các nguồn nước khoáng, nước nóng. Lòng đất nước ta bị nhiều đứt gãy lớn nhỏ cắt xẻ các tầng đá, nên các mạch nước khoáng có nhiều đường thoát lên mặt đất. Nếu như trước đây chúng ta chỉ biết tới nước khoáng Vĩnh Hảo, nước khoáng Kim Bôi thì ngày nay đã tìm được thêm ở nhiều nơi, như Sơn La, Lai Châu, Hòa Bình, Tuyên Quang, Lạng Sơn, Phú Thọ, Ninh Bình cho đến Thừa Thiên - Huế, Quảng Ngãi, Bình Thuận, Khánh Hòa, Kon Tum, Tây Nam Bộ... Tại nhiều nơi người ta đã khai thác các nguồn nước khoáng này để làm dịch vụ du lịch, làm nơi nghỉ dưỡng.

Kể về khoáng sản đương nhiên phải nhắc tới các mỏ dầu. Tuy nhiên phần lớn các mỏ dầu nằm dưới lòng sâu đáy biển, nên sẽ được đề cập ở một cuốn khác về đề tài này.

NÚI RỪNG GHI DẤU CHIẾN CÔNG

Núi nước ta chưa phải là cao, nhưng vô cùng hiểm trở, do một mạng lưới sông suối chia cắt dày đặc, tạo nên những hẻm vực sâu hun hút, giao thông đi lại khó khăn. Xưa kia rừng mọc rậm rạp, có nhiều thú dữ càn làm miền rừng núi trở nên heo hút.

Tuy vậy, các hang núi đã từng là nhà ở che mưa nắng cho người Việt cổ. Muông thú dồi dào, cây rừng bát ngát từng là nguồn thức ăn sẵn có nuôi sống con người.

Nước Văn Lang của các vua Hùng đóng đô trên vùng núi, các làng chạ quần tụ chủ yếu ven đồi núi.

Núi rừng chính là căn cứ địa, là thành quách thiên nhiên giúp cho nhân dân ta đánh giặc giữ nước.

Khi nhà Tần sai Đồ Thư đem quân xâm lược Bách Việt, quân Tần cần phải đào kênh chở lương cho đội quân đông đảo. Người Việt ban ngày bỏ trốn vào rừng, ban đêm đột ngột xuất hiện dùng tên độc bắn giết quân giặc, cướp lương thực của chúng. Địa hình rừng núi và sự chống trả của người Việt đã khiến quân giặc lâm vào cảnh: *"Đóng binh ở đất vô dụng, tiến không được, thoái cũng không được. Trong hơn mười năm, đàn ông phải mặc áo giáp, đàn bà phải chuyên chở, khổ không sống nổi. Người ta tự treo cổ trên cây dọc đường. Người chết trông nhau..."* (Sử kí Tư Mã Thiên).

Trong lịch sử chống ngoại xâm của nhân dân ta, miền núi cũng là mồ chôn quân giặc và ghi dấu chiến công vẻ vang của dân tộc.

"Muốn coi lên núi mà coi / Coi bà Triệu tướng cười voi đánh công". Núi ấy là núi Nưa (Thanh Hóa), nơi bà Triệu tập luyện quân sĩ để nổi dậy đánh quân Đông Ngô.

Khi khởi nghĩa chống nhà Đường, Mai Thúc Loan đã xây dựng kinh đô chiến lũy trên núi Vạn An (Nghệ An), lên ngôi vua tức Mai Hắc Đế.

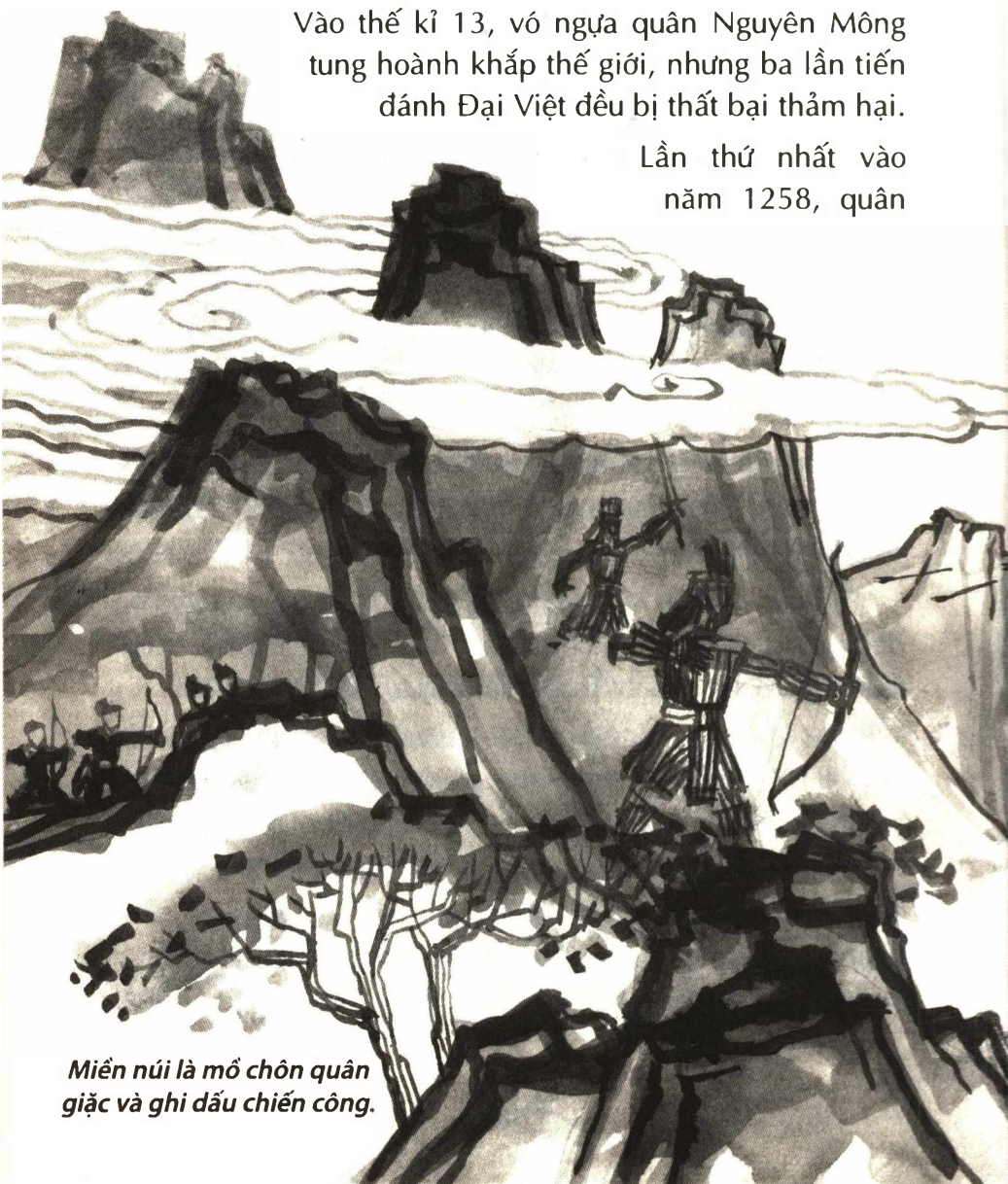
Sau khi Ngô Quyền và tiếp đến Đinh Bộ Lĩnh xây nền độc lập tự chủ, các triều đại phong kiến Trung Hoa vẫn không ngừng nhòm ngó hòng xâm chiếm nước ta. Thông thường đại quân của chúng tập trung từ hai tỉnh Lương



Quảng tiến đánh qua ngả Lạng Sơn. Và một cánh quân phụ từ Vân Nam xuôi theo sông Hồng để hợp quân. Dù theo đường nào chúng cũng gặp phải núi non hiểm trở ngăn cản bước tiến và bị quân dân ta đón đánh.

Vào thế kỉ 13, vó ngựa quân Nguyên Mông tung hoành khắp thế giới, nhưng ba lần tiến đánh Đại Việt đều bị thất bại thảm hại.

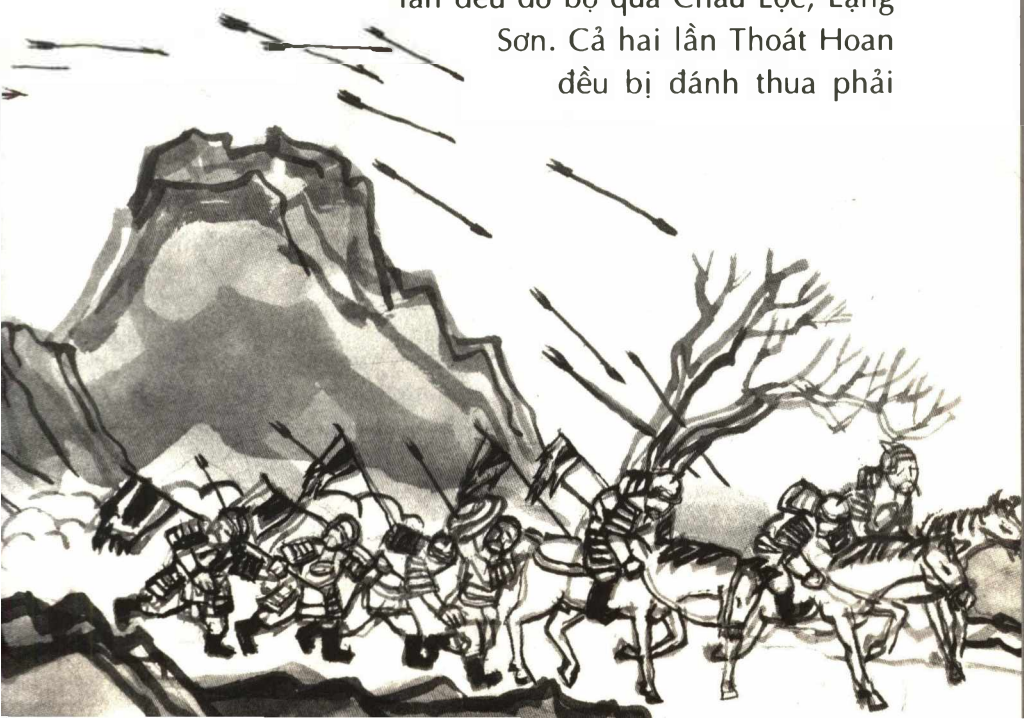
Lần thứ nhất vào năm 1258, quân



Miền núi là mồ chôn quân giặc và ghi dấu chiến công.

Mông Cổ đem 3 vạn quân cùng với 1,5 vạn quân Đại Lí qua đường Vân Nam ồ ạt tiến đánh đến kinh thành Thăng Long. Trên đường xâm lược nước ta cũng như trên đường thua chạy rút về chúng đều bị dân binh người thiểu số chặn đánh ở Quy Hóa (Yên Bái). Chủ trại Hà Bổng cùng anh em Hà Đặc, Hà Chương dùng mưu làm người nộm khổng lồ, điều khiển cho khi ẩn khi hiện trên triền núi khiến chúng hoảng sợ. Chúng bị tên nỏ bắn xuống như mưa phải bỏ chạy, mặc dù đói khát cũng không dám vào làng bản cướp bóc của dân, nên được gọi là bọn “giặc Phật”.

Hai lần sau, vào các năm 1285 và 1288 quân Nguyên lại xâm lược Đại Việt, do hoàng tử nhà Nguyên là Thoát Hoan trực tiếp chỉ huy. Một mặt chúng đưa quân qua đường biển, một mặt qua đường bộ tạo thành gọng kìm hòng tiêu diệt quân ta. Đại quân của Thoát Hoan cả hai lần đều đổ bộ qua Châu Lộc, Lạng Sơn. Cả hai lần Thoát Hoan đều bị đánh thua phải



rút chạy theo các nẻo đường đồi núi, trong đó lần thua thứ hai, hoàng tử nhà Nguyên bị truy đuổi sát quá đã phải chui ống đồng cho lính khiêng hòng thoát thân.

Năm 1407, quân Minh đánh bại nhà Hồ, lập ách cai trị hà khắc chưa từng thấy. Lê Lợi, một hào trưởng ở miền núi Lam Sơn đã bí mật lập căn cứ chống giặc. Sau 10 năm kháng chiến gian khổ, nghĩa quân Lam Sơn đã đánh đuổi được quân giặc ra khỏi đất nước. Góp phần làm nên thắng lợi cuối cùng ấy có trận phục kích chém tướng giặc Liễu Thăng tại ải Chi Lăng, khi hấn dẫn quân sang cứu viện cho Vương Thông đang bị vây khốn ở thành Đông Quan.

Ải Chi Lăng - Quỷ Môn Quan

Từ nhà Tống, nhà Nguyên, nhà Minh đến nhà Thanh, khi tiến đánh Đại Việt, hướng tấn công chính bao giờ cũng qua ngả Lạng Sơn. Vì từ đây theo đường cái quan, vượt qua các thung lũng chỉ còn hơn 150 km là đến kinh đô Đại Việt. Nhưng trên con đường đó chúng luôn phải vượt qua một cửa ải hiểm yếu: Ải Chi Lăng.

Đó là một thung lũng hẹp thuộc xã Chi Lăng tỉnh Lạng Sơn, chạy dài chừng 20 km kẹp giữa hai dãy núi đá vôi như hai bức tường thành đồ sộ. Quân địch lọt vào đó nếu bị chặn đánh hai đầu chẳng khác gì chui vào rọ.

Năm 1285, quân Nguyên qua ải Chi Lăng đã bị Trần Hưng Đạo chặn đánh. Ông cho đào hố ngụy trang khiến ngựa giặc sập bẫy, quân ta phục sẵn dưới hố, dùng mã tấu phạt đứt chân ngựa, tách rời quân kị thiện chiến của chúng ra khỏi ngựa để tiêu diệt, giết chết tướng giặc Nghê Nhuận.

Năm 1427, ải Chi Lăng ghi dấu trận thắng oanh liệt của





Ái Chi Lăng

nghĩa quân Lam Sơn. Tại đây tướng quân Lê Sát được lệnh đón đường quân tiếp viện của nhà Minh. Bị nhử vào ổ phục kích của ta ở núi Mã Yên, tướng giặc Liễu Thăng đã bị quân mai phục xông ra chém chết ngay trên mình ngựa...

Thiên nhiên khéo vẽ nên ở phía nam ải Chi Lăng có hai khối đá lớn. Một khối có hình dáng giống như thanh kiếm khổng lồ, gọi là Lê Tổ Kiếm (thanh kiếm của vua Lê Thái Tổ). Một khối có hình dáng như một người quỳ gối bị cụt đầu, gọi là Liễu Thăng Thạch (đá Liễu Thăng).

Cuối thời Lê Mạt, Lê Chiêu Thống đón hèn cầu cứu nhà Thanh đem 29 vạn quân xâm phạm bờ cõi nước ta. Ngay trong những ngày giáp Tết Kỉ Dậu (1789), Quang Trung Nguyễn Huệ xuất thần đem quân ra Bắc, đóng quân tại dãy núi đá vôi Tam Điệp, giữ bí mật tuyệt đối trước khi tiến vào

Thăng Long. Tết năm ấy diễn ra trận tốc chiến tốc thắng Ngọc Hồi - Đống Đa, tướng giặc Tôn Sĩ Nghị phải bỏ cả ăn tén, cưỡi ngựa chạy trốn về nước.

Vào thời Pháp thuộc, vua Hàm Nghi rời kinh đô lên căn cứ Tân Sở, Quảng Bình phát chiếu Cần Vương. Nhà vua được núi rừng che chở, nên mặc dù giặc Pháp ra sức lùng sục, phải ba năm sau, mà cũng phải có kẻ phản bội, chúng mới bắt được vua.

Phan Đình Phùng lấy miền núi Hương Khê, Vũ Quang hiểm yếu tiến hành cuộc khởi nghĩa kéo dài 10 năm, gây nhiều tổn hại cho quân Pháp.

Dựa vào núi rừng Yên Thế, dù không mấy cách xa Hà Nội, Hoàng Hoa Thám đã tung hoành kháng chiến suốt ba mươi năm ròn quân Pháp mới dẹp nổi, khiến chúng khiếp uy phải gọi ông là “hùm xám”.

Đến thời cách mạng, vùng núi rừng Bắc Sơn (Lạng Sơn) và Nguyên Bình (Cao Bằng) là nơi ra đời của Cứu quốc quân và Đội Việt Nam tuyên truyền Giải phóng quân - tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam. Hang Pác Bó và vùng núi Cao Bằng là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh trở về lãnh đạo phong trào Việt Minh giành độc lập cho đất nước.

Tại núi rừng Tân Trào, Tuyên Quang, Quốc dân đại hội đã thành lập Chính phủ lâm thời và phát lệnh Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945.

Khi quân Pháp quay lại xâm lược nước ta, núi rừng Việt



Bắc trở thành “thủ đô gió ngàn” và là nơi “rừng che bộ đội, rừng vây quân thù” (Tố Hữu).

Bộ đội Tây tiến hành quân lên miền Tây Bắc núi non trùng điệp:

*Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm
Heo hút cồn mây, súng ngửi trời.*

(*Tây tiến* - Thơ Quang Dũng)

Năm 1954, quân ta mở chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử. Cùng với hàng vạn dân quân tải đạn, tải lương ra mặt trận, các chiến sĩ pháo binh đã “kéo pháo vào, kéo pháo ra” trên những sườn núi cheo leo, hiểm vực sâu hun hút. Họ cất tiếng hò:

Hồ dô ta nào... kéo pháo ta vượt qua đèo...

Hồ dô ta nào... kéo pháo ta vượt qua núi...

*Dốc núi cao cao nhưng lòng quyết tâm còn cao
hơn núi.*

Vực sâu thăm thẳm, vực nào sâu bằng chí căm thù.

Từ những triền đồi cao pháo ta nã thẳng vào căn cứ quân Pháp trong lòng chảo Mường Thanh.

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, đường mòn len lõi dọc Trường Sơn là tuyến đường huyết mạch để từng đoàn quân ta tiến vào miền Nam. Núi rừng che chở cho bộ đội, xe cộ, lương thực, khí tài thoát khỏi bom đạn của máy bay Mĩ. Con đường ấy mang tên Đường mòn Hồ Chí Minh huyền thoại.

ĐỊA BÀN SINH SỐNG CỦA 54 DÂN TỘC

Miền núi vốn là nơi trú ngụ của cư dân Việt cổ trong các hang động, cho đến nay vẫn là địa bàn sinh sống của hầu hết 54 dân tộc Việt Nam.

Người *Kinh* là dân tộc chiếm đa số, ban đầu cũng chiếm lĩnh vùng rừng núi, dần dần tiến về khai phá đồng bằng châu thổ tạo nên nền văn minh lúa nước Sông Hồng. Ngày nay, dân tộc Kinh có mặt ở khắp nơi, từ miền xuôi đến miền ngược, từ đồng thấp đến núi cao, sống xen kẽ và chung lưng đấu cật với các dân tộc anh em. Người Kinh đã bỏ nhiều công sức khai phá các đồi thấp miền trung du, tạo dựng nên những đồi chè, vườn cây công nghiệp khá trù phú.

Người *Tày* là dân tộc có số dân đông thứ hai sau người Kinh. Cùng với người *Nùng*, họ sống chủ yếu ở miền núi Đông Bắc, dọc đường biên giới Việt - Trung ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Móng Cái trở xuống Bắc Kạn, Thái Nguyên. Cao Bằng từng là cương vực của “nước Nam Cương” thời tiền sử và là kinh đô thu nhỏ của mấy đời cuối cùng nhà Mạc sau khi thua chạy khỏi Thăng Long.

Người *Tày* - *Nùng* sống trên các ngôi nhà sàn bằng gỗ, dùng những chiếc cọn quay dẫn nước suối, nước sông lên làm ruộng nước, bạt sườn đồi làm ruộng bậc thang. Màu áo chàm hòa hợp với màu xanh cây rừng làm một.

Người *Dao* (trước còn gọi là người *Mán*) có nhiều nhóm nhỏ, tuy dân số không đông, nhưng sống rải khắp miền núi

biên giới Việt - Trung và Việt - Lào. Những thiên sử thi còn lưu lại thường kể về các hành trình thiên di đầy gian khổ của tổ tiên họ đến dựng nghiệp tại đất Việt. Họ sống trong các căn nhà sàn hoặc nửa sàn kiểu vì kèo ở lưng chừng núi. Ngoài làm nương rẫy, họ còn khai thác các lâm sản làm nguồn sống cho mình.

Người *Mông* (trước còn gọi là người Mèo hoặc H'Mông) vốn có nguồn gốc ở miền Nam Trung Quốc. Để tránh bị áp bức, họ đã thiên di vào Việt Nam từ 300 năm trước, coi cao nguyên đá Đồng Văn như miền đất tổ của mình. Người Mông sống trên những triền núi cao từ 700 m đến 1.500 m dọc ranh giới Việt Bắc và Tây Bắc. Ngay từ cách đặt tên người, tên họ cũng cho thấy họ rất gắn bó với thiên nhiên hoang sơ. Họ *Sùng* là gấu, họ *Hầu* là khỉ, họ *Giàng* là dê, họ *Lùng* là rồng, họ *Mã* là ngựa... Đặt theo tên cây cối, có các họ *Thào* (đào), *Lí* (mận). Cũng có họ đặt theo màu sắc, như *Hoàng* (vàng), *Lù* (xanh), *Hùng* (đỏ)... Cuộc sống của người Mông còn vô cùng gian khổ, nhưng họ vẫn lạc quan, thường cười ngựa xuống núi mang lâm thổ sản đến các chợ phiên, vui vẻ nhảy múa theo những điệu múa khèn đặc sắc của dân tộc.

Dân tộc *Thái* gồm có Thái đen và Thái trắng, được phân biệt theo trang phục: phụ nữ Thái trắng mặc áo ngắn (*xửa cóm*) màu trắng hoặc sáng, cài cúc bạc hình bướm, ve; phụ nữ Thái đen mặc *xửa cóm* màu tối hoặc đen. Người Thái cùng "họ hàng" với người Tày, nên còn có các tên gọi

như Tày Khao (Thái trắng), Tày Đăm (Thái đen), Tày Mười, Tày Thanh...

Người Thái có số dân đông thứ ba nước ta, sống chủ yếu ở các tỉnh miền núi Tây Bắc: Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La kéo xuống Hòa Bình, Thanh Hóa, Nghệ An. Người Thái có chữ viết nên còn lưu lại được nhiều truyện thơ như *Xống chụ xon xao*, *Khun Lú nàng Ủa*... Múa sạp, múa xòe là những điệu múa dân gian đặc sắc vẫn còn được duy trì trong cộng đồng.

Người Mường, cũng như người Việt, là một dân tộc bản địa nhưng sống ở miền núi. Người Mường tự gọi tộc người của mình là Mol, nghĩa là *Người*; còn tên Mường thực ra là gọi theo địa bàn cư trú của họ là “mường”, để phân biệt với người Kinh (kinh kì).

Người Mường có số dân đứng thứ tư, sống tập trung ở các chân núi, sườn đồi, nơi đất thoải gần sông suối tại Hòa Bình, Thanh Hóa, Phú Thọ... Đại bộ phận ở nhà sàn, kiểu nhà bốn mái. Phần trên sàn người ở, dưới gầm sàn làm chuồng gia súc, gia cầm, để cối giã gạo, các nông cụ...



Trong tiếng Mường còn lưu giữ nhiều từ Việt cổ.

Dân tộc *Chăm* hiện nay sống ở các tỉnh Nam Trung Bộ: Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Ninh Thuận, Bình Thuận, Tây Ninh... Họ là hậu duệ của cư dân cổ nền văn hóa Sa Huỳnh. Trong lịch sử đã từng hình thành nhà nước Chăm-pa (Chiêm Thành) hùng mạnh, phát triển rực rỡ. Di tích hiện còn lại những tháp Chăm đặc sắc dọc theo bờ biển Nam Trung Bộ mà tiêu biểu nhất là Di sản văn hóa thế giới Mỹ Sơn.

Lịch sử Chăm-pa đã hòa nhập thành một bộ phận của lịch sử Việt Nam.

Tây Nguyên đất đỏ là địa bàn sinh sống của rất nhiều dân tộc anh em: *Gia Rai, Ba Na, Ê Đê, Mơ Nông, Xơ Đăng, Cơ Ho*... Cộng đồng các dân tộc nơi đây rất giàu bản sắc với những sử thi, phong tục tập quán, sinh hoạt văn hóa vô cùng đặc sắc. Họ là những con người chân chất, khỏe khoắn, sống giản dị trên một miền đất giàu tài nguyên, nhưng hiện nay cuộc sống vẫn còn nhiều khó khăn, nghèo đói.



Phiên chợ vùng cao

Người *Khơme* (Khmer) có số dân đứng thứ năm, sống trong các buôn sóc trên đồi và cả vùng đồng bằng các tỉnh miền Tây Nam Bộ. Họ duy trì rất tốt bản sắc văn hóa của mình. Phần lớn người Khơme theo đạo Phật, họ có nhiều chùa chiền và lễ hội tâm linh.

Trong số 54 dân tộc nước ta có một số dân tộc thực sự “rất ít người”, sống heo hút ở các vùng hẻo lánh. Ví dụ các tộc người *Giẻ Triêng, Tà Ôi, Co, Chơ Ro, Xinh Mun, Hà Nhì, Chu Ru, Lào, Kháng, La Chí, Phù Lá...* mỗi tộc chỉ có khoảng 5 vạn đến 10 vạn người. Các tộc người *La Ha, La Hủ, Pa Thẻn, Chứt, Lự, Lô Lô, Mảng, Cờ Lao, Bố Y, Cống, Ngái...* chỉ có vài ngàn người mỗi tộc. Thậm chí các tộc *Si La, Pu Péo, Rơ Măm, Brâu, Ơ Đu* mỗi tộc có chưa đầy một ngàn người.

Nhà thơ Pờ Sảo Min đã ví dân tộc Pa Dí của mình như “cây có hai ngàn lá”, đồng thời cũng mô tả rất cảm động cuộc sống của người dân miền núi:

*Dân tôi chỉ có hai ngàn người
Như cái cây hai ngàn chiếc lá
Ai nuôi ai hơi cái rễ cái cây
Ai yêu ai trong tình yêu thầm lặng
Cái tình yêu bé nhỏ trong cây
Rễ nuôi lá, lá nuôi cây cùng lớn.*

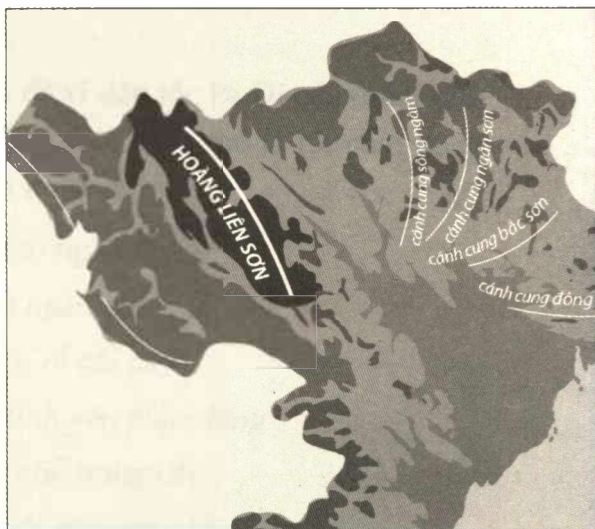
.....

*Dân tôi chỉ có hai ngàn người
Biết gọi gió, gọi mưa, gọi nắng
Chấn suối ngăn sông bắt nước ngược dòng
Ngô lúa cười reo trên sân trời ta đó
Ta dang tay gặt mùa hạnh phúc ấm no...*

NHỮNG DÂY NÚI VÀ KHỐI NÚI LỚN

HOÀNG LIÊN SƠN ĐỒ SỘ VÀ ĐỈNH PHAN XI PĂNG CHÓT VÓT

Thường những tên núi, tên sông đều có xuất xứ. Ngày xưa người ta lên núi, vào rừng săn thú, hái thuốc. Trên dãy núi này có rất nhiều cây hoàng liên - một loại thảo dược quý và thông dụng, nên người ta gọi là “núi Hoàng Liên”, tên chữ là Hoàng Liên Sơn.



Dãy núi Hoàng Liên Sơn.

Cây hoàng liên

Loài cây thường mọc ở miền núi cao, ẩm thấp. Hoàng liên có nhiều loài: xuyên hoàng liên, hoàng liên ô rô, hoàng liên gai, hoàng liên chân gà... Cây cao chừng 40 cm, sống nhiều năm. Củ là vị thuốc quý, có vị đắng, dùng làm thuốc chữa các bệnh gan mật, thanh nhiệt, dưỡng can, sáng mắt, giải độc, tăng cường sức khỏe...

Hoàng Liên Sơn là dãy núi đồ sộ nhất nước ta và cả Đông Dương. Đây là phần chót của dãy Ai Lao Sơn bắt nguồn từ dãy Himalaya chạy xuống. Hoàng Liên Sơn kéo dài 180 km theo hướng tây bắc - đông nam, giữa hai bên là sông Hồng và sông Đà. Chân núi Hoàng Liên Sơn có bề rộng từ 30 đến 70 km.

Đi xe lửa từ Hà Nội lên Lào Cai, từ Yên Bái trở lên, hành khách có thể thấy bên phải là dãy Con Voi thấp hơn, còn bên trái là bức tường thành Hoàng Liên Sơn chặn ngang tầm mắt.

Dãy Hoàng Liên Sơn nằm giữa hai tỉnh Lai Châu và Lào Cai, kéo dài xuống đến phía tây Yên Bái, kết thúc ở đoạn cuối sông Đà uốn cong để nhập vào sông Hồng. Nhìn từ xa, Hoàng Liên Sơn có dạng vòm hình thuyền úp, lát cắt theo chiều tây bắc - đông nam giống như một lưỡi dao bầu có răng cưa.

Lịch sử hình thành của Hoàng Liên Sơn đã diễn ra từ thời Nguyên sinh cùng với dãy núi Con Voi, có đá cổ 2,3 tỉ





năm tuổi. Nếu như bên dãy Con Voi núi xô lên và cố kết, thì ở phía Hoàng Liên Sơn lại sụt xuống, các đá xâm nhập xuyên lên ở phần phía bắc, các đá phun trào lấp đầy bồn trũng phía nam. Sau nhiều biến động, khi các mảng kiến tạo lớn xô vào nhau hình thành dãy Himalaya vĩ đại, thì nó cũng là đoạn cuối của dãy núi này. Đến cuộc vận động kiến tạo mang tên Đông Dương (Indôxini) cách đây 170 triệu năm, khối núi này một lần nữa lại được nâng cao lên bên cạnh vùng sụt lún thành địa hào của đới Sông Hồng. Như vậy, có thể coi đây là một dãy núi trẻ trung chịu sự tác động của những hoạt động kiến tạo mới cùng với tác động bào mòn, cưa xẻ của ngoại lực, tạo nên các đỉnh cao vút và những hẻm vực sâu thẳm.

Tất cả những quá trình phức tạp ấy làm Hoàng Liên Sơn trở thành một bức tường thành sừng sững ngăn Bắc Bộ

thành hai miền Đông Bắc và Tây Bắc. Sườn núi phía đông đổ xuống khá thoải, trong khi sườn phía tây về phía sông Đà thì rất dốc. Chính vì vậy, muốn trèo lên đỉnh Phan Xi Păng cao ngất người ta chỉ leo lên từ sườn phía đông.

Do các hoạt động nâng lên không liên tục, có những đợt yên tĩnh, hình thành các bề mặt san bằng ở các độ cao khác nhau. Chẳng hạn, trên đường từ Lào Cai lên đèo Ô Quy Hồ (còn gọi là đèo Hoàng Liên Sơn), người bình thường cũng có thể nhận ra hai bề mặt. Một bề mặt thấp 500 - 600 m như một cao nguyên lượn sóng. Một bề mặt cao 2.100 - 2.200m ở Ô Quy Hồ trông như một vùng đồi sần sần nhau...

Xét về độ cao tính từ mặt biển, trên thế giới còn nhiều núi cao hơn Hoàng Liên Sơn. Nhưng do có các vực sâu hun hút nên dãy núi này thực sự gây cảm giác cao choáng ngợp.

Hoàng Liên Sơn như một tấm bình phong khổng lồ che chắn gió mùa đông bắc thổi sang miền Tây Bắc. Vì thế vào mùa đông, nhiệt độ miền Đông Bắc và đồng bằng Bắc Bộ thường thấp hơn Tây Bắc vài độ.

Hình thế núi cao này cũng tạo nên một sự lạ: chúng ta có thể đến nơi có khí hậu ôn đới ngay tại xứ sở nhiệt đới. Theo các nhà địa lí, cứ lên cao 1 km, nhiệt độ sẽ hạ xuống tương đương với di chuyển theo vĩ tuyến lên phía bắc khoảng 1.300 km. Vậy, lên đỉnh Hoàng Liên Sơn ta sẽ gặp thời tiết như khi đi du lịch quá biên giới nước ta khoảng 4.000 km về phía bắc!

Trước đây chỉ có các nhà nghiên cứu khoa học mới lặn lội lên thám hiểm đỉnh Phan Xi Păng cao chót vót 3.143 m. Ngày nay, ai là người yêu thích thiên nhiên và đủ sức khỏe cũng có thể theo những *tour* du lịch lữ hành lên chinh phục đỉnh núi này.

Nơi bắt đầu hành trình là thị trấn Sa Pa. Từ Sa Pa bạn còn có thể đi xe ô tô, “xe ôm” đến trạm du lịch Cát Cát hoặc đỉnh đèo Trạm Tôn. Từ đây, bạn phải dùng chính đôi chân của mình để leo núi. Trên con đường độc đạo hoang vắng này, bạn phải có người dẫn đường là các chàng trai người Mông hay người Dao thông thạo địa hình.

Trên đường đi, du khách sẽ có dịp quan sát sự thay đổi của cây cối và cảnh vật theo độ cao. Dưới thung là những rừng cây rậm rạp miền nhiệt đới, những chuối, mít, gạo...



cùng dây leo chằng chịt. Sau đó đến các cây hạt trần ôn đới như pơ mu, sa mu, cây thông, cây thích cổ thụ...

Cao hơn 2.000 m, độ dốc càng lớn, lớp đất mặt trở nên mỏng vì bị nước mưa rửa trôi. Gió thổi ù ù, thốc tung mù áo. Bởi vậy, cây cao to không thể trụ vững được, chỉ có những bụi trúc lùn và những đám cây hoa hồng dại, thạch nam, hoàng liên mọc lúp xúp, có bộ rễ xòe rộng để bám chặt vào đất.

Không khí càng lên cao càng loãng. Bạn sẽ thấy ngay điều này khi đun một ấm nước luộc trứng (tất nhiên phải tìm cách che chắn gió). Nước sôi hơn, nhưng trứng chưa đủ chín. Đó là do không khí loãng, nên nước sôi khi nhiệt độ chưa tới 100°C, không đủ làm chín trứng!

Phong cảnh Phan Xi Păng



Đỉnh núi kia rồi! Mọi mệt nhọc trên suốt cuộc đường trường ngược dốc đường như trút hết khi ta nhìn thấy cột bê tông hình tháp nhọn ghi độ cao của đỉnh núi: 3.413 m! Cảnh cũng như mừng đón con người: Nếu như trên đường thường hay gặp mưa, thì lúc này tràn ngập nắng, bầu trời trong xanh vãn vất.

Phan Xi Păng, theo tiếng địa phương là “Hỏa Xi Pan”, có nghĩa là tảng đá khổng lồ chênh vênh. Đứng nơi đây, nhìn về bốn phương tám hướng như đứng trên một hòn đảo vượt trên biển mây, trên đó lộ nhô những đỉnh núi phía xa. Phía đông ta thấy cao nguyên đá Đồng Văn cho tới núi đồi trung du Phú Thọ. Phía bắc nhìn thấy cả một dải đất của Vân Nam, Trung Quốc. Phía tây nhìn tới cao nguyên Châu Mộc cho tới biên giới Việt - Lào. Dẫu không nhìn thấy Biển Đông, nhưng phía ấy ta thấy những áng mây trắng ùn ùn dâng lên bất tận.

Để cho nhiều người có thể tận hưởng niềm tự hào được đứng trên đỉnh núi cao nhất Đông Dương, từ năm 2015 tuyến du lịch Phan Xi Păng bằng hệ thống cáp treo được đưa vào vận hành. Toàn tuyến cáp treo dài 7 km, ga chính xuất phát từ thị trấn Sa Pa. Chỉ sau 15 đến 20 phút là bạn lên tới đỉnh cao nhất, thay vì phải mất hai ngày “cuốc bộ” gian khổ như trước đây. Quả là thuận tiện cho số đông người. Nhưng hãy cảnh giác! Một khi phát triển du lịch quá đà mà không đi kèm với việc nâng cao ý thức bảo vệ môi trường, chắc chắn sẽ tác động tiêu cực đến thiên nhiên

nơi đây, phá hủy tính đa dạng sinh học của Vườn quốc gia Hoàng Liên Sơn.

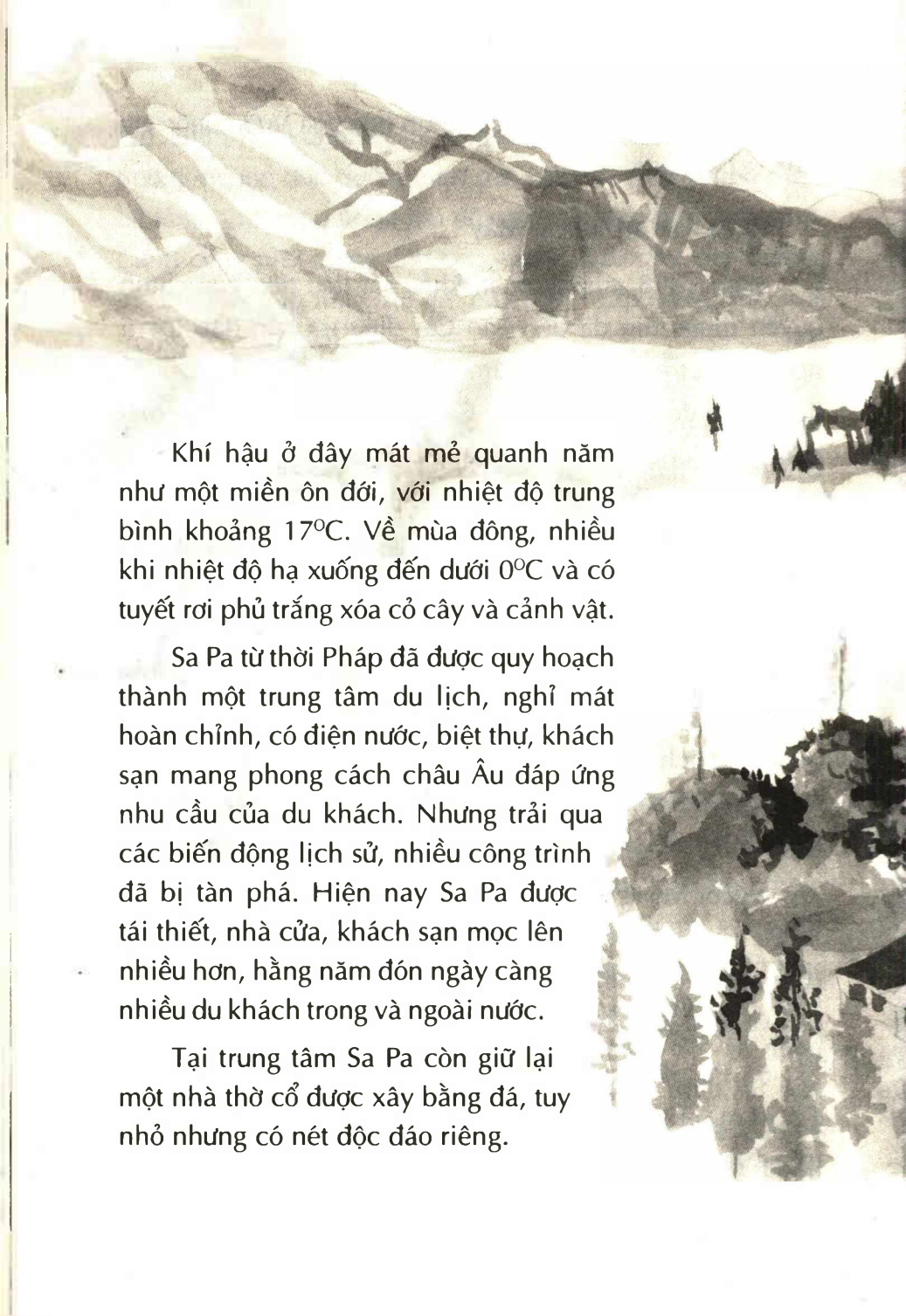
Sa Pa - xứ sở Núi và Mây

Năm 1898, những đoàn khảo sát đầu tiên của chính quyền thuộc địa đã đến Lào Cai điều tra các dân tộc ít người sống trên núi cao. Năm 1903, Sở Địa lí Đông Dương tiến hành đo vẽ bản đồ Lào Cai, họ phát hiện ra một mặt bằng trên lưng chừng núi Hoàng Liên Sơn tại Lồ Suối Tủng và bản Sa Pả của người Mông.

Người Pháp quen ở xứ lạnh nên chịu đựng rất khổ sở cái nóng nực của nước ta, nay tìm được một nơi mát mẻ thì mừng lắm. Sau khi nắm rõ điều kiện khí hậu tuyệt vời và cảnh quan thoáng đãng, cây cối nguyên sơ, năm 1909 họ đã thiết lập một khu điều dưỡng. Sau đó ít năm họ lập văn phòng du lịch và xây dựng các biệt thự, khách sạn đầu tiên. Năm 1920 đường sắt Hà Nội - Lào Cai hoàn thành, Sa Pa trở thành “thủ phủ” nghỉ mát mùa hè của Bắc Kỳ.

Người Mông gọi địa danh này theo tiếng quan hỏa là *Sa Pả*, có nghĩa là “bãi cát”, do trước đó nơi đây là một bãi cát rộng để đồng bào đến họp chợ phiên, một sinh hoạt văn hóa và giao lưu rất đặc sắc của đồng bào nhiều dân tộc.

Sa Pa nằm trên một mặt bằng cao khoảng 1.500 - 1.650 m, là trung độ sườn phía đông của Hoàng Liên Sơn trên đường lên đỉnh Phan Xi Păng.



Khí hậu ở đây mát mẻ quanh năm như một miền ôn đới, với nhiệt độ trung bình khoảng 17°C. Về mùa đông, nhiều khi nhiệt độ hạ xuống đến dưới 0°C và có tuyết rơi phủ trắng xóa cỏ cây và cảnh vật.

Sa Pa từ thời Pháp đã được quy hoạch thành một trung tâm du lịch, nghỉ mát hoàn chỉnh, có điện nước, biệt thự, khách sạn mang phong cách châu Âu đáp ứng nhu cầu của du khách. Nhưng trải qua các biến động lịch sử, nhiều công trình đã bị tàn phá. Hiện nay Sa Pa được tái thiết, nhà cửa, khách sạn mọc lên nhiều hơn, hằng năm đón ngày càng nhiều du khách trong và ngoài nước.

Tại trung tâm Sa Pa còn giữ lại một nhà thờ cổ được xây bằng đá, tuy nhỏ nhưng có nét độc đáo riêng.



Sa Pa

Núi Hàm Rồng ở sát ngay trung tâm thị trấn Sa Pa. Du khách đến Sa Pa đều háo hức trèo lên hàng ngàn bậc đá thường thức những rừng hoa đào, vườn hoa lan, vườn hoa châu Âu xứ lạnh. Trên đỉnh núi có đài quan sát nhìn xuống thị trấn Sa Pa bồng bềnh trong mây trắng.

Đứng ở đây vào ngày trời quang có thể nhìn xa xa thấy một ngọn thác trắng xóa có tên là Thác Bạc. Thác Bạc cách Sa Pa khoảng 12 km ở độ cao trên 200 m, là thượng nguồn của suối Mường Hoa.

Bãi đá cổ Sa Pa nằm ở địa bàn Hầu Thào, Sủ Pán và Tả Van tại thung lũng Mường Hoa, được nhà khảo cổ người Pháp gốc Nga Victor Goloubev thuộc trường Viễn Đông Bác Cổ phát hiện năm 1925.

Bãi đá trải rộng 8 km² với gần 200 khối đá là một bằng chứng về sự có mặt của người tiền sử ở đây. Trên mặt các khối đá có khắc họa những hoa văn kì lạ với nhiều hình dạng: bậc thang, hình người, con đường, chữ viết v.v.. Có những rãnh tròn khá giống biểu tượng mặt trời, có hình nam nữ giao phối - biểu tượng sự sinh sôi, và rất nhiều những vạch kẻ lạ mắt. Các nhà khoa học giả thiết đó là hình bản đồ cổ xưa hoặc là cuốn sách cổ về những trận đánh xa xưa... Một số nhà nghiên cứu người Việt cho rằng đây là những thông điệp của người xưa, cần phải vận dụng Kinh Dịch mới giải mã được. Người ta cũng đã phát hiện một số di chỉ đá tương tự ở Tả Phìn (Lào Cai) và Vị Xuyên (Hà Giang).

Hiện bãi đá cổ Sa Pa đã được công nhận là Di tích văn hóa quốc gia và đang đề nghị UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới.

Sa Pa là nơi sinh sống của nhiều dân tộc ít người: Mông, Dao, Tày, Giáy... và còn lưu giữ được nhiều phong tục tập quán của người dân tộc với những nét văn hóa độc đáo.

Chiều tối thứ bảy hằng tuần, nơi đây lại rộn rã tiếng đàn môi, tiếng khèn, tiếng sáo nỉ non tỏ tình của các chàng trai cô gái người Mông, người Dao từ các bản làng xung quanh tìm đến gặp nhau.

Sa Pa còn là một vựa thuốc nam phong phú, có nhiều loại hoa quả ôn đới, như đào, lê, mận hậu, táo mèo, hoa đào, hoa bất tử... bày bán trong các chợ phiên ngày chủ nhật.

Sa Pa là xứ sở Núi và Mây. Mây trắng như những dải lụa ôm ấp núi.

Thế kỉ trước có nhà nghệ sĩ già Võ An Ninh say mê với cảnh mây núi Sa Pa. Cụ Võ đã nhiều lần đến “phục kích” hàng tuần chờ nắng hửng để chụp những bức ảnh rừng thông Sa Pa bâng lảng trong mây như một bức tranh lụa vẽ miền thiên thai cổ tích.

Ngày nay những nhà nhiếp ảnh trẻ dùng máy ảnh tối tân để chụp những bức ảnh tuyệt phủ rừng cây như ở gần cực Bắc xa xôi.

Suốt gần một thế kỉ kể từ năm 1920, muốn đi du lịch Sa Pa người ta chỉ đi bằng tàu hỏa từ Hà Nội lên Lào Cai,

rồi từ đó lên ô tô đi tiếp. Rất hiếm người sử dụng ô tô theo quốc lộ số 2, vì con đường nhỏ hẹp này vừa khó đi vừa mất nhiều thời gian. Từ năm 2014, đường cao tốc Hà Nội - Lào Cai được khánh thành, dài 267 km, có thể chạy xe với vận tốc lên tới 100 km/giờ. Như vậy, khởi hành từ Hà Nội đến Lào Cai chỉ mất ba bốn tiếng, thay vì phải mất cả ngày đêm như trước kia.

DẰNG DẶC TRƯỜNG SƠN BẮC

Có một nguyên tắc của nhà thám hiểm cũng như nhà du lịch là: Trước khi đến xứ sở nào, hãy mừng tượng xem đã biết gì, nghe nói gì về nơi ấy. Trong bài thơ *Nước non ngàn dặm*, nhà thơ Tố Hữu có câu:

Trường Sơn đông nắng, tây mưa

Ai chưa đến đó như chưa rõ mình.

Trường Sơn dài dằng dặc như tên gọi, là cột xương sống nối liền hai miền Nam - Bắc nước ta. Có người ví, Trường Sơn và miền Trung như chiếc đòn gánh hai đầu là hai thúng thóc - đồng bằng Bắc Bộ và đồng bằng Nam Bộ.

Dãy Trường Sơn bắt nguồn từ cao nguyên Trấn Ninh bên Lào kéo đến tận vĩ tuyến 11, dài trên 1.200 km, bằng gần ba phần tư chiều dài nước ta. Chưa kể nó còn ăn ngầm xuống sâu như con rồng trời đuôi lên ở vùng Bà Rịa - Vũng Tàu.

So với các miền núi Tây Bắc, dãy Trường Sơn chỉ thuộc dạng núi thấp, có độ cao trung bình 900 - 1.000 m. Nhưng nếu ta đi ô tô hay tàu hỏa từ Bắc vào Nam, sẽ luôn thấy phía



đông là dải đồng bằng hẹp chạy theo biển, còn phía tây núi non trùng điệp như một bức bình phong dài dằng dặc. Chính vì thế trong dân gian, dãy núi này còn có tên gọi là dãy **Giăng Màn**.

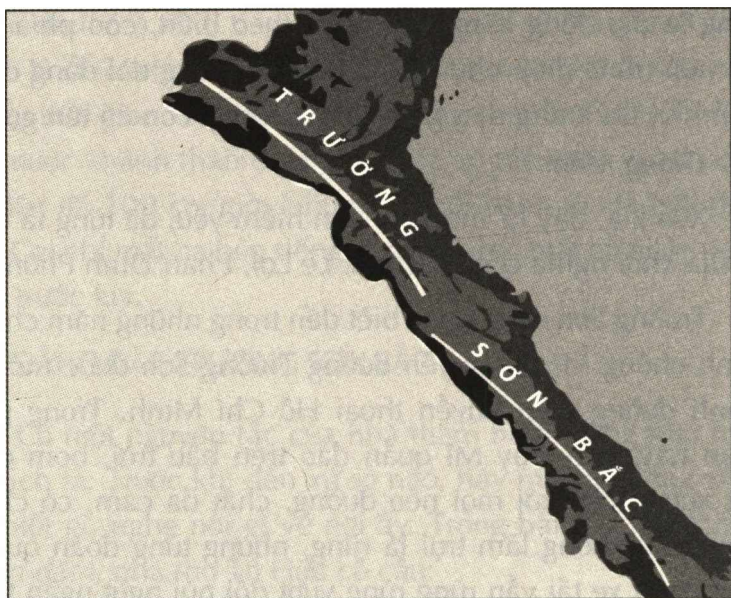
Xưa kia, đây là vùng núi non hiểm yếu, đã từng là căn cứ địa khởi nghĩa của Bà Triệu, Lê Lợi, Phan Đình Phùng...

Trường Sơn càng được biết đến trong những năm chiến tranh chống Mĩ, khi tuyến đường Trường Sơn được mở trở thành đường mòn huyền thoại Hồ Chí Minh. Trong giai đoạn này, máy bay Mĩ quần đảo trên bầu trời, bom đạn trút xuống cày xới mọi nẻo đường, chất da cam, có chứa dioxin rải xuống làm trụi lá rừng, nhưng từng đoàn quân, từng đoàn xe tải vẫn rừng rừng vượt đồi núi ngút ngàn tiến vào Nam.

Xét về mặt nguồn gốc và hình thái, các nhà địa lí chia ra hai phần: *Trường Sơn Bắc* và *Trường Sơn Nam*.

Trường Sơn Bắc bắt đầu từ dãy Pu Lai Leng (cũng gọi là Pu Xai Lai Leng) ăn từ bên Lào sang tây Nghệ An. Đây là một khối núi đá hoa cương có đỉnh nhọn cao 2.711 m sừng sững nơi biên giới. Núi non xen kẽ các khe suối xếp lớp nối tiếp nhau, so le nhau, nhấp nhấp nhô nhô. Dãy Pù Mát trải rộng ba huyện miền tây Nghệ An (Tương Dương, Con Cuông, Anh Sơn) có đỉnh cao 1.841 m vượt trội so với các núi đồi lúp xúp xung quanh.

Nơi đây vẫn còn giữ được những khu rừng nguyên sinh rất đa dạng với các loài động, thực vật quý hiếm,



Dãy Trường Sơn Bắc

được UNESCO công nhận là một khu dự trữ sinh quyển của thế giới.

Vùng núi Nghệ Tĩnh tiếp tục kéo dài tới Rào Cỏ, một đỉnh núi cao 2.286 m, cũng được cấu tạo bởi đá hoa cương.

Sau đó, mạch núi này còn vượt qua đèo Mụ Giạ và bị ngăn lại trước khối đá vôi Kẻ Bàng (Quảng Bình).

Vùng núi Tây Nghệ Tĩnh thỉnh thoảng ăn lan ra ven biển thành những dãy núi lẻ tẻ từ Cửa Hội đến Ba Đồn, tạo ra dải Hồng Lĩnh được người ta tưởng tượng có 99 ngọn nối tiếp nhau.

Đây là vùng núi non có nhiều thung sâu lắt léo hiểm

trở, nên còn giữ lại được những rừng cây nguyên sinh và bảo tồn nhiều loài chim, thú quý hiếm. Chính tại đây, nhà điều học Võ Quý đã phát hiện được loài chim trĩ mới thế giới chưa từng biết đến. Ông lấy địa danh Hà Tĩnh đặt tên cho nó là *Lophura hatinhensis*. Năm 1992, tại Vườn Quốc gia Vũ Quang (Hà Tĩnh) các nhà khoa học cũng đã tìm thấy con sao la, một loài thú cực kì quý hiếm. Sự kiện đó được coi là một phát hiện quan trọng về động vật trong hơn 50 năm.

Mặc dù hiểm trở, song do đứt gãy kiến tạo, hình thành những con đèo vắt ngang qua núi nối liền hai nước Việt - Lào, như đèo Keo Nứa cao 734 m, đèo Mụ Giạ 418 m... Những đứt gãy ấy cũng tạo điều kiện cho các con sông đào dòng thoát nước ra biển Đông, tạo thành một mạng lưới dày đặc các sông ngấn.

Vượt qua khối núi đá vôi Kẻ Bàng, dãy Trường Sơn Bắc trở thành một vùng đồi núi thấp chạy sát biển thuộc các tỉnh Bình - Trị - Thiên. Đây là nơi lãnh thổ nước ta "thất eo" lại hẹp nhất, bề ngang chỉ chừng 60 - 70 km, tại Quảng Bình có nơi chỉ hơn 40 km.

Núi thấp, chủ yếu cấu tạo bởi đá phiến hay cát kết, nhưng cũng có những núi đá hoa cương vươn cao lên như đỉnh Co Ta Run 1.824 m cao nhất vùng, đỉnh Ba Rền 1.137 m, đỉnh U Bò 1.009 m.

Khối núi Khe Ngang chạy ra phía biển, được bao bọc bởi dòng Đại Giang, cũng có đỉnh Co Rong cao 1.227 m, nổi lên như một ngọn tháp.

Dải Trường Sơn vẫn thấp thoáng "giăng màn" phía tây

vùng Trĩ Thiên, thẳng hoặc có những ngọn nhô cao như đỉnh Voi Mẹp (1.701 m) ở Cam Lộ, đỉnh Động Ngải (1.774 m) ở nguồn Sông Bồ, hay đỉnh Núi Mang (1.708 m)...

Dãy Trường Sơn tuy không cao lắm, nhưng phía tây khá thoải, phía đông dốc đứng, tạo nên tấm thành chắn gió bão từ Biển Đông vào mùa mưa (các tháng 8, 9) trút nước xuống tầm tã. Nước sông đột ngột dâng cao gây lũ nguồn ào ạt đổ xuống làng xóm, đồng bãi.

Gió Lào khô khốc là một “đặc sản” của miền Bắc và Trung Trung Bộ. Các nhà địa lí gọi đó là “gió phơn” hay gió tây nam khô nóng. Gió hình thành từ vịnh Thái Lan, di chuyển theo hướng tây nam - đông bắc qua Campuchia và Lào. Khi tiếp cận dãy Trường Sơn thì gió tăng tốc, vượt qua và tràn xuống vùng Bắc Trung Bộ và Trung Trung Bộ. Gió xuất hiện từ đầu tháng 4 đến giữa tháng 9, thường bắt đầu thổi từ 8, 9 giờ sáng cho đến chiều tối, mạnh nhất từ khoảng gần giữa trưa đến xế chiều. Gió khô và nóng, làm cho khí hậu các vùng nói trên trở nên khắc nghiệt. Độ ẩm có khi xuống 30% trong khi nhiệt độ lên tới 43°C. Với bầu trời nắng chói chang, gió lại thổi đều đều như quạt lửa nên cây cỏ héo khô, ao hồ cạn kiệt, con người và gia súc bị ngột ngạt, rất dễ sinh hoả hoạn.

Gió Lào ám ảnh trong kí ức con người từng sinh ra hay từng sống ở nơi đây:

Trong gió nóng những trưa hè ngột ngạt

Mẹ ru tôi hạt cát sạn hàm răng...

*Em mới về em chưa thấy gì đâu
Chỉ có cát và gió Lào quạt lửa,*

(Xuân Quỳnh)

Trường Sơn Bắc kéo dài đến dãy Bạch Mã thì kết thúc.

CAO NGUYÊN TÂY NGUYÊN ĐẤT ĐỎ VÀ TRƯỜNG SƠN NAM

Đứng trên đỉnh đèo Hải Vân thuộc dãy Bạch Mã, ta cảm thấy sự khác biệt về khí hậu giữa hai miền Bắc và Nam. Vào mùa đông xuân, du khách từ ngoài Bắc vẫn còn mặc áo ấm thì khi đến đây, sẽ phải cởi bỏ hết áo ngoài để hưởng ánh nắng chói chang.

Hiện tượng khí hậu này chính là hiệu quả của cấu tạo địa hình núi non. Trường Sơn Bắc và Trường Sơn Nam có địa hình và cấu tạo địa chất khác nhau, nên người ta mới tách ra làm hai phần với hai tên gọi như vậy.

So sánh khối núi này với Trường Sơn Bắc, nhà địa lí Lê Bá Thảo đã vẽ nên hình ảnh như sau:

“Chúng ta sẽ có một ý niệm khác hẳn nếu nhìn cũng khối núi đó từ trên máy bay: đây không còn là một dãy núi nữa mà là một khối “núi - cao nguyên”, với bề mặt lượn sóng rộng thênh thang, với những dòng sông lớn chạy ngoằn ngoèo về phía tây, những thị trấn và buôn làng mà những mái tôn pha màu trắng của thiếc phản chiếu như những tấm gương lớn ánh sáng Mặt trời, những hồ và đầm khó mà tưởng tượng được rằng chúng được đặt ngay lên



chóp núi. Cũng có những vùng lầy lội thực sự, những thung lũng - đồng bằng rộng rãi mà màu xanh mát của cây cối gợi lên sự phong phú của nước trên mặt. Tất cả những quang cảnh đó đều tồn tại trên cái mà chúng ta quen gọi là miền núi Trường Sơn Nam”.

Cốt lõi của miền núi - cao nguyên này chính là “địa khối Kon Tum” - miền đất liền đã hình thành từ thời cổ xưa - cùng với địa khối “Vòm Sông Chảy” và núi Con Voi ở miền Bắc nước ta. Nó được coi như một tấm khiên cố kết bằng đá hoa cương và đá kết tinh cổ. Trải qua hàng trăm triệu năm, khi các vùng miền khác nổi chìm trôi sụt dưới biển, thì nơi đây vẫn chắc chắn, có chăng chỉ bị hoạt động san bằng và những đứt gãy cắt xẻ chia tách mà sau này các dòng dung nham núi lửa từ đó phun trào lên bao phủ khắp bề mặt.

Tây Nguyên không phải là một cao nguyên đồng nhất mà là các “cao nguyên xếp tầng” hợp lại. Có bốn tầng cao nguyên chính chênh lệch nhau về độ cao. Đó là các bề mặt cao nguyên sau:

- **Cao nguyên Kon Tum - Plây Cu** (hay còn gọi là Cao nguyên Gia Lai) có độ cao khoảng 400 m ở phía Kon Tum và cao dần lên đến 800 m ở phía Plây Cu. Cao nguyên này có bề mặt lượn sóng nhấp nhô, song cũng có nơi rất bằng phẳng chẳng khác gì một miền đồng bằng. Đây là một cao nguyên “già”, bị các sông có lòng hình chữ U đào thành thung lũng sâu như sông Đắk Bla chảy qua thị xã Kon Tum và sông Đắk Pô Cô đổ nước vào sông Xê Xan bên Campuchia.

Hoạt động núi lửa diễn ra vào thời kì Neogen hầu như đã vùi lấp toàn bộ các đá hoa cương và đá kết tinh dưới sâu vài chục cho đến cả trăm mét. Các núi lửa này đã tắt từ rất lâu, nhưng vẫn còn lưu lại đây đó những núi hình chóp nón đặc trưng, thậm chí có nơi trên đỉnh còn gặp những hồ nước tròn vành vạnh - di tích của miệng núi lửa xa xưa. Đá bazan bị phong hóa thành loại đất đỏ sẫm.

- **Cao nguyên Đắk Lắk** thấp hơn, có độ cao trung bình 400 - 500 m. Đây là cao nguyên rộng lớn và trù phú nhất Tây Nguyên với thành phố trung tâm là Buôn Ma Thuột. Địa hình cao nguyên này tương đối ít bị chia cắt. Những dòng sông chảy quanh co hiền hòa, hai bên bờ mọc lên những buôn làng của đồng bào Ê Đê. Trên cao nguyên có nhiều hồ nước tự nhiên, trong đó hồ Lắk ở phía nam có diện tích lớn gấp đôi hồ Tây ở Hà Nội, chỉ đứng sau hồ Ba Bể. Rừng tự nhiên cũng còn lại khá nhiều. Bản Đôn hiện nay là nơi duy nhất còn bảo tồn được đàn voi đã thuần hóa.

Bề mặt cao nguyên được phủ một lớp đất đỏ phì nhiêu phong hóa từ đá bazan do núi lửa phun trào, rất thích hợp với cây cà phê vốn là loài cây di thực từ Nam Mỹ. Vì thế Buôn Ma Thuột đã trở thành “thủ phủ cà phê”, và “Cà phê Buôn Ma Thuột” giờ là một thương hiệu nổi tiếng thế giới.

Sản phẩm phong hóa của đá bazan cũng chính là quặng bauxit, có trữ lượng rất lớn mà việc khai thác đang là chủ đề gây tranh cãi ở nước ta.

- **Cao nguyên Lang Biang (Lâm Viên):** Nằm về phía nam vùng hồ Lắk là cao nguyên Lang Biang, thuộc tầng cao nhất của Tây Nguyên. Độ cao trung bình của cao nguyên này hơn 1.500 m với những đỉnh cao đột khởi trên nền đồi núi phía nam, như đỉnh Chử Yang Xin 2.405 m, đỉnh Bi Đúp 2.286 m, đỉnh Lang Biang 2.153 m, đỉnh Bơ Nam 1.712 m, v.v...

Hình thái cao nguyên này khác hẳn các cao nguyên xung quanh. Nơi đây chủ yếu được cấu tạo bởi đá phiến và cát kết dày, bị bóc mòn và xâm thực thành các đồi khá bằng và thoải. Bên dưới sâu là các đá xâm nhập hoa cương, đaxit. Do hoạt động tân kiến tạo các khối đá này nhô lên tạo ra các đỉnh núi cao như vừa kể.

Sông suối dào dòng chảy qua các bậc đá cứng, mềm khác nhau đổ xuống tầng cao nguyên thấp hơn, nên tạo ra nhiều ghềnh thác. Đó là những thác Ang Kro Et, thác Cam Li, thác Đa Tan La, thác Prenn, thác Pông Gua, v.v...

Cao nguyên Lang Biang cao vọt lên ở Tây Nguyên làm khí hậu mát mẻ hơn so với các vùng phía nam nước ta. Điển hình là thành phố Đà Lạt - tỉnh lỵ của Lâm Đồng.

- **Cao nguyên Di Linh:** Từ cao nguyên Lang Biang chuyển sang cao nguyên Di Linh tụt hẳn xuống một tầng độ cao. Độ cao trung bình của cao nguyên này là 1.000m ở vùng Bảo Lộc - Di Linh, phần phía tây thấp hơn, chỉ khoảng 800 m. Vùng cao nguyên này có diện tích rộng lớn hơn cao nguyên Lang Biang. Bề mặt cao nguyên tương đối

bằng phẳng, bị sông Đồng Nai xẻ ra làm hai. Phủ trên các đá trầm tích là lớp đá phun trào bazan dày, có nơi tạo thành dạng “mặt bàn” khá bằng phẳng. Tại vùng ven rìa, lớp phủ bazan mỏng đi, để lộ ra đá hoa cương, đá kết tinh tạo thành những đỉnh núi cao vượt trội.

Đá bazan phong hóa thành đất đỏ tơi xốp, tuy không màu mỡ bằng đất đỏ vùng Buôn Ma Thuột, nhưng cũng rất thuận lợi để trồng cây công nghiệp như cà phê, chè, cao su, hạt điều...

“Trường Sơn Nam”

Trở lại với tên gọi “Trường Sơn Nam”. Nhà địa lí Lê Bá Thảo muốn gọi phần núi non này là “Gờ núi Trường Sơn Nam” vì nó tiếp tục dãy Trường Sơn ở phía Bắc, nhưng chỉ còn là một “gờ núi” uốn cong ợp quanh vùng cao nguyên xếp tầng Tây Nguyên.

Trường Sơn Nam cũng lại chia thành hai “đoạn”.

Phần phía bắc kéo dài từ tỉnh Quảng Nam đến Bình Định. Bắt đầu là miền đồi núi chỉ cao tầm 500 - 800 m thuộc khu vực sông Bung, được cấu tạo bởi đá phiến, cát kết... Tại đây cũng nổi lên những ngọn núi cao vượt trội như đỉnh núi Bà Nà cao 1.489 m, là một điểm du lịch và nghỉ mát nổi tiếng gần Đà Nẵng, đỉnh A Tuất cao 2.500 m nằm sát biên giới với Lào. Cả hai ngọn núi này đều cấu tạo bởi đá hoa cương rắn chắc.

Núi không cao lắm, nhưng địa hình phức tạp, không có những con đèo thuận tiện sang nước bạn.

Tại đây nền văn hóa dân tộc Chăm đã phát triển rực rỡ, điển hình là những đền đài, tháp Chăm vùng Mĩ Sơn, cổ đô một thời xa xưa của vương quốc Chiêm Thành.

Dãy Trường Sơn chuyển hướng bắc - nam kéo dài liên tục đi về phía Bắc Kon Tum và cao hẳn lên. Dây Ngọc Lĩnh như một chiếc sừng thú uy nghi đâm vọt lên, với đỉnh 2.598 m, cao nhất toàn miền Nam nước ta.

Tiếp đó bất ngờ hiện ra một “vùng trũng” nơi sông Ay Dun và sông Ba hợp dòng trên đất Phú Yên.

“Đoạn” tiếp theo và là phần cuối của dãy Trường Sơn chạy sát ven biển cực nam Trung Bộ từ sông Đà Rằng (thượng nguồn sông Ba) cho tới miền Đông Nam Bộ. Gờ Trường Sơn Nam ở đây có độ cao trên 2.000 m, như đỉnh Chử Yang Xin 2.405 m... Khối núi Vọng Phu cao 2.022 m được cấu tạo bởi đá xâm nhập hoa cương, riolit... đâm ngang ra tới biển khá hiểm trở trên con đường quốc lộ vào Nam.

Như vậy toàn bộ dãy Trường Sơn đã kết thúc ở đây.

Đà Lạt - Thành phố Ngàn hoa

Ngày xưa, trên cao nguyên Lang Biang có một vùng đất tươi đẹp như cảnh thần tiên, có dòng suối mát chảy qua, có thác cao chảy xuống, có hồ nước xanh trong, có rừng cây cổ thụ, có kì hoa dị thảo, chim chóc trên cây hót líu lo, hươu nai ra bờ suối uống nước. Người Lạch, người Chil, người Xrê

thuộc dân tộc Cơ Ho đã đến đây dựng buôn làng. Người ta gọi con suối chảy từ hồ đến thác nước là Đạ Lạch, có nghĩa là “nước của người Lạch” (hay người Lạt).

Năm 1893, một đoàn thám hiểm người Pháp, trong đó có bác sĩ Alexandre Yersin, đã tràn dào lội suối đến thám hiểm cao nguyên Lang Biang. Năm 1897, khi được Toàn quyền Paul Doumer hỏi ý kiến, ông đã đề nghị chọn nơi đây làm chốn nghỉ mát lí tưởng vì có diện tích rộng rãi, khí hậu ôn hòa, phong cảnh đẹp đẽ, nguồn nước dồi dào, mở mang tuyến đường giao thông từ miền xuôi lên đây cũng thuận lợi.

Sang đầu thế kỉ 20, người Pháp đã từng bước đầu tư mở đường, quy hoạch xây dựng Đà Lạt thành một đô thị có kiến trúc độc đáo, hài hòa. Đà Lạt trở thành một “Paris nhỏ” hay “Thủ đô mùa hè” cho toàn xứ Đông Dương.

Tên Đà Lạt bắt nguồn từ tên gọi Đạ Lạch của người dân bản xứ. Từ tên chữ này, những nhà thiết kế người Pháp còn tạo ra một “châm ngôn” bằng tiếng Latinh khắc trên huy hiệu thành phố trước tòa thị chính như sau: *Dat Aliis Laetitiam Aliis Temperiem*, có nghĩa là “Cho người này niềm vui, cho người khác sức khỏe”.

Ngày nay Đà Lạt vừa là thành phố nghỉ mát, vừa là tỉnh lỵ của tỉnh Lâm Đồng.

Nếu có dịp đi du lịch nơi đây, bạn sẽ được giới thiệu về ba cái “không” của Đà Lạt:



Đà Lạt

- Một *không* là không có máy điều hòa nhiệt độ. Vì quanh năm Đà Lạt mát mẻ, mùa nào cũng có thể diện áo len, đêm se se lạnh chỉ cần đắp tấm chăn mỏng.

- Hai *không* là Đà Lạt không có bão. Kể cũng lạ, Đà Lạt cũng có mưa nhiều, nhưng các cơn bão từ Biển Đông cũng chỉ vờn xoáy các vùng xung quanh mà không động chạm đến Đà Lạt.

- Ba *không* là Đà Lạt không có đèn giao thông xanh đỏ vàng trên các ngã ba, ngã tư đường phố. Điều đó chứng tỏ xe cộ đi lại nơi đây rất từ tốn, an toàn.

Muốn thăm thú Đà Lạt ít nhất phải mất vài ba ngày. Vì Đà Lạt có rất nhiều cảnh đẹp và di tích đáng thưởng thức.

Cảnh Đà Lạt tạo cho con người cảm giác thanh bình, lãng mạn. Đó là những thác nước Prenn, thác Cam Li, thác Voi, hồ Xuân Hương, hồ Than Thở, đồi Cù, thung lũng Tình Yêu... thấp thoáng trong các cánh rừng thông thơ mộng.

Tại đây cũng có những công trình kiến trúc và tôn giáo đặc sắc như dinh Bảo Đại, biệt điện Trần Lệ Xuân, thiền viện Trúc Lâm, nhà thờ Con Gà...

Nhưng nhắc đến Đà Lạt phải nhắc tới xứ sở của các loài hoa. Cả thành phố là một vườn hoa muôn sắc muôn màu. Hoa trên đường phố, hoa trong công viên, hoa ở thiền viện, hoa trong nhà dân... Nếu vào cuối xuân hai bên đường phố bát ngát màu hồng của hoa anh đào thì đầu hè lại tràn

ngập sắc tím Huế của hoa phượng tím. Không chỉ có hoa trong vườn, khắp ven đồi Đà Lạt vàng rợp hoa dã quỳ để lại ấn tượng không thể phai mờ.

Hằng năm Đà Lạt mở hội hoa thu hút du khách khắp nơi đến thưởng ngoạn.

Đà Lạt thật xứng đáng với danh hiệu Thành Phố Ngàn hoa.

NÚI ĐÁ VÔI VÀ ĐỊA HÌNH CACXTƠ

ĐỊA HÌNH CACXTƠ LÀ GÌ?

Đá vôi là một loại đá trầm tích có nguồn gốc sinh vật và hóa học. Có những địa tầng do xác các sinh vật có vỏ canxi như loài trùng lỗ, trùng thoi tích tụ lại. Có những địa tầng do cacbonat canxi từ các nguồn nước tải ra lắng đọng ngoài khơi xa.

Đá vôi hoặc đá có tinh thể cacbonat như đolômit khác các loại đá khác là có thể bị nước hòa tan. Vì vậy thường xảy ra hiện tượng mà các nhà địa chất gọi là cacxtơ (karst) hóa. Đây là một hình thức phong hóa hóa học, khác với phong hóa cơ học. Nước (thường có tính axit) len lỏi qua các khe nứt trong đá, hòa tan dần các khoáng vật canxit, tạo nên các khe rãnh, các khoang trống, mở rộng thành các phếu đá, hang động. Trong hang động, nước bão hòa muối canxi nhỏ giọt, bốc hơi đọng lại thành các vú đá, chuông đá trên trần hang. Dưới nền hang hình thành các măng đá. Khi chuông đá dài ra và măng đá cao dần lên, tiếp



giáp nhau thì tạo thành cột đá. Bên rìa hang, nước chảy ngoằn ngoèo, tích đọng lại thành các rèm đá, những hình thù đủ dạng làm cho người ta liên tưởng đến hình ảnh các con rồng, con khỉ hay bất cứ cảnh vật gì theo trí tưởng tượng của mình.

Hang động cacxtơ

Vú đá, chuông đá, măng đá...

Nước nhỏ giọt trên trần hang đá vôi là nước bão hòa cacbonat canxi, khi đọng lại sẽ tạo nên các dạng thạch nhũ khác nhau:

- *Vú đá, chuông đá* là những khối đá từ trần hang treo xuống.
- *Măng đá* là những khối đá hình chóp “mọc” lên từ nền hang.
- *Cột đá* là khi vú đá và măng đá được nối liền với nhau thành trụ từ nền hang tới trần hang.
- *Rèm đá* là do những dòng nước bão hòa chảy theo vách hang đọng lại thành các hình dạng khác nhau.

Các hang động ngầm chính là những đường dẫn để nước chảy luân lách qua bên dưới. Chúng được hình thành dưới mặt đất. Do tác động bởi quá trình tân kiến tạo, mặt đất được nâng lên và cắt xẻ, thành ra ta thấy các hang động này nằm cheo leo trên lưng chừng núi là vậy.

Khi các núi đá vôi bị chia xẻ, tách ra thành các khối núi, thung lũng được phủ bởi trầm tích lấp đầy các khe nứt, vì thế sông suối chảy bên trên không bị mất nước. Đó là những cánh đồng cacxtơ, một biểu hiện của hiện tượng cacxtơ “già”.

Nguồn gốc tên gọi “cacxtơ”

Kras (tiếng Ý: Carso), còn gọi là *the Karst* hay cao nguyên Kras, là tên vùng ranh giới cao nguyên đá vôi ở tây nam Slovenia mở rộng tới miền đông bắc Ý và miền tây Croatia.

Vùng này có nhiều hang động nổi tiếng thế giới. Ở Slovenia có các hang như hang Vilenica (hang động du lịch cổ nhất trên



thế giới), hang Lipica, hang Divača, hang Kačna và các hang Škocjan. Ở Ý có hang Grotta Gigante được coi là hang du lịch lớn nhất thế giới. Mặt phẳng mực nước trong hang dao động ngang đặc biệt, được dùng để đo sự lên xuống của thủy triều do tác động của Mặt trăng đối với Trái đất.

Karst (phiên âm là cacxtơ) trở thành thuật ngữ để chỉ hiện tượng các vùng núi đá vôi có hang động.

Sau đây chúng ta sẽ tìm hiểu các địa hình cacxtơ thông qua một số núi đá vôi đặc trưng. Núi đá vôi ở nước ta phân bố khá rộng, có tuổi khác nhau, nhưng chủ yếu tập trung ở miền Bắc; miền Nam cũng có, nhưng hiếm.

KHỐI NÚI ĐÁ VÔI BẮC SƠN

Đây là một khối núi trải rộng khắp biên giới phía Bắc, từ Hà Giang qua Cao Bằng đến Lạng Sơn, lan xuống Bắc Kạn, Thái Nguyên. Các địa hình cacxtơ được thấy ở sơn nguyên Đồng Văn, hồ Thang Hen, Hồ Ba Bể.

- **Sơn nguyên Đồng Văn**, được quen gọi là Cao nguyên đá Đồng Văn, trải rộng trên bốn huyện Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn, Mèo Vạc của tỉnh Hà Giang.

Địa tầng đá vôi này được hình thành vào đại Cổ sinh cách đây trên 300 triệu năm. Đá vôi ở đây có độ cứng cao, sau này được nâng lên, chịu tác động của hoạt động xâm thực chia cắt tạo thành những thung lũng, hẻm vực ngăn cách các ngọn núi với nhau. Tuy nhiên, các đỉnh núi vẫn còn giữ lại độ cao sần sần nhau, nên được gọi là “cao

nguyên đá", mặc dù không phải là một vùng bằng phẳng như những cao nguyên thực thụ.

Địa hình cacxtơ nơi đây rất kì thú và đa dạng. Có khi là những ngọn núi đá vách thẳng đứng, trơ trụi, có khi là những ngọn tròn trịa, đỉnh mềm mại do có lớp phủ phong hóa từ đá phiến, cát kết bao quanh, tạo nên dạng địa hình "vú nàng tiên" tròn trịa. Tại Pải Lùng, huyện Mèo Vạc, nhà địa chất Tạ Hòa Phương phát hiện ra một đỉnh đá vôi có hình tháp kim là một dạng cực kì hiếm đối với núi đá vôi.

Toàn cảnh nơi đây như một bức tranh vừa hùng vĩ vừa nên thơ.

Hẳn bạn đã nghe nói đến đèo Mã Pí Lèng, cung đường hiểm trở dài khoảng 20 km vượt đỉnh Mã Pí Lèng cao 1.200 m thuộc Cao nguyên đá Đồng Văn, một cảnh quan thật hiếm có: giữa núi non trùng điệp, dựng đứng những vách đá vôi trắng, từng vùng đồi bên dưới vốn là đá phiến, cát kết phong hóa được cải tạo thành ruộng bậc thang uốn lượn viền quanh, tím ngát khi vào mùa hoa tam giác mạch, vàng óng ả khi vào mùa lúa chín...

Hoặc bạn đã được xem những cảnh quay sông Nho Quế chảy len lỏi dưới các hẻm vực sâu. Trong đó, hẻm vực ở Tu Sản được coi là hẻm vực sâu nhất, hùng vĩ nhất Đông Dương, hai bên kẹp giữa vách đá vôi cao khoảng 600 - 700 m.

Trung tâm cao nguyên rất khan hiếm nước, vì nước mưa bị thu hết xuống các khe cacxtơ và các hang động ngầm. Các nhà địa chất đã tìm ra một giải pháp có hiệu



Hồ treo trên núi đá vôi

quả là tạo ra các “hồ treo”, tức là xây dựng những hồ nước tại chỗ trữ tích nước lộ ra từ mùa mưa để dành cung cấp cho mùa khô.

Với những hiện tượng địa chất độc đáo và cảnh quan đa dạng, Cao nguyên đá Đồng Văn đã được UNESCO công nhận là Công viên địa chất toàn cầu.





Nối tiếp từ Hà Giang, dải đá vôi vắt qua các huyện Bảo Lạc, Hà Quảng, Trà Lĩnh, Trùng Khánh, Quảng Uyên của tỉnh Cao Bằng với mức độ cacxtơ hóa khác nhau, tạo nên các dạng địa hình khác nhau.

Mạn Hà Quảng, Lục Khu (phía tây bắc Trà Lĩnh) vẫn là cảnh quan cacxtơ hoạt động mạnh, núi non hiểm trở, khan hiếm nước. Nhiều khi người dân phải đi hàng mấy cây số, dùng đôi “bằng tre” gánh nước về. Đi qua các bản, ta thường thấy nhiều nhà dân có những chiếc chum bê tông khổng lồ để hứng nước mưa dùng quanh năm.



Chum chứa nước mưa khổng lồ



Hồ Thang Hen

Hang Pác Bó ở Hà Quảng, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh từng ở trong cuộc đời hoạt động cách mạng, cũng nằm trong khối đá vôi này. Pác Bó hay Cốc Bó theo tiếng Tày - Nùng đều có nghĩa là nguồn nước, là nơi phát xuất dòng suối Lenin trong vắt.

- **Hồ Thang Hen** (tiếng Tày có nghĩa là hồ Đuôi Cáo) ở Trà Lĩnh là một sản phẩm độc đáo của địa hình cacxtơ.



Dòng sông Trà Linh chảy đến Đồng Giài thì bị hút xuống miệng hang động ngầm. Sau đó, vòm đá phía trên dòng sông ngầm bị sập, làm lộ ra 36 hồ nước nhỏ liên hoàn kết lại như một chuỗi ngọc giữa hai bên bờ núi. Rồi hồ mất hút dưới núi, dòng chảy bị chặn lại bởi khối đá xâm nhập, chẻ ra làm đôi: một phần chảy ra Suối Củn, góp nước vào sông Bằng; một phần âm ỉ lộ ra tại Bó Pia Nầy (mỏ Cá Chép) ở Quảng Uyên.

Nơi đây đang được đầu tư xây dựng thành một điểm du lịch hấp dẫn du khách trong và ngoài nước ham thích thám hiểm.

Trên vùng núi đá vôi Trùng Khánh, nơi tiếp giáp với Trung Quốc có thác Bản Giốc rất đẹp. Thác gồm hai phần rộng 200 m, nước từ độ cao 60 - 70 m đổ xuống sông Quây Sơn. Từ xa đã nghe thấy tiếng thác đổ âm ào, nước tuôn xuống trắng xóa. Phần thác phụ thuộc phía Việt Nam cao hơn, nhưng lượng nước ít hơn. Phần thác chính thấp hơn, nhưng rộng hơn và lượng nước lớn hơn rất nhiều. Đây là thác nước tự nhiên lớn nhất Đông Nam Á và từng được coi là thác đẹp nhất nước ta.

Hiện nay cột mốc biên giới Việt - Trung được cắm ở giữa lòng sông của thác chính. Dưới chân thác phía Việt



Nam là một bãi bồi trải rộng. Phía Trung Quốc là sườn núi đá dốc xuống. Cách thác Bản Giốc 5 km có động Ngườm Ngao góp thêm phần hấp dẫn cho khu du lịch này.

Từ Trùng Khánh, Quảng Uyên kéo dài tới Lạng Sơn dọc đường số 4, quá trình cacxtơ chuyển sang giai đoạn “già” hơn. Không còn thấy các hẻm vực sâu hoắm nữa, các thung lũng, các miệng hố sụt đã được đất lấp đầy, có sông suối chảy qua. Trên các dòng sông Bằng, sông Kỳ Cùng những *cồn* (guồng nước) tự động đưa nước lên đồng ruộng ven bãi bồi, cần cù ngày đêm. Các khoảnh ruộng nương cũng được



Cồn nước - Trùng Khánh - Cao Bằng

khoanh vùng bằng các tảng đá vôi xếp bên nhau. Trên những cánh đồng nhỏ hẹp vẫn lổn nhổn những cụm đá vôi sắc nhọn. Đó là những cánh đồng cacxtơ điển hình.

Xen kẽ giữa các núi đá vôi ở Lạng Sơn, Bắc Kạn, Thái Nguyên có những núi đồi đá phiến, cát kết hình dạng mềm mại. Dưới chân núi thường có những thung lũng đất đai màu mỡ, dòng nước chảy trong xanh, nơi người Tày, người Nùng lập bản làng đông đúc, với những căn nhà sàn lợp ngói âm dương, tường xây bằng các tảng đá vôi gấn vữa.

Tại vùng này vẫn còn nhiều hang động, núi non hiểm trở, từng là địa bàn của các cuộc khởi nghĩa Bắc Sơn, Vũ Nhai.

Ngay tại thành phố Lạng Sơn có hệ thống động Tam Thanh và tượng nàng Tô Thị được truyền tụng từ mấy trăm năm trước.

- **Hồ Ba Bể** ở Bắc Kạn là hồ nước tự nhiên lớn nhất nước ta, rộng 6,5 km², dài 8 km, sâu tới 30 m. Hồ được hình thành cách đây khoảng 10.000 năm trên nền đá vôi có tuổi 200 triệu năm. Nguồn nước cấp cho hồ là hai dòng sông ở phía nam đổ vào sông Năng ở phía bắc, hình thành ba "bể" liên thông với nhau, nước không bao giờ cạn. Ở giữa hồ nổi lên hai đảo đá nhỏ là gò Già Mải và gò An Mã.

Tương truyền xưa kia, dân làng Nam Mẫu ở đây có tập tục tổ chức lễ hội linh đình. Lần nọ có một bà già đến xin ăn, mọi người thấy bà rách rưới liền xua đuổi. Chỉ có một bà góa sống với đứa con côi cho bà già ăn uống và nghỉ qua đêm. Sáng hôm sau, bà cho hay mình là giao long biến ra

để thử lòng người. Giận thói đời khinh bạc, bà làm cho mặt đất rung chuyển, nhấn chìm cả làng xuống hồ nước mêh mông. Chỉ còn lại chơ vơ một hòn đảo là nền đất nhà bà góa, nên gọi là Pò Già Mải (gò Bà Góa).

Về mặt địa chất, có lẽ đây là một hồ nước có nguồn gốc kiến tạo làm cho khối đá vôi sụt xuống thành hố trũng.

Hồ Ba Bể có phong cảnh hữu tình, còn lưu giữ nhiều loài động thực vật quý hiếm. Xung quanh hồ người ta đã phát hiện được nhiều di tích của người cổ xưa.

Với những giá trị đó, hồ Ba Bể được xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt, nằm trong Vườn Quốc gia Ba Bể.

VÙNG NÚI ĐÁ VÔI TÂY BẮC

Đá vôi miền này tạo thành những cao nguyên kéo dài thành “luống” từ Tà Phình - Sín Chải (Điện Biên) theo hướng tây bắc - đông nam đến Mộc Châu (Sơn La).

Tại bắc Lai Châu, đá vôi có tuổi cổ hơn (Cacbon - Pecmi), nhưng được nâng lên, cacxtơ hóa trẻ lại, tạo nên núi đá lởm chởm, sườn gần như dựng đứng. Một số đỉnh cao vọt lên như đỉnh Pu Sam Sao 1.904 m, vực thẳm hun hút.

Chạy về phía đông nam là cao nguyên Sơn La, có tuổi thành tạo trẻ hơn (vào kỷ Triat), nhưng được nâng lên yếu nên địa hình lại “già” hơn. Có nhiều nơi đá vôi bị phá hủy mạnh, chỉ còn những đồi đá vôi sót lại.

Tiếp đến là cao nguyên Mộc Châu kéo dài đến tận Suối Rút. Cũng là đá vôi cùng tuổi, nhưng có hiện tượng trẻ lại do được nâng lên về sau.



Nói chung, hiện tượng cacxtơ ở các cao nguyên này đã có phần ổn định, tạo ra các thung lũng rộng, nằm xen với các đồi núi đá phiến, cát kết...

Sông Đà chảy qua vùng này đã được chặn lại nhiều đoạn để xây dựng nhà máy thủy điện, như thủy điện Sơn La, thủy điện Hòa Bình. Để xây đập nước, các nhà địa chất đã thăm dò để tìm ra những nơi không có hiện tượng cacxtơ ngầm, tránh sự thấm lậu nước qua các khe nứt, hang hốc bên dưới.

Vạt núi đá vôi Tây Bắc còn kéo dài xuống Hòa Bình và Ninh Bình, ăn lan ra cả bờ biển. Núi đá vôi thường ít cây rừng vì đá lộ ra trơ trọi, không có đất cho cây bám. Tuy vậy cũng có những thung đá vôi hiểm trở còn bảo tồn được rừng nguyên sinh. Đó là trường hợp rừng quốc gia Cúc Phương. Những hang động nằm trên lưng chừng núi như động Người xưa, động Hương Tích... cho thấy khối núi đá vôi đã được nâng lên vào thời kì sau này. Nhưng ở ven rìa, hiện tượng cacxtơ hầu như đã dừng lại, đá vôi không còn thành dãy, thành khối, mà là những núi tách biệt như ở Chi Nê, Hòa Bình. Bên chân núi đá vôi đã hình thành những thung lũng rộng, những cánh đồng trồng lúa và hoa màu. Những núi đá vôi sót lại còn nhô lên rải rác cho tới phía tây gần trung tâm Hà Nội, như núi đá vôi Chùa Thầy.

- Quần thể danh thắng Tràng An

Quần thể danh thắng này là một thể kết hợp “ba trong một”: cảnh quan thiên nhiên, lịch sử văn hóa và kiến tạo địa chất. Khi lập nước Đại Cồ Việt, Đinh Tiên Hoàng đã

chọn Hoa Lư làm kinh đô, lấy núi non xung quanh làm các thành lũy tự nhiên để bảo vệ kinh thành. Ngày nay vùng non nước Tràng An đã được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên và văn hóa thế giới.

Trung tâm danh thắng là cố đô Hoa Lư. Trong sử thi *Hoàn vương ca* tích có đoạn mô tả:

Tiên triều đã đặt thế uy

Thành xây thiên tạo lũy quy địa phù

Hang thăm thẳm động âm u

Hồ đi du đãng vượn du vách rừng.

Vùng núi đá vôi Ninh Bình được coi như “Vịnh Hạ Long trên cạn”, bởi các núi nhấp nhô chẳng khác gì các ngọn đảo đá trên vịnh, và dưới chân núi cũng có vết sóng vỗ như đã từng dầm chân trên mặt biển cách đây chưa xa, chỉ 7.000 đến 1.500 năm trước.

Cảnh quan nơi đây là kết quả của nhiều giai đoạn thăng trầm, trong đó có quá trình cacxtơ hóa tạo nên các hang động ngầm và sau đó được nâng lên, thung lũng được bồi tụ.

Các nhà khảo sát đã thống kê, quần thể này có hàng trăm hang động thuộc bốn dạng khác nhau: hang ngầm cổ, hang nền cacxtơ cổ, hang mái đá và hang hàm ếch. Mạng lưới sông suối luôn lách qua 31 đầm hồ, chui qua 48 hang động, trong đó có những hang xuyên núi dài tới 2 km, như hang Địa Linh, hang Sinh Dược, hang Mây...





Phong Nha - Kẻ Bàng

KHOI NÚI ĐÁ VÔI PHONG NHA - KÊ BÀNG

Thuộc mạch núi Trường Sơn, khối đá vôi hầu như còn nguyên vẹn này thuộc loại lớn nhất nước ta và còn mở rộng sang cả bên Lào. Đá vôi ở đây có tuổi Cacbon - Pecmi (cách đây khoảng 300 triệu năm) dày tới trên 1.000 m. So với địa hình núi non Trường Sơn xung quanh, nó thấp hơn nhưng lại vô cùng hiểm trở. Đá có độ tinh khiết cao, phân lớp dày, trên đó diễn ra đầy đủ các hình thái cacxtơ hóa, tạo nên các hang động cacxtơ. Trước đây người ta đã biết đến động Phong Nha kì diệu, ngày nay lại khám phá thêm nhiều hang động mới, đặc biệt là động Sơn Đoòng, được coi là hang động đẹp và dài rộng nhất thế giới.

Do địa hình hiểm trở, đi lại khó khăn, nên khối núi này còn giữ được vẻ nguyên sơ, bảo tồn được tính đa dạng của động thực vật.

Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng được công nhận là Di sản thiên nhiên của thế giới.

NÚI ĐẢO CACXTƠ TRÊN VỊNH HẠ LONG

Vịnh Hạ Long là một thắng cảnh nổi tiếng được cả thế giới biết tới. Người ta đã thống kê được toàn vịnh có 1969 hòn "đảo", trong đó có 1921 đảo đá vôi. Các hòn đảo lớn nhỏ này tựa như những ngọn núi đá lô nhô "mọc" lên trên biển nước xanh, dưới chân núi sóng vỗ mênh mang.

Đây là một dạng địa hình cacxtơ đặc biệt.





Vịnh Hạ Long

Vào thời kì Cacbon - Pecmi, nơi đây là một vùng biển nông, tích tụ các tầng đá vôi dày (với nhiều di tích hóa thạch thời kì này). Các hoạt động kiến tạo làm cho đáy biển khi nâng lên, khi hạ xuống, khi biển tiến, khi biển thoái để cuối cùng, cách đây khoảng 20 triệu năm, vùng đá vôi này nhô hẳn lên trên đất liền. Từ đó, dưới điều kiện khí hậu nóng ẩm, tầng đá vôi bị bào mòn xâm thực và trải qua một quá trình cacxtơ hóa hoàn chỉnh. Từ một khối dày liền



mạch, nó bị nứt nẻ, nước chảy qua tạo ra các dòng chảy ngầm, bào mòn thành các hang động và cắt xẻ ra thành những ngọn núi, những cánh đồng dưới chân núi. Cảnh quan bấy giờ cũng tựa tựa như núi non vùng Ninh Bình ngày nay.

Rồi tất cả vùng núi đá vôi cacxtơ ấy, đến đầu kỉ Đệ tứ lại chìm dần xuống biển. Những đỉnh núi cao lộ nhô trời

lên mặt nước thành các đảo đá, đã sẵn các hang động được thành tạo từ trước.

Các hang động ngầm cũng bao gồm nhiều dạng: Hang động ngầm cổ, như hang Sừng Sốt, động Tam Cung, động Lâu Đài, động Thiên Cung, hang Đầu Gỗ, Thiên Long... Hang nền cacxtơ, như hang Trinh Nữ, Bồ Nâu, Tiên Ông, hang Trống... Và các loại “hàm ếch” ăn thông với nhau, như hang Luồn, Ba Hầm, Ba Hang...

Theo truyền thuyết, Hạ Long là nơi Rồng mẹ xuống hạ giới giúp người Việt chống lại quỷ dữ. Cùng xuống theo Rồng mẹ là bảy rồng con đông đảo, về sau biến thành những hòn đảo nhấp nhô trên mặt biển. Mỗi hòn đảo đá có một dáng vẻ riêng, được đặt tên theo hình ảnh mà người ta tưởng tượng ra, như hòn Cóc, hòn Gà Chọi, hòn Yên Ngựa, hòn Bọ Hung, hòn Đũa, hòn Ông Bụt, hòn Nón, hòn Cái Tai, hòn Cái Tráp... Thật là muôn hình vạn trạng!

Sự phối hợp giữa núi non, mặt nước và bầu trời tạo nên cảnh đẹp hài hòa hiếm có cũng như vẻ đặc sắc của điều kiện tự nhiên nơi đây. Vịnh Hạ Long được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên của thế giới về mặt thẩm mỹ, và cả Di sản thế giới theo tiêu chuẩn địa chất, với hai giá trị nổi bật toàn cầu về lịch sử địa chất và địa mạo cacxtơ.

VẪN CÒN RÁI RÁC NÚI ĐÁ CACXTƠ Ở PHÍA NAM TỔ QUỐC

Tại miền biển tây nam của nước ta cũng có một “vịnh Hạ Long thu nhỏ”. Đó là các núi đá vôi trong vịnh Hà Tiên (Kiên Giang), được hình thành từ trầm tích sinh vật, trong đá còn chứa nhiều xác động vật, vỏ sò, san hô và vi sinh vật. Khối đá vôi này kéo dài từ tỉnh Kampot (Campuchia), đến đây chỉ còn là những ngọn núi rời rạc, cách xa nhau trên đất liền và trên biển.

Những đảo đá vôi trên vịnh không lớn, không cao lắm, nhưng cũng tạo ra những hình ảnh kì thú. Một trong những biểu tượng là hai hòn Phụ Tử như hình ảnh hai cha con



Hòn Phụ Tử - Hà Tiên

cùng ngóng ra biển. Hòn Phụ (bố) cao 33,6 m, hòn Tử (con) cao 30 m. Đáng tiếc là vào năm 2006, hòn Phụ nặng tới 1.000 tấn đã bị sóng đánh đổ xuống biển.

Là những khối đá vôi, nên tại đây cũng hình thành nhiều hang động. Có thể kể đến các hang như Thạch Động, Hang Tiên, Chùa Hang..., những thắng cảnh hấp dẫn du khách. Đặc biệt có những hang động từng ghi dấu năm tháng vua Gia Long ẩn tránh quân Tây Sơn, hay từng được sử dụng làm nơi trú ẩn của các chiến sĩ Giải phóng quân để tránh máy bay Mỹ hồi chiến tranh.

NHỮNG HANG ĐỘNG KÌ LẠ

Hang động là những khoảng trống sâu trong núi. Nhưng không phải núi nào cũng có hang động tự nhiên. Tại Tức Dụp, An Giang, trên một ngọn núi đá hoa cương (granit) có những hang động tự nhiên do các đứt gãy, các tảng đá sập chồng lên nhau mà thành. Nơi đây từng là căn cứ của quân ta trong thời chống Mỹ, gánh chịu hàng tấn bom đạn ném xuống mà không hề hấn gì. Trường hợp ấy rất hiếm có, vì các đá xâm nhập, đá sa thạch, đá phiến rất khó tạo ra các hang động. Trong khi đó, ở đâu có núi đá vôi chắc chắn có hang động.

Nước ta có nhiều địa tầng đá vôi phân bố ở khắp nơi, nên xuất hiện nhiều hang động, trong đó có những hang động kì vĩ, đã đi vào đời sống tinh thần của người Việt Nam ta.

LANG SƠN CÓ ĐỘNG TAM THANH

Đồng Đăng có phố Kì Lừa

Có nàng Tô Thị, có chùa Tam Thanh

Ai lên xứ Lạng cùng anh

Bỏ công bác mẹ sinh thành ra em

Tay cầm bầu rượu nắm nem

Mảng vui quên hết lời em dặn dò...

Tam Thanh là một hệ thống hang động nằm ở phường Tam Thanh, phía tây bắc thành phố Lạng Sơn. Đây là quần thể hang động được nhắc đến sớm nhất trong sử sách và văn học nước nhà.

- Động Tam Thanh

Theo tấm bia *Trùng tu Thanh Thiên động*, được khắc vào năm 1677 về việc trùng tu di tích mà suy ra, thì động này từng được phát hiện vào thời nhà Lê.

Động ở lưng chừng núi đá vôi, cao khoảng 8 m, phải trèo 30 bậc thang đá mới đến cửa động. Trên trần và vách hang đá có những thạch nhũ mang hình cây ngô đồng, sư tử, voi, ngựa, tiên ông... Giữa động có vực Âm Ti nước không bao giờ cạn. Đang lặn mò trong tối, bỗng thấy ánh sáng mờ ảo rọi vào từ hai cửa thông thiên. Trèo ra bên ngoài, nhìn thấy bản làng với các nhà sàn và hình ảnh những chiếc cón nước, cối giã gạo của người Tày.

Hang động thiên nhiên này ban đầu được làm quán thờ của Đạo giáo nên có tên gọi theo ba cung trong động là Ngọc Thanh, Thượng Thanh và Thái Thanh. Về sau, khi đạo Phật hình thành, hang động được xây làm chùa thờ Phật. Trong sách *Đại Nam Nhất thống chí* của Quốc sử quán triều Nguyễn có viết: "*Chùa này nằm trong động núi đá thuộc địa phận xã Vĩnh Trại, châu Thoát Lãng, cửa mây nhũ đá trong sạch, không bụi trần. Người địa phương cùng*



người Minh hương tô tượng Phật phụng thờ, lại có tên nữa là Chùa Thanh Thiên”.

Vì thế, về mặt tôn giáo, động sắp xếp theo kiểu “tiền Phật hậu Thánh”. Trong động có bức tượng Phật A Di Đà màu trắng được tạc nổi vào vách đá với nét mềm mại, uyển chuyển. Tượng mang phong cách nghệ thuật thời Lê - Mạc (thế kỉ 16-17), tạc theo thể đứng trong hình một lá đề, cao 202 cm, rộng 65 cm, mặc áo cà sa buông trùm xuống tận gót, hai tay chỉ xuống đất trong thế ấn cam lộ.

Động Tam Thanh còn nổi tiếng bởi hệ thống bia Ma Nhai khá phong phú được lưu giữ trong chùa, do các văn thân, thi sĩ để lại qua các thời kì lịch sử với những giá trị về sử liệu và văn hoá nghệ thuật.

- Động Nhị Thanh

Động do danh sĩ Ngô Thì Sĩ phát hiện khi ông được bổ làm Đốc trấn Lạng Sơn (từ 1777 đến 1780). Ông đặt tên cho động này là Nhị Thanh, cũng là đạo hiệu Nhị Thanh cư sĩ của mình. Ngô Thì Sĩ đã khéo dựa vào cảnh quan thiên nhiên để tạo tác nên thắng cảnh, khiến hang động càng thêm đặc sắc.

Phía bên phải động Nhị Thanh là chùa Tam Giáo (Tam Giáo Tự). Chùa có kiến trúc rất đặc biệt: không có mái, không có nhà, ban thờ được đặt trong các hang, hốc đá gây cho ta cảm giác thiên tạo, cộng với những nhũ đá kì vĩ tạo vẻ linh thiêng của ngôi chùa.

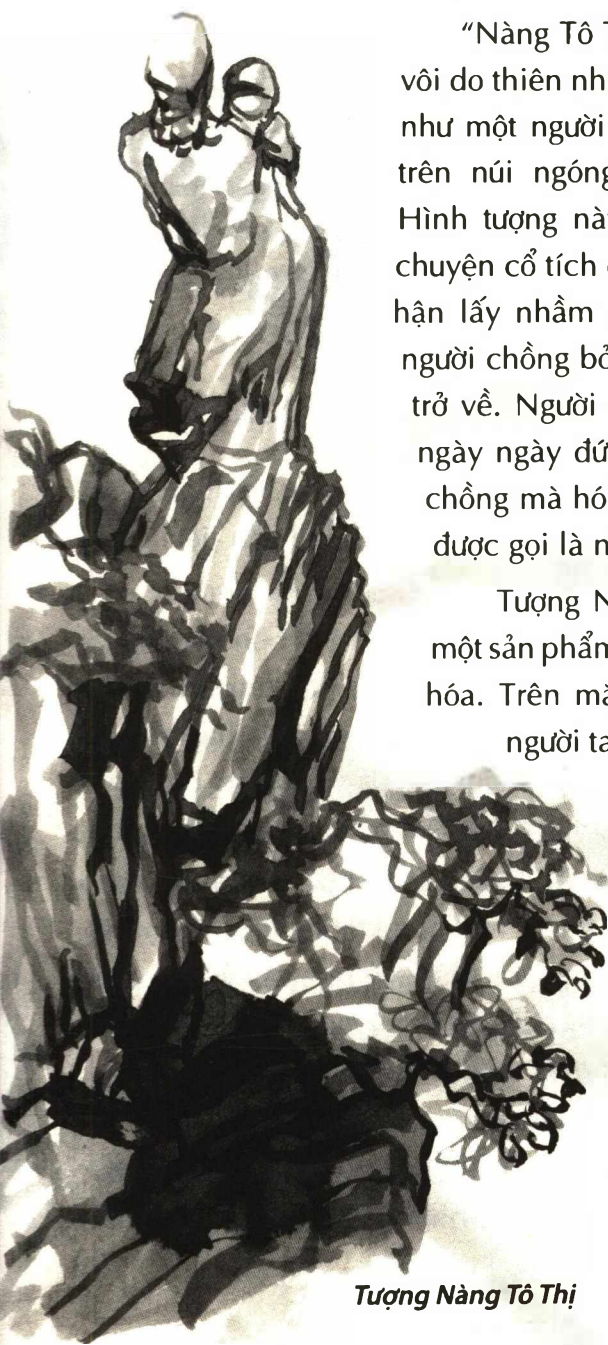
Bên trái chùa Tam Giáo là đường vào động Nhị Thanh và suối Ngọc Tuyền trong vắt, ẩn hiện dưới lùm cây trông thật hữu tình. Phía ngoài động, trên cao có ba chữ Hán *Nhị Thanh Động* khổ lớn khắc chìm vào vách đá. Bên trong động, trên vách bên phải là hệ thống bia Ma Nhai với 20 văn bia đủ mọi kích thước xen kẽ nhau.

Đi thêm khoảng 100 m, qua hai chiếc cầu kiều bắc qua những khúc suối quanh co, một không gian rộng lớn mở ra với nóc hang cao vút, có cửa thông thiên, phía trong có một thác nước đổ xuống, theo khe đá hòa nhập vào suối Ngọc Tuyền chảy ngầm dưới nền động, tạo nên những âm thanh huyền bí khi dội vào vách đá. Ngô Thì Sĩ có viết trong bài kí *Động Nhị Thanh* như sau: *“Người đi thuyền phải cúi rạp xuống, dùng tay vịn vào vách đá đẩy thuyền mới qua được và do suối chảy dưới nền động nên không thấy dòng suối đâu.”* Ông còn cho khắc lên nóc hang ba chữ lớn: *“Hang Thông Thiên”*.

Từ xưa, người ta đã khắc chân dung Ngô Thì Sĩ trên một hốc đá nhỏ trong động ở độ cao 8 m, tạo thế ông ngồi kiết già dựa vào vách đá giống như thật. Ngày nay, để tưởng nhớ công ơn của vị danh sĩ, nhân dân trong vùng đã xây dựng ban thờ ông ngay trong động Nhị Thanh.

- Tượng Nàng Tô Thị

Cùng với động Nhị Thanh và động Tam Thanh, Nàng Tô Thị được xếp vào “Đệ nhất bát cảnh xứ Lạng”, không những thế, còn ở hàng đầu danh sách.



“Nàng Tô Thị” là một tượng đá vôi do thiên nhiên tạo tác, trông tựa như một người mẹ bỗng con đứng trên núi ngóng về phía xa xăm. Hình tượng này được gắn với câu chuyện cổ tích đầy bi thương. Vì ân hận lấy nhầm phải chính em gái, người chồng bỏ đi đăng lính không trở về. Người vợ cứ thế bỗng con ngày ngày đứng trên núi cao chờ chồng mà hóa đá. Vì thế hòn núi được gọi là núi Vọng Phu.

Tượng Nàng Tô Thị cũng là một sản phẩm của đá vôi bị cacxto hóa. Trên mặt đá vôi của tượng, người ta đã tìm thấy các hóa

thạch trùng thời Cacbon - Pecmi. Năm 1991, tượng Nàng Tô Thị bỗng nhiên bị sụp đổ. Người ta nghi ngờ tượng bị đem nung vôi, nhưng sau các nhà

Tượng Nàng Tô Thị

khoa học xác định là pho tượng đứng chông chênh đã tự đổ. Dựa vào hình ảnh cũ, người ta đã phục dựng lại tượng như trước.

Đây cũng là một sự cảnh báo rằng, những khối đá vôi có hình dạng đặc biệt như tượng Nàng Tô Thị hay hòn Phụ Tử ở Hà Tiên rất nhạy cảm với tác động bên ngoài, nên cần được nâng niu gìn giữ.

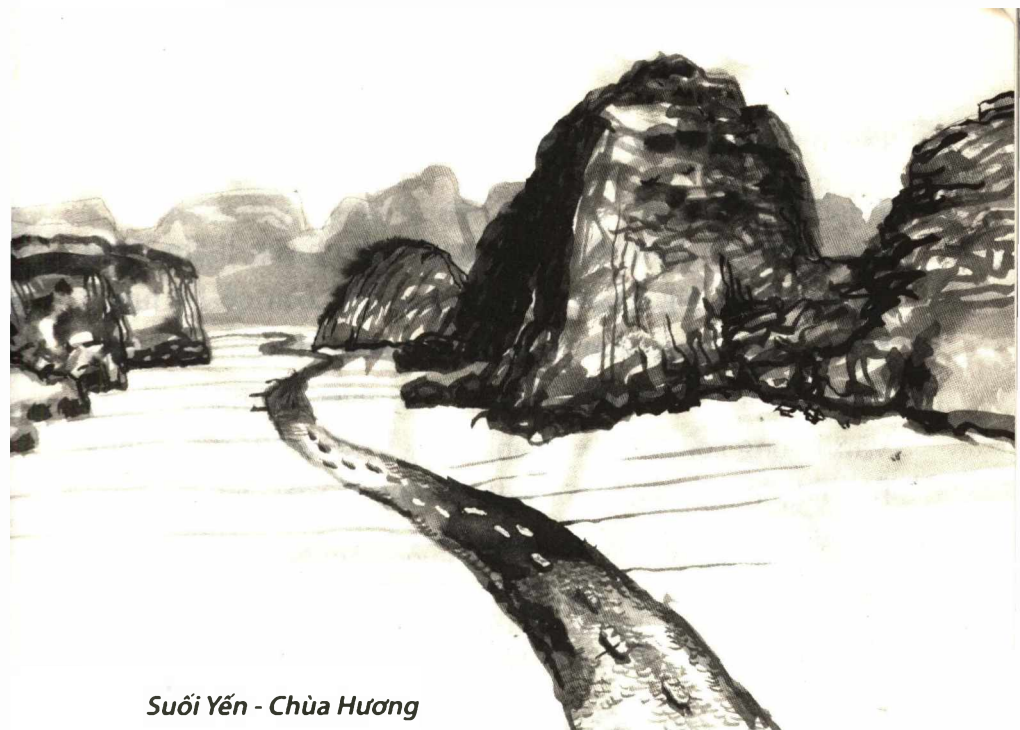
HƯƠNG TÍCH - “NAM THIÊN ĐỆ NHẤT ĐỘNG”

Cách Hà Nội 70 km về phía tây nam, tại huyện Mĩ Đức có một quần thể thắng cảnh nổi tiếng gắn liền với lễ hội Chùa Hương.

Hàng năm, cứ đến sau Tết là du khách bốn phương lại kéo về trải hội. Trước hết, du khách xuống thuyền từ Bến Đục, theo dòng suối Yến thông dong đi giữa hai bên bờ phong cảnh hữu tình, với những núi đá vôi cacxtơ hình con voi, cột cờ, mâm xôi, con gà, phẩm oản...

Thuyền cập bến, du khách lên chùa Thiên Trù (bếp trời) dựng uy nghi trên một mặt bằng thung lũng khá rộng. Đây cũng là một chặng nghỉ chân, có một ga cáp treo đưa bạn lên đến chùa trong, tức động Hương Tích ở trên đỉnh núi cao 900 m so với mực nước biển.

Tuy nhiên, nếu bạn muốn thử sức và có lòng mộ Phật thì hãy trèo tiếp, một con đường núi cheo leo 2 km sẽ dẫn bạn đến đích. Đi bộ dẫu mệt, nhưng bạn có dịp ghé thăm



Suối Yến - Chùa Hương

chùa Tiên Sơn xây trong một hang động, có bốn pho tượng hồng thạch. Tiếp đó bạn đến chùa Giải Oan có giếng nước trong vắt, gần đó là động Tuyết Kinh và am Phật Tích. Dấn bước tới núi Chấn Song có đền Cửa Vồng là sắp đến động Hương Tích.

Cửa động như miệng con rồng há ra vờn ngọc. Tháng Ba năm Canh Dần (1770), chúa Trịnh Sâm từng đến thăm và đặt tên cho động là “Nam Thiên đệ nhất động”, tức động đẹp nhất trời Nam. Trong động có pho tượng Phật bà Quan Âm bằng đá xanh tạc thời Tây Sơn. Hàng vạn nhũ đá nhấp nhô tạo nên biết bao hình thù kì lạ: bầu Sữa Mẹ, hoa



Phiên Nảo, đụn Gạo, đụn Tiền, núi Cậu, núi Cô, cây Vàng, cây Bạc...

Tuyến du lịch vừa kể là tuyến chính lên thăm động Hương Tích. Ngoài ra tại quần thể này còn có ba tuyến khác cũng không kém phần thú vị. Đó là tuyến đến thăm chùa Thanh Sơn và động Hương Đài; tuyến thăm chùa Long Vân - động Long Vân và hang Sừng Sừng; tuyến thăm chùa Bảo Đài, động Chùa Cá và động Tuyết Sơn.

Thắng cảnh Hương Sơn là nguồn cảm hứng bất tận cho các nhà thơ xưa nay. Nhà thơ Chu Mạnh Trinh thế kỉ 19 đã để lại bài *Hương Sơn phong cảnh ca* luôn được nhắc đến:

Bầu trời cảnh bụi

Thú Hương Sơn ao ước bấy lâu nay

Kìa non non, nước nước, mây mây

“Đệ nhất động” hỏi rằng đây có phải?

Thỏ thẻ rừng Mai chim cúng trái

Lững lờ khe Yến cá nghe kinh

.....

Nhác trông lên ai khéo họa hình

Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt

Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt

Gập ghềnh mấy lối uốn thang mây?...

NGƯỜM NGAO - "ĐỘNG CỌP"

Trước đây, người ta đến với thác Bản Giốc nhưng ít đến động Ngườm Ngao, mặc dù hang động này được phát hiện từ năm 1921. Ngay cả người dân địa phương cũng cảm thấy e dè, không biết có phải vì hang động kì bí này mang tên Ngườm Ngao, có nghĩa là "động cọp", "hang hùm". Phải đến năm 1995, Hiệp hội Hang động Hoàng gia Anh khi đặt chân tới đây mới làm một cuộc "tái phát hiện": Sừng sốt trước vẻ đẹp của động Ngườm Ngao, họ đã xếp "người đẹp bị lãng quên" vào hàng "hoa hậu hang động" thế giới. Từ đó, du khách đi thăm thác Bản Giốc không thể bỏ qua động Ngườm Ngao.

Động Ngườm Ngao



Từ Trùng Khánh đi Bản Giốc, cách thác nước chừng 4 km, rẽ theo con đường nhỏ vào bản Gun, đi qua cánh đồng cacxtơ trồng ngô hay lúa mạch ta sẽ thấy hiện lên một núi đá vôi có đỉnh bằng bằn. Đó chính là điểm đến của chúng ta.

Động có ba cửa vào: cửa Ngườm Ngao (Động Cọp), cửa Ngườm Lồm (Động Gió) và cửa Bản Thuôn (bản có hang luôn).

Theo người dân địa phương, sở dĩ có tên “Ngườm Ngao” là bởi xưa kia nơi đây là hang ổ của bầy cọp dữ chuyên đi bắt trâu bò các làng bản xung quanh, thậm chí bắt cả người để ăn thịt. Mặt khác, tiếng suối trong hang được gió thổi luân hồi phát ra những tiếng gầm rú như tiếng hổ gầm, càng làm cho miền này thêm hoang dã.

Các nhà hang động học Anh đã xác định động Ngườm Ngao có chiều dài 2.144 m, ăn thông qua nhiều góc ngách ngầm trong núi.

Đá vôi tạo nên hang động có tuổi Cacbon - Pecmi thành tạo từ cách đây trên 300 triệu năm.

Trong động có nhiều gian rộng lớn, nền và trần bằng phẳng như được trát xi măng, xung quanh có những cột trụ chống trời, chứa được hàng ngàn người.

Cũng như mọi hang động cacxtơ có nhiều dạng nhũ đá, nhưng nhũ đá động Ngườm Ngao được coi thuộc loại đẹp nhất. Chúng có nhiều màu sắc long lanh do đá vôi nơi đây có chứa nhiều tạp chất khác nhau. Du khách đến tham





Hai búp sen rủ xuống từ trần hang - Động Ngườm Ngao

quan đã đặt cho nhũ đá nhiều tên gọi đầy hình tượng, như Đầu rùa, Sóng vô thuyền, Vạn lí trường thành, Ruộng bậc thang, Cối đá thần khổng lồ, Chuông vàng, Búp sen...

THẾ GIỚI HANG ĐỘNG VỊNH HẠ LONG

Ở trên đã nhắc qua đến vẻ đẹp của các đảo, vốn là núi ở vịnh Hạ Long. Đến với vịnh Hạ Long, du khách không thể không ghé thăm các hang động vô cùng hấp dẫn trong lòng

núi, trong số đó có nhiều hang động mới phát hiện gần đây. (Cách gọi “hang” hay “động” ở vịnh Hạ Long không có sự phân biệt mà chỉ là do thói quen.)

Hang Đầu Gỗ có lẽ là hang động được biết đến sớm nhất. Hang nằm trên đảo đá cùng tên. Tương truyền, hồi chống quân Nguyên Mông, Trần Hưng Đạo đã cho đeo nhiều cọc gỗ lim ở đây để cắm xuống lòng sông Bạch Đằng làm trận địa mai phục thủy quân giặc. Rất nhiều đầu cọc còn sót lại nên hang có tên này cùng với một tên khác là hang Giấu Gỗ. Hòn Đầu Gỗ xưa gọi là Canh Độc (Làm ruộng và Độc sách). Sách *Đại Nam Nhất thống chí* có ghi: *“Hòn Canh Độc lưng đảo có động rộng rãi có thể chứa vài ngàn người, gần đó có hòn Cặp Gà, Hòn Mèo, Hòn La...”*

Nhìn từ xa thấy cửa hang màu xanh hình con sứa. Trèo qua 90 bậc đá thì tới cửa hang.

Hang chia làm ba ngăn chính. Ngăn phía ngoài hình vòm cuốn ngập tràn ánh sáng tự nhiên, trần hang là một bức “tranh sơn dầu” khổng lồ, trong đó thiên nhiên khéo vẽ nên cảnh những đàn voi đi kiếm ăn, những chú hươu sao ngơ ngác, con sư tử lim dim ngủ... vô cùng sinh động. Phía dưới lại là cảnh một chú rùa đang bơi giữa bể nước menh mông, những rừng măng đá, nhũ đá muôn màu muôn vẻ mà tùy theo trí tưởng tượng của mỗi người là một cảnh trí khác nhau. Đứng dưới vòm hang ta có cảm giác như đang đứng giữa một tòa lâu đài cổ kính, đồ sộ và hùng vĩ. Chính giữa lòng hang là một cột trụ chống trời khổng lồ,





Hang Đầu Gỗ

hàng chục người ôm không xuể. Từ chân cột trở lên được bàn tay tài tình của Tạo hóa gọt giũa thành những hình mây bay, rồng cuốn, phượng múa, cây leo... Trên đỉnh cột, ta bắt gặp một vị tu sĩ mặc áo choàng thâm, tay phải cầm gậy tích trượng đang tụng kinh, niệm Phật. Qua ngăn thứ nhất, ta vào ngăn thứ hai bằng một khe cửa hẹp. Ánh sáng mờ ảo, làm hiện lên những bức tranh long lanh huyền bí. Những chùm hoa đá lúc ẩn lúc hiện, những hình ảnh vừa quen vừa lạ... tạo cho ta cảm giác vừa sợ sệt vừa tò mò. Tận cùng hang là một giếng tiên bốn mùa trong vắt, nước ngọt chảy tràn quanh năm. Bất giác nhìn lên phía trên trong ánh sáng mờ ảo, ta nhận ra bốn xung quanh là bức thành cổ, trên tường thành có khắc những bức phù điêu diễn tả một

trận hỗn chiến với những voi, ngựa đang xung trận, những chiến binh gươm giáo tua tủa, tất cả như đang xông lên và bỗng dưng bị hoá đá.

Năm 1938, sách *Merveilles du Monde* (Kì quan thế giới) chuyên về du lịch của Pháp đã vinh danh hang Đầu Gỗ là “Grotte des merveilles” (Động của các kì quan).

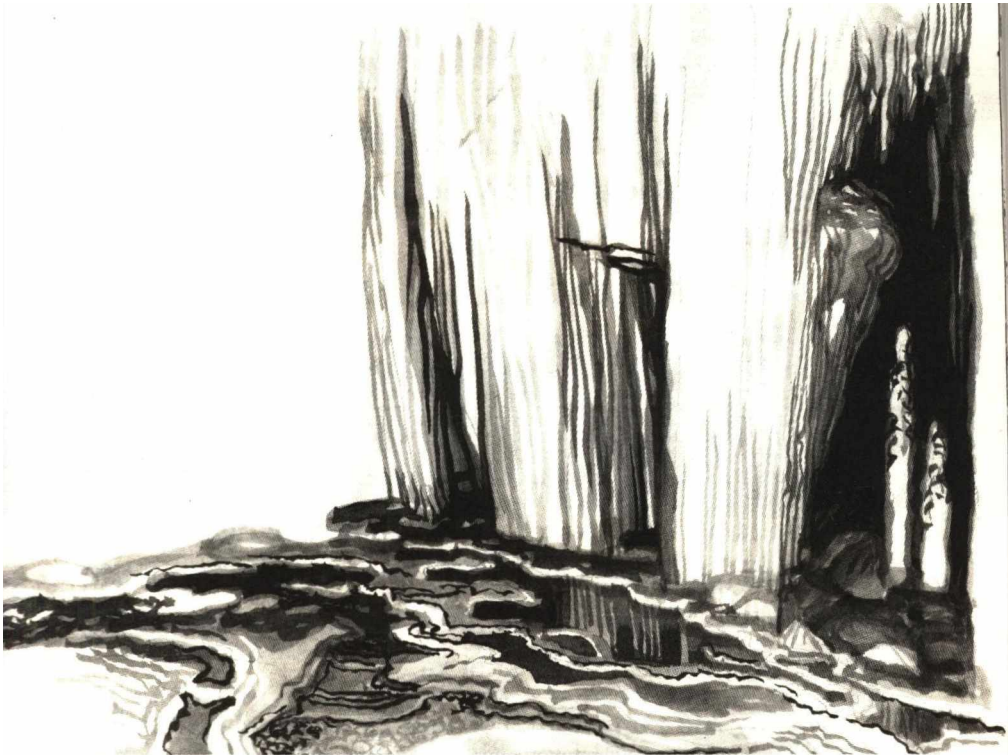
- **Hang Sừng Sốt** ở trong đảo Bồ Hòn, trung tâm vịnh Hạ Long. Hang được người Pháp tìm ra từ năm 1901 và đặt cho cái tên là *Grotte de la Surprise* (Động sừng sốt). Có lẽ hai từ “sừng sốt” đã nói đúng ấn tượng của những người đầu tiên tới đây.

Phải trèo qua những bậc đá cheo leo mới đến cửa động. Động có hai ngăn chính. Ngăn đầu rộng lớn, trần hang cao tới 30 m, tựa như một nhà hát opera hoành tráng. Trần động như được phủ thảm nhung óng mượt, có treo những chùm đèn thạch nhũ long lánh và trang trí bằng những hình ảnh hoa lá, muông thú huyền ảo.

Đi qua một ngách nhỏ lại hiện ra một khung cảnh kì ảo khác. Trước cửa động là hình tượng ngựa đá và thanh gươm dài của Thánh Gióng để lại giúp xua đuổi yêu quái, trấn an dân lành. Bên trong động hiện ra vô vàn cảnh lạ, như cây đa cổ thụ, gấu biển, khủng long... và những dấu tích được cho là vết chân ngựa của Thánh Gióng.

Trèo đến đỉnh hang, du khách lại một lần phải “sưng sốt” khi thấy hiện ra một hồ nước trong xanh, cỏ cây xanh tốt, như dẫn ta lạc vào cõi thiên thai...





Hang Trinh Nữ

- ***Hang Trinh Nữ*** cũng nằm trong đảo Bồ Hòn, không xa hang Sừng Sốt, và cũng đã được khám phá từ lâu. Hang này còn là nơi ở của một số ngư dân. Ngày nay, nhiều đôi trai gái vẫn thường lấy đây làm nơi hò hẹn, chụp ảnh để kỉ niệm tình yêu lãng mạn.

Tên hang Trinh Nữ gắn liền với một truyền thuyết. Ngày xưa có cô gái xinh đẹp con một ngư dân nghèo. Cô đã có người yêu, nhưng bị lão chủ làng chài ép làm vợ lẽ. Bị cô cự tuyệt, lão đẩy cô lên một hòn đảo chơ vơ giữa biển để cho chết đói. Giữa đêm mưa gió bão bùng, người yêu



cô chèo thuyền đến cứu, nhưng bị sóng đánh chìm thuyền, làm chàng giạt vào một đảo khác: hang Trống, hay còn gọi là hang Con Trai.

- **Hang Trống** có hai cửa rộng thông nhau theo hướng đông - tây qua hai vách núi, ở cửa hang phía đông từ trần rủ xuống những chùm thạch nhũ trắng bạc. Đứng trong hang, nghe thấy tiếng gió lùa vào các lèn đá, dội trở lại vách hang, tạo ra âm thanh như tiếng trống.

Nếu hang Trinh Nữ có một tảng đá nằm ngang, trông giống hình một cô gái nằm xoa tóc vươn tay ra biển, thì bên hang kia, có một cột nhũ đá rất cao, trông như một chàng trai khổng lồ đứng nhìn ra khơi xa...

- **Động Mê Cung** nằm ở độ cao 25 m trên đảo Lồm Bò. Nhìn từ xa, cửa động như một mái nhà ẩn sâu vào sườn đảo. Động có cấu trúc rất phức tạp, bao gồm nhiều cấp, nhiều ngăn, ngách trải rộng với một hành lang dài hơn 100 m, cao dần về phía tây, trông xuống một hồ nhỏ có cùng tên với động - *hồ Mê Cung*.

Qua một khe cửa nhỏ chỉ vừa cho một người, lòng động mở ra nhiều ngăn, tuy nhỏ hẹp nhưng hết sức tinh xảo, nhũ đá mang hình những pho tượng, hoa văn muôn màu tuyệt đẹp. Rủ xuống từ trần động là từng chùm những sư tử đá, gấu đá vờn nhau, những bức rèm đá trải dài trên vách động... Du khách thường ví động này như một cung điện trong truyện *Ngàn lẻ một đêm*.

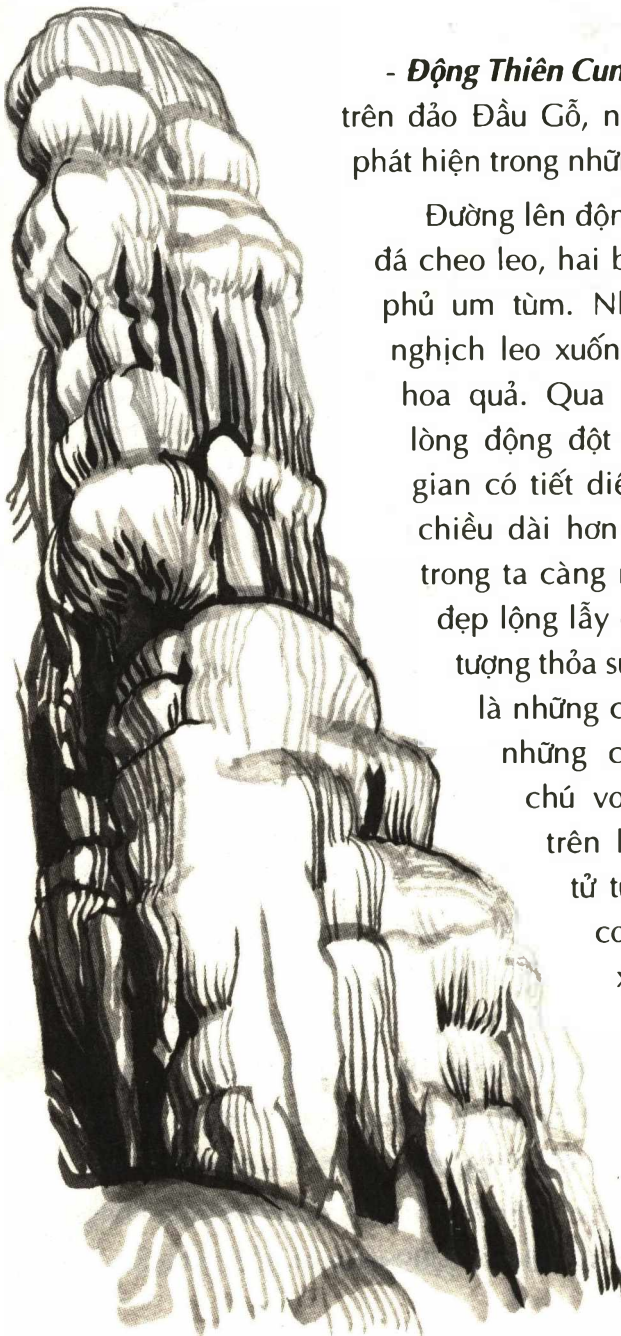
Đường dẫn ra cửa động được một luồng ánh sáng nhạt



Động Mê Cung

từ ngoài hắt vào rực rỡ. Ra khỏi động, leo tiếp vài bậc đá sắc nhọn lỏm chỏm, nhìn xuống dưới là một hồ nước rất tròn và rộng, được núi vây kín, bốn mùa nước xanh biếc phẳng lặng như một mặt gương. Đó là thế giới của các loài sinh vật như cá, tôm, mực, rong, tảo, cua, san hô... Bao quanh là một khu đất có nhiều cây cổ thụ mà người dân thường gọi là “vườn thượng uyển”, trong đó có loài cây mần lái quý hiếm cho gỗ rắn chắc hơn cả lim. Trên đỉnh núi còn thấp thoáng bóng sơn dương, khỉ, voọc, kì đà...

Qua những bậc đá cheo leo, một mái đá rộng nhô ra, khô ráo thoáng mát, của động được trải một lớp ốc suối dày làm nền. Đó là loài ốc *Melania* vốn chỉ sống ở các suối nước ngọt. Động Mê Cung được các nhà khảo cổ học xác định là một trong những di chỉ thuộc Văn hoá Hạ Long sớm, cách ngày nay 10.000 - 7.000 năm.



- **Động Thiên Cung** mặc dù cùng nằm trên đảo Đầu Gỗ, nhưng chỉ mới được phát hiện trong những năm gần đây.

Đường lên động Thiên Cung vách đá cheo leo, hai bên tán lá rừng che phủ um tùm. Những chú khỉ tinh nghịch leo xuống tận đây để kiếm hoa quả. Qua một cửa khe hẹp, lòng động đột ngột mở ra không gian có tiết diện hình tứ giác với chiều dài hơn 130 m. Càng vào trong ta càng ngỡ ngàng trước vẻ đẹp lộng lẫy của động. Trí tưởng tượng thỏa sức hình dung ra nào là những con rồng nhảy múa, những cây cổ thụ, những chú voi công kênh nhau trên lưng, nào là đôi sư tử tung bờm và những con đại bàng, măng xà hung dữ...

Động Thiên Cung

Giữa động là bốn cột trụ to lớn chống đỡ thiên đình. Từ chân cột tới đỉnh có nhiều hình chạm nổi như cảnh sinh hoạt của con người, chim cá, hoa lá cành... Trên vách động phía bắc là cảnh một bầy tiên nữ đang múa hát. Dưới vòm động cao vút, từng chùm nhũ đá rủ xuống thành một bức rèm đá muôn màu lộng lẫy. Tiếng gió thổi qua kẽ đá tạo thành tiếng trống bập bùng đầu đầu dó như trong đêm hội làng xưa.

- **Động Tam Cung** nằm trên đảo Mây Đèn - một hòn đảo gần như tách biệt với các đảo khác, có vách đá dựng đứng chênh vênh, rừng cây xanh tốt. Động được chia làm ba ngăn, luồn lách qua từng khe đá. Trong động có nhiều nhũ đá đẹp. Ở cả ba ngăn động, nhũ đá tạo ra những hình thù tự nhiên hết sức sống động.

Vào ngăn thứ nhất, bắt chợt đầu dó vọng lại những âm thanh như tiếng đàn t'ưng hoặc đàn đá thánh thót. Chưa hết ngạc nhiên, du khách bỗng gặp một "ông tiên" đang chống gậy leo núi, chòm râu trắng phơ bay trong gió. Và đây nữa, ba ông "tam đa" đang đứng trầm mặc trên vách động nhìn cảnh trần xuôi ngược. Từ trần động một nhũ đá giống hệt nụ hoa quỳnh trắng muốt đang chúm chím nở giữa rừng hoa nhũ đá.

Từ ngăn thứ nhất qua một khe cửa nhỏ là sang ngăn thứ hai. Nơi đây như một bảo tàng tự nhiên sống động, với nào là sư tử, hải cẩu, thủy thần... Chính giữa ngăn thứ hai này là một dòng suối tiên quanh năm nước ngọt tràn trề, hai

bên vách động là những bức rèm đá buông rủ từ trần xuống, trông thướt tha như đang lay động.

Đến gần trong cùng, du khách sẽ được chiêm ngưỡng một bức phù điêu hoành tráng, công phu của tạo hóa, tầng tầng lớp lớp những bông hoa, gậy trúc, những bức rèm đá tự nhiên, những chú voi đang ngủ hiền từ... trong một chỉnh thể cân đối, hài hòa.

- **Hang Luồn** là một dạng hang động có vẻ độc đáo riêng. Đảo Bồ Hòn cách Bãi Cháy 14 km về phía nam, là một núi đá vách dựng đứng trên mặt nước trong xanh phẳng lặng như một tấm gương soi. Dưới chân đảo, ngay sát mép nước, một cổng hình cánh cung mở ra - đó chính là hang Luồn.

Qua cổng bước vào, ta gặp một hồ nước tròn phẳng lặng bốn bề cây cối um tùm, vách đá cheo leo, trên đó từng bầy khỉ chạy nhảy chí chèo, những giò phong lan buông rủ nở hoa thơm ngát, những cây si cổ thụ tỏa bóng lòa xòa; dưới mặt nước trong xanh êm đềm kia là cuộc sống sôi động của các loài sinh vật biển như tôm, cá, cua, mực...

Đây là một nhóm đảo khép kín, thông ra biển chỉ bằng một cửa hang rộng khoảng 4 m, cao 3 m, dài 100 m. Hồ nước lợ trong hang được bao bọc bởi bốn mặt núi, rộng gần 1 km². Trên các vách đá còn lưu những vỏ ốc nước ngọt đã hoá thạch, chứng tỏ nơi đây con người đã từng cư trú và ngày ấy, hẳn nơi đây là một thung lũng sâu.

- **Hang Hanh** cách Bãi Cháy 20 km là một hang động



Hang Luồn

đẹp và dài nhất so với các hang động đã được phát hiện ở vịnh. Động có chiều dài 1.300 m, chạy xuyên suốt dãy núi đá Quang Hanh ra tới biển, được người Pháp gọi là *Le Tunnel* (Đường hầm).

Nếu như các hang động khác lộ ra trên sườn núi, thì ngược lại, phải chờ thủy triều rút kiệt, cửa hang Hanh mới lộ rõ. Du khách vào thăm động bằng dò nhỏ.

Con đò dẫn du khách luôn lách qua từng khe đá quanh co dưới ánh đuốc bập bùng, từng chùm nhũ đá buông rủ xuống từ trần động ánh lên những sắc màu kì diệu, dòng nước êm ả lững lờ trôi, không gian tĩnh mịch chỉ có tiếng mái chèo khua nước thánh thót. Càng vào sâu, động càng mang vẻ hoang sơ. Những chùm hoa đá rực rỡ, những trụ kim cương, những mâm xôi đồ sộ, chùm hoa mẫu đơn, giò phong lan cảnh... Tất cả như lay động rung rinh khi được



Hang Hanh

chiếu sáng. Tiếng sóng vỗ nhẹ vào vách đá tạo nên ảo giác như tiếng trống hội bập bùng đầu đó.

Ngay trước cửa động, trên khối đá cheo leo như một ngọn tháp, có một ngôi miếu nhỏ gọi là miếu Ba Cô. Truyền thuyết kể lại rằng: Xưa có ba cô gái đi biển, gặp hôm trời mưa to, bèn vào động trú mưa. Choáng ngợp trước cảnh sắc trong động, ba cô cứ mê mải ngắm, nước triều dâng cao

cũng không biết. Họ bị mắc kẹt ở trong và hoá thành thủy thần... Ngày nay, dân chài thường lên miếu thấp hương xin linh hồn ba cô phù hộ cho họ đi biển yên lành.

- **Hồ Ba Hầm** lại là một kiểu dạng cacxtơ khác với các hang động đã kể trên đây. Hồ Ba Hầm nằm trên đảo Đầu Bê thuộc vịnh Lan Hạ. Đảo Đầu Bê là một trong những nhóm đảo phía ngoài cùng của vịnh Hạ Long tiếp giáp với vùng biển Long Châu bát ngát.

Đó là một hệ thống gồm ba “hồ” tròn nằm giữa đảo đá vôi, ăn thông với nhau qua một hang luồn quanh co uốn khúc trong lòng núi.

Cửa vào hồ Ba Hầm hình bán nguyệt mở ra bên vách đá bằng phẳng phía tây bắc của đảo, cách mặt nước 4 - 5 m, đúng nơi vịnh ăn thông với dòng hải lưu uốn lượn từ Cửa Vạn vào.

Từ cửa hồ, đi vào “hầm” thứ nhất, bỗng hiện ra một rừng nhũ đá với các màu tím, hồng, lam, trắng... rủ xuống mặt nước trông như rễ đa, rễ si. Tiếp đến một “hầm nước” sâu trong vát, có thể nhìn thấy từng đàn cá tung tăng bơi lội. Đi sâu vào khoảng 100 m có một luồng ánh sáng chiếu từ trần hang xuống, khách sẽ thấy nhiều loại hoa phong lan bám quanh vách núi, những cây vạn tuế mọc rải rác ở các khe đá, từng khóm trúc đuôi gà lá vàng mềm mại. “Hầm” thứ hai có một cây khế cổ thụ mọc trên vách phía đông nam ra hoa kết trái quanh năm. Từng bầy khỉ lông vàng, sóc bay, vẹt đầu bạc tụ tập trên cành. “Hầm” thứ ba cách

hầm thứ hai một vách núi và đi qua một hang luôn khoảng 5 phút. Đây là nơi trú ngụ của các loài dơi, bướm.

Giữa không gian yên tĩnh, chỉ có tiếng mái chèo khua nước róc rách, thuyền bơi trong hồ như đang ở dưới lòng giếng sâu thăm thẳm, bốn bề vách đá dựng đứng. Hồ Ba Hầm là một trong những cảnh đẹp kì thú của vịnh Hạ Long.

Chúng ta còn có thể kể thêm về nhiều hang động khác trong vịnh Hạ Long, mỗi hang động có một vẻ đẹp riêng. Đó chính là những tác phẩm của thiên nhiên trong một vùng đá vôi cacxtơ ngập nước. Cho đến nay chưa có thống kê đầy đủ các hang động nơi đây. Nhưng chắc chắn còn có những hang động nữa chưa được khám phá, nhất là những hang động nằm ngập dưới mặt nước. Và đó sẽ là những nơi còn nhiều bí ẩn dành cho các nhà thám hiểm dưới nước mai sau.

PHONG NHA - SƠN ĐOÀNG:

KÌ QUAN CỦA NHỮNG KÌ QUAN

Phong Nha - Kẻ Bàng cùng với khu vực Hin Nậm No bên Lào kết lại thành một khối đá vôi khổng lồ, lớn nhất châu Á và đứng thứ hai trên thế giới. Địa tầng đá vôi rất dày ở đây được hình thành từ 300 đến 400 triệu năm trước, trải qua các quá trình cacxtơ hóa, nên dĩ nhiên có nhiều hang động đủ loại. Đến nay tại Vườn quốc gia Phong Nha - Kẻ Bàng, người ta đã biết tới khoảng 300 hang động lớn nhỏ.

- **Động Phong Nha** đã được biết đến từ nhiều thế kỉ trước. Trong hang động còn phát hiện những dấu tích văn

tự Chămpa, chứng tỏ người Chăm đã từng chọn hang này làm nơi thờ cúng.

Vua Minh Mạng triều Nguyễn đã sắc phong cho động này là “*Diệu ứng chi thần*” và hình ảnh của động từng được khắc trên một trong Cửu đỉnh ở kinh thành Huế. Sách *Đại Nam Nhất thống chí* mô tả: “*Lưng động dốc như vách, âm u sâu thẳm, trong động thạch nhũ rủ xuống, hoặc như cây hoa, chuỗi ngọc, hoặc như tượng Phật, hoặc như gấm vóc, phong cảnh thanh u...*”

Cuối thế kỉ 19, linh mục người Pháp là Léopold Michel Cadière từng thám hiểm động này và đã khám phá ra những chữ viết Chăm trong động. Tôn vinh động này lên tầm “*Đông Dương đệ nhất động*”, Cadière đã bước đầu giới thiệu ra thế giới. Tháng 7-1924, nhà thiên văn người Anh là Batou đã thám hiểm động Phong Nha trong 14 ngày và ca ngợi vẻ đẹp của động như một mê cung. Tạp chí *Extrise Asie* năm 1929 mô tả: “*Một số thạch nhũ mọc trông hệt đèn lồng trong những buổi dạ hội, đường xếp rất khéo; một số khác treo lơ lửng như những cánh hoa, đài hoa. Một vài vách hang lại bao phủ bởi những ống dài như ống sáo của những chiếc đại phong cầm trong nhà thờ... Toàn thể chỗ nào cũng trau chuốt, nổi bật vì những chi tiết tỉ mỉ*”.

Một số nhà thám hiểm Pháp đã ghi lại: “*Vô số tượng đá lờ mờ, đủ mọi hình thù kì dị, sắp xếp hỗn độn hết sức nên thơ, mang tất cả màu sắc của cầu vồng; trong đó có thể thấy bên cạnh những màu hồng nhạt của một bức tranh Watteau là màu xanh da trời của một bức tranh*

Raphael; màu hoàng thổ và màu châu son với ánh sáng phản chiếu màu đỏ chói và màu xanh không bao giờ phai của màu xanh đồng; tất cả đua nhau soi mình trong dòng nước...” (Nhật kí thám hiểm Phong Nha ngày 24-5-1929 của Charly, Qualaggi, Buoffier - người Pháp).

Năm 1935, Tòa Khâm sứ Pháp ở Huế phát hành tập sách hướng dẫn du lịch, đã xếp động Phong Nha đứng hạng nhì trong toàn Đông Dương.

Nhưng việc nghiên cứu, khám phá khoa học có quy mô lớn chỉ bắt đầu vào những năm 1990, do Trường đại học Tổng hợp Hà Nội kết hợp với Hiệp hội hang động Hoàng gia Anh tiến hành. Hàng loạt phát kiến mới đã được mở ra.

Muốn vào động Phong Nha phải đi bằng thuyền qua sông Son. Cửa động hình thang cao khoảng 20 - 25 m. Đây là một dạng hang động có dòng chảy ngầm bên trong.

Hang ngầm luồn lách sâu trong lòng núi dài 7.729 m, sâu 83 m, cao 50 m với rất nhiều nhánh hang phụ lớn nhỏ bao gồm cả hang Bì Kí, hang Tiên và hang Cung Đình. Tương truyền, chính những măng đá rủ xuống ở cửa hang đã góp phần tạo nên cái tên đầy thi vị “Phong Nha” (tức “gió luồn qua kẽ răng”).

Trong hang có những khối thạch nhũ độc đáo, được đặt tên theo các hình ảnh mà người ta có thể tưởng tượng ra, như Sư tử, Kì lân, Voi châu, Cung đình hay Tượng Phật.

Hiệp hội Hang động Hoàng gia Anh bình chọn đây là một trong những hang động đẹp nhất thế giới với các tiêu

chí: Hang động có cửa hang cao và rộng; có bãi cát, bãi đá ngầm đẹp nhất; có sông ngầm đẹp nhất; có hệ thống thạch nhũ kì ảo và tráng lệ nhất; có các hang khô cao và rộng; có hồ nước ngầm sâu và đẹp nhất.

Phong Nha không phải là một hang động duy nhất mà là cả *một hệ thống hang động*. Đó là các hang Tối, hang Chà An, hang Thung, hang Én, hang Khe Tiên, hang Khe Ri, hang Khe Thị và nhiều động dạng vòm nữa.

Những hang động được phát hiện gần đây còn gây "sửng sốt" hơn nữa. Trong số đó có động Thiên Đường và đặc biệt, động Sơn Đoòng.

- **Động Thiên Đường** nằm cách động Phong Nha 15 km, mới được phát hiện vào năm 2005. Nhận được tin từ một người dân địa phương, Hiệp Hội Hang động Hoàng gia Anh lập tức tổ chức thám hiểm và công bố những kết quả bất ngờ.

Động Thiên Đường có chiều dài 3,14 km, chiều rộng từ 30 đến 100 m, nơi rộng nhất lên đến 150 m; chiều cao từ đáy động lên đến trần khoảng 60 - 80 m. Động Thiên Đường được Hiệp hội Hang động Hoàng gia Anh đánh giá là hang động khô dài nhất Châu Á, một trong những hang động kì vĩ nhất mà đoàn từng khảo sát trên thế giới. Động Thiên Đường có cấu trúc kì vĩ, tráng lệ và huyền ảo, khiến những người bước chân vào đây liên tưởng đến một thiên cung nơi trần thế

Cửa động nhỏ chỉ vừa đủ cho một người lách xuống, nằm dưới lèn đá cao hơn trăm mét trông rất ngoạn mục.



Một cái dốc dẫn xuống nền động dài 15 m, được tạo với vô vàn hạt thạch nhũ to tròn, hai bên dốc có nhiều dấu tích sập đổ, ngổn ngang những cột thạch nhũ như vừa trải qua một đợt kiến tạo. Vẻ đẹp huyền ảo tráng lệ của hang động được hé lộ khi có ánh đèn chiếu rọi vào muôn vàn thạch nhũ kì ảo. Cửa vào nhỏ hẹp, nhưng bên trong mở ra một không gian thênh thang, rộng hơn 200 m, cao lồng lộng...

Đặc biệt trong động có những hình ảnh giống biểu tượng văn hóa các vùng miền, vào sâu có nhiều thờ đá thoải rất uyển chuyển, dài hun hút và phân bậc như ruộng bậc thang. Giữa động có những ô như biểu trưng của văn minh lúa nước, được điểm xuyết bởi những cột thạch nhũ hình tháp Chăm-pa.

Thế giới thần tiên hội tụ nơi đây với Cung Quảng Hàn, nơi khối thạch nhũ rủ xuống trông như bức rèm the của tiên nữ, Cung Quần Tiên với quần thể tượng Phật A Di Đà... Ấn tượng nhất là Tháp Liên Hoa với hình thù đặc sắc mà dưới mắt mỗi người, ở mỗi góc nhìn lại mang những hình thể khác nhau. Khối thạch nhũ đó được hình thành từ những giọt nước bắn tung tóe không theo quy luật nào, đã tạo nên vẻ đẹp huyền bí cho động Thiên Đường.

So với động Phong Nha thì thạch nhũ ở động Thiên Đường có nhiều hình thù hơn. Thỉnh thoảng ta lại gặp một triền nhũ đá dốc như mới hình thành, còn ẩm ướt hơi nước, bước lên nghe rào rào tiếng vỡ dưới chân. Có nơi khi rọi đèn vào long lanh như kim tuyến, nhấp nháy muôn vàn

ánh sao đêm. Phần lớn nền động là đất dẻo, rộng và khá bằng phẳng, nhiệt độ trong động chỉ 20-21° C.

- Động Sơn Đoòng vượt tầm kì vĩ

Hồ Khanh suốt đời sống gắn với núi rừng Phong Nha - Kẻ Bàng. Anh đã đến những nơi chưa ai từng đặt chân tới. Một hôm ngồi nghỉ chân trước cửa một cái hang, anh nghe như có tiếng gió thổi thốc lên và tiếng nước chảy róc rách văng vẳng từ trong lòng đất. Bấy giờ Hồ Khanh đã từng cộng tác với nhà hang động học người Anh Howard Limbet, giúp tìm ra hàng chục hang động mới trong khu vực. Và lần này, anh cũng kể lại với ông. Bằng vào trực giác của một chuyên gia lão luyện, Howard cho rằng rất có thể đó là một hang động ngầm rất lớn. Ông đề nghị Hồ Khanh dẫn mình đến nơi đó, nhưng



Sơn Đoòng

động như đã bị biến mất. Năm 2008, Hồ Khanh quyết tâm tự mình tìm cho bằng được. Sau hơn một tuần vượt qua những núi đá và rừng hoang, anh đã thấy lại cửa hang. Thì ra, cửa động đã bị cây cối bên trên che lấp.

Năm 2009, đoàn thám hiểm Hiệp hội Hang động Hoàng gia Anh do Hồ Khanh dẫn đường, đã tiến hành thám hiểm, đo đạc hang động này và đi đến một công bố gây sốc: Đây là hang động lớn nhất thế giới! Với chiều dài sâu hun hút hơn 8,5 km, chiều cao 244 m, rộng 91 m, động Sơn Đoòng lớn gấp 4, 5 lần động Phong Nha, lớn hơn cả động Thiên Đường và đánh đổ kỉ lục từng được coi là “hang động lớn nhất thế giới” của hang Deer (Malaysia) dài 2 km, cao 100 m, rộng 90 m.

Lối vào hang phải đến tận nơi mới phát hiện ra. Đầu tiên, phải leo dây xuống một hố sâu hun hút 80 m. Dòng “thác” ánh sáng dội từ trên bề mặt xuống, hé lộ những cột thạch nhũ dẹt và nhọn thín, với nhiều hình thù lạ mắt trong lòng hang. Các nhà thám hiểm đã gọi đây là *Vườn Xương rồng*. Hơi nước bốc lên làm không khí mát lạnh và tạo nên cả mây bên trong hang.

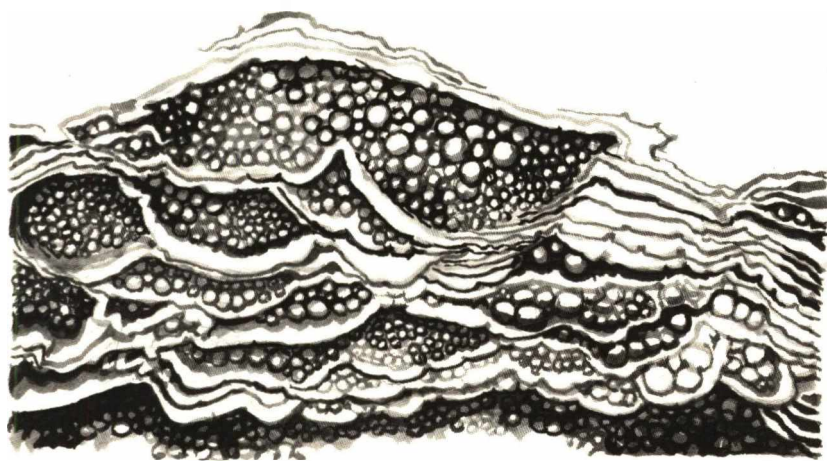
Mùa khô, từ tháng 11 đến tháng 4 là khoảng thời gian an toàn để khám phá hang Kén, với những ao nước nông. Nhưng vào mùa mưa, dòng sông ngầm dâng lên, nhấn chìm mọi lối đi.

Trong hang tối om om, nhưng đi tiếp sẽ gặp nơi trần hang bị sụt xuống tạo thành hai miệng giếng cho ánh sáng

ùa vào và cây cối được dịp đua nhau phát triển, tạo thành một vạt rừng nhiệt đới hiếm có dưới hang sâu. Các nhà thám hiểm đặt tên cho nơi đây là *Vườn Địa đàng*.

Đặc biệt phải kể đến những viên “ngọc động” do khoáng vật canxit tạo thành. Theo lời nhà hang động học Howard, loại “ngọc động” này hầu như rất hiếm gặp trong các hang động trên thế giới. Chúng có hình cầu tròn trặn hoặc hình trứng có kết cấu đồng tâm, to bằng quả trứng, đôi khi nặng tới 1 kg. Được thành tạo do các dung dịch cacbonat canxi kết tủa bao quanh một hạt nhân như viên cát, chúng luôn lăn tròn trong dòng nước nên không bị gắn chặt vào đáy hang.

Để thoát ra lối cửa hang phía sau, các nhà thám hiểm



Ngọc động được xếp thành các ngăn

còn phải vượt qua một thử thách lớn nữa - đó là “bức Trường thành Lớn” chắn ngang cao trên 80 m.

Khi tin tức về động Sơn Đoòng được công bố, nhiều nhà thám hiểm, nhiếp ảnh gia các nước đã háo hức tìm đến và chụp được những bức ảnh tuyệt đẹp đăng trên nhiều tờ báo nổi tiếng thế giới, như *Telegraph* (Anh) và ấn phẩm địa lí thế giới *National Geographic*. Tờ tạp chí này giật tít: “*Có cả rừng trong hang, đủ lớn để chứa được một tòa nhà chọc trời tại New York. Còn điểm kết của hang là bất tận.*”

Nhằm khai thác hang động này phục vụ tham quan, du lịch, năm 2014 tỉnh Quảng Bình đã lập dự án xây dựng đường cáp treo lên Sơn Đoòng. Tuy nhiên, dự án đã bị nhiều nhà khoa học phản đối. Bởi vì, một khi hệ thống cáp treo hoạt động và du lịch diễn ra đại trà thì di sản này rất dễ bị tổn thương, ô nhiễm làm mất đi giá trị của nó.

GHÉ THĂM NHỮNG NGỌN NÚI NỔI TIẾNG

Cúng ta đã có cái nhìn “vĩ mô” về những dãy núi, khối núi lớn, bây giờ ta sẽ cùng ghé thăm một số ngọn núi, đỉnh núi thiêng hay những địa danh nổi tiếng của đất nước mà ta quen gọi là núi.

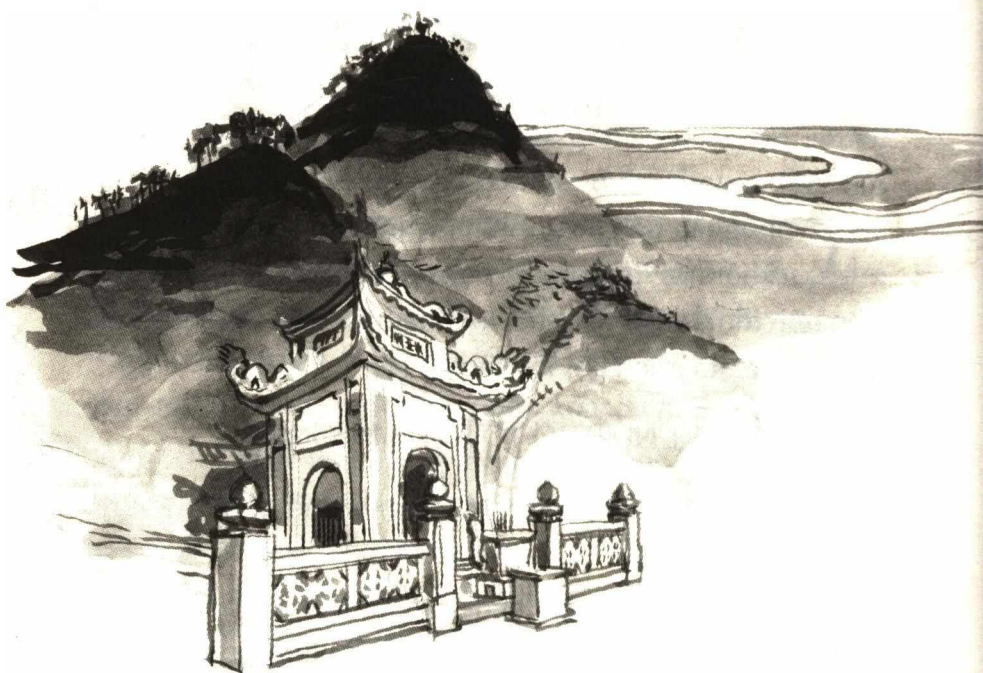
NGHĨA LĨNH, NÚI THỜ TỔ HÙNG VƯƠNG

Núi Nghĩa Lĩnh ở xã Hi Cương, thành phố Việt Trì, Phú Thọ.

Cao 175 m so với mặt nước biển, ngọn núi này còn có nhiều tên khác: Núi Hùng, núi Hi Cương, hay Núi Cả. Nếu tính theo “tiêu chuẩn” như trên đã nói, từ 500 đến 1.500 m là núi thấp thì Nghĩa Lĩnh chưa phải là núi, nhưng đây là theo cách gọi dân gian.

Là nơi có quần thể di tích Đền Hùng, xưa kia, đây được xem là khu vực trung tâm của nhà nước Văn Lang. Tương truyền, các vua Hùng thường lên đỉnh Nghĩa Lĩnh để tiến hành các nghi lễ tín ngưỡng của cư dân nông nghiệp: tế Trời, Đất, thờ thần Lúa, cầu mong mưa thuận gió hoà, mùa màng tươi tốt, nhân khang vật thịnh.

Núi Hùng trông xa giống như đầu của một con rồng lớn hướng về Nam, mình uốn khúc thành núi Vặn, núi Trọc, núi Pheo... Núi Vặn cao 170 m, xấp xỉ núi Hùng. Núi Trọc nằm



Núi Nghĩa Linh

giữa núi Hùng và núi Vặn, cao 145 m. Ba đỉnh núi này theo truyền thuyết là ba đỉnh “Tam sơn cấm địa” được dân gian thờ từ lâu đời. Phía sau núi Hùng có những quả đồi lớn nối liền san sát, dài tới 10 km, giống như đàn voi châu về Đất Tổ. Phía trước là ngã ba Bạch Hạc, nơi hợp lưu của ba dòng sông lớn nhất miền Bắc: sông Thao, sông Lô, sông Đà, tạo ra một vùng nước lớn mênh mông, từ đó có những quả đồi thấp lô nhô giống như một đàn rùa bò lên châu về Nghĩa Linh. Xa xa về phía đông là dãy Tam Đảo trùng điệp (núi mẹ), phía nam là dãy Ba Vì cao ngất (núi cha) tụ lại.

Khu di tích Đền Hùng nằm trên núi Nghĩa Lĩnh được xây nền đặt móng từ đời vua Đinh Tiên Hoàng, đến nay đã trải qua bao lần trùng tu, tôn tạo. Nơi đây có nhiều công trình kiến trúc tôn giáo, trong đó có bốn đền chính là Đền Hạ, Đền Trung, Đền Thượng và Đền Giếng.

Điểm bắt đầu dưới chân núi là Cổng Đền (cửa Đại Môn) có hình vòm cuốn, được xây dựng vào năm 1917.

Từ cổng leo lên 225 bậc đá men theo sườn núi sẽ tới Đền Hạ và chùa Thiên Quang. Theo truyền thuyết đây là nơi Mẹ Âu Cơ sinh ra một bọc trăm trứng nở ra trăm người con trai.

Từ Đền Hạ leo 168 bậc sẽ tới Đền Trung, có tên chữ là "Hùng Vương Tổ Miếu". Tương truyền đây là nơi vua Hùng cùng các Lạc hầu, Lạc tướng họp bàn việc nước.

Đền Thượng nằm trên đỉnh núi có đề bốn chữ "Kính thiên linh điện", là nơi vua Hùng cử hành các nghi lễ cúng tế Trời, Đất.

Bên trái Đền Thượng là Lăng Vua Hùng, tương truyền là mộ Vua Hùng thứ sáu.

Ngày Giỗ Tổ đã được Nhà nước quy định là ngày Quốc lễ.

"Dù ai đi ngược về xuôi / Nhớ ngày giỗ Tổ mùng Mười tháng Ba".

Nghĩa Lĩnh được coi là núi thiêng của đất nước, hàng năm cứ đến ngày Giỗ Tổ, hàng vạn người từ khắp mọi miền



hành hương về đây dự lễ hội để tỏ lòng tôn kính và biết ơn những vị đã dựng nên đất nước này từ bốn nghìn năm trước.

NÚI BA VÌ - NƠI NGỰ TRỊ CỦA TẢN VIÊN SƠN THÁNH

Nếu lấy núi Nghĩa Lĩnh làm tâm điểm thì núi Ba Vì và núi Tam Đảo là hai điểm đối xứng tạo thành “thế tay ngai” với Ba Vì là “núi cha”, Tam Đảo là “núi mẹ”. Trên thượng nguồn thì ba con sông lớn: sông Đà, sông Thao (tức sông Hồng), và sông Lô đều đổ về đây. Ngã ba Bạch Hạc là nơi hợp lưu của ba dòng sông ấy để rồi tụ thủy ở đầu sông Cái (sông Hồng) tạo thành vùng châu thổ trù phú của đồng bằng Bắc Bộ ngày nay.

Nhất cao là núi Ba Vì

Thứ ba Tam Đảo, thứ nhì Độc Tôn.

Trong tâm thức người xưa, Ba Vì được cho là “cao nhất” (có thể vì là quan trọng nhất), nhưng thực ra đỉnh Vua cao nhất của ngọn núi này chỉ là 1.296 m (trong khi với Tam Đảo là 1.581 m). Hai đỉnh khác là đỉnh Tản Viên cao 1.260 m và đỉnh Ngọc Hoa cao 1.200 m. Ba đỉnh này hợp lại mà có tên chung là Ba Vì.

Tên gọi Tản Viên hay núi Tản là do đến gần đỉnh, núi thất lại và đỉnh xòe tán ra như cái ô.

Còn núi Ngọc Hoa là tên của mị nương, con gái vua Hùng thứ 18, được gả cho Sơn Tinh.

Tản Viên gắn liền với truyền thuyết Sơn Tinh - Thủy Tinh. Sơn Tinh lấy được mị nương đón nàng về núi, Thủy Tinh



Tản Viên

tức giận dâng nước lên. Sơn Tinh bèn nâng núi cao lên để chống lại. Xét về mặt địa chất, núi Ba Vì đã được nâng lên từ giai đoạn tạo núi Indôxini, cách đây hàng trăm triệu năm, sau đó được các hoạt động xâm thực chia cắt thành các đồi, gò bao quanh.

Dưới chân núi Tản Viên là dòng sông Đà cuộn cuộn uốn quanh. Nhà thơ Nguyễn Khắc Hiếu đã lấy tên núi và tên sông quê hương gộp lại làm bút danh Tản Đà.

Ba Vì từ xưa đã được coi là ngọn núi thiêng, nơi ngự trị của Tản Viên sơn thánh tức Sơn Tinh, một trong bốn vị Tứ bất tử của tín ngưỡng người Việt

Nguyễn Trãi trong tác phẩm *Dư địa chí* đã viết: “ Núi ấy là núi tổ của nước ta đó”. Vua Minh Mạng triều Nguyễn cho đúc Cửu đỉnh ở kinh thành Huế, trong đó Thuần đỉnh có tạc hình núi Tản Viên.

Ba Vì là nơi có nhiều di tích lịch sử - văn hoá có giá trị đặc biệt. Cụm di tích Đền Thượng - Đền Trung - Đền Hạ thờ Tam vị Tản Viên sơn thánh. Đình Tây Đằng, đình Chu Quyến là hai di tích được xếp hạng cấp quốc gia; đình Thụy Phiêu được các nhà khoa học đánh giá là một trong những ngôi đình cổ nhất Việt Nam, được xây dựng vào năm 1531 thời Nhà Mạc. Tại đây còn có Khu di tích lịch sử K9 và đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Dãy Ba Vì còn có nhiều cánh rừng nguyên sinh. Vườn quốc gia Ba Vì là nơi bảo tồn sự đa dạng sinh học. Ba Vì còn là một khu du lịch sinh thái nổi tiếng với các điểm du lịch như Khoang Xanh - Suối Tiên, khu du lịch Ao Vua, Đầm Long, Thác Đa, hồ Tiên Sa, suối nước khoáng Tản Đà. Ở các độ cao 400 m và 600 m còn có hai khu nghỉ mát được xây dựng từ thời Pháp thuộc.

TAM ĐẢO - BA NGỌN NÚI CAO TRÊN BIỂN MÂY

Tam Đảo là một dãy núi đá riolit ở vùng Đông Bắc Việt Nam, nằm trên địa bàn ba tỉnh Vĩnh Phúc, Thái Nguyên và Tuyên Quang. Gọi là Tam Đảo, vì ở đây có ba ngọn núi cao nhô lên trên biển mây, đó là Thạch Bàn, Thiên Thị và

Máng Chải. Ngọn cao nhất có độ cao tuyệt đối là 1.590 m.

Dãy núi Tam Đảo hình thành cách đây 230 triệu năm (vào giữa kỉ Triat), do dung nham của núi lửa phun trào nhiều đợt chồng lên nhau. Dây núi chạy theo hướng tây bắc - đông nam, dài chừng 80 km, rộng từ 10 đến 15 km.

Vì cách Hà Nội không xa, lại có khí hậu lí tưởng, nên từ đầu thế kỉ 19, người Pháp đã xây dựng ở nơi đây một thị trấn nghỉ mát theo phong cách châu Âu.

Thị trấn nằm trên núi, mây mù bao phủ, mờ ảo như xứ sở thần tiên, trở thành điểm đến quen thuộc của du khách trong và ngoài nước.

Nơi đây không chỉ có đền thờ Bà chúa Thượng Ngàn - một tín ngưỡng cổ xưa của người Việt - mà còn có một nhà thờ Thiên Chúa giáo, được xây dựng từ năm 1937 làm nơi cầu nguyện cho một số ít giáo dân trong vùng.

Trên đỉnh Thiên Thị cao 1.375 m có tháp truyền hình để nhận và phát sóng cho Hà Nội và các vùng xung quanh.

Do khá dốc nên Tam Đảo có nhiều suối và thác nước. Thác Bạc có độ cao 50 m, nước xối xuống tung bọt trắng ngay cả vào mùa khô.

Vườn quốc gia Tam Đảo rộng 36.883 ha nằm trọn trong dãy núi này.

Hệ thực vật ở đây khá đa dạng và thay đổi theo độ cao, tạo cho Tam Đảo có năm kiểu rừng khác nhau. Càng lên cao, các loài cây thuộc họ lá kim càng nhiều. Nơi



Tam Đảo

đây còn giữ được nhiều nguồn gen động vật quý hiếm như loài cá cóc có chân leo trèo được trên cạn. Tính đa dạng sinh học của Tam Đảo đã được giới thiệu trên tạp chí địa lí thế giới *National Geographic*. Tổ chức Jica (Nhật Bản) chọn đây làm nơi tập huấn về du lịch sinh thái và giáo dục môi trường.

MẪU SƠN NƠI BIÊN GIỚI LẠNG SƠN

Dãy núi Mẫu Sơn thuộc tỉnh Lạng Sơn, chạy dài theo hướng đông - tây dọc theo biên giới Việt - Trung. Cả dãy núi có địa hình đa dạng với độ cao trung bình từ 800 đến 1.000 m, gồm 80 ngọn núi lớn nhỏ. Trong đó, cao nhất là đỉnh Phia Po 1.541 m và đỉnh Phia Mẻ 1.520 m. (Phia Po có nghĩa là núi chồng, còn Phia Mẻ - núi vợ.)

Mẫu Sơn cao vọt lên so với vùng đồi núi lúp xúp xung quanh, nên có khí hậu mát mẻ. Mùa đông nhiều khi tuyết rơi trắng xóa bao phủ rừng cây. Từ Lạng Sơn tới đây chỉ khoảng trên 30 km, tiện đường hơn lên Sa Pa, nên vào những dịp có tuyết các bạn trẻ hay kéo nhau lên chụp ảnh.

Do điều kiện thổ nhưỡng và khí hậu thuận lợi, Mẫu Sơn có nhiều đặc sản nổi tiếng như chè tuyết lâu năm, đào, mận, trúc, chanh rừng, mật ong rừng... Đặc biệt phải kể đến loài gà sáu cựa còn được bảo tồn.

Ngay từ những năm 1925-1926, người Pháp đã mở đường lên Mẫu Sơn và từ năm 1935 đã xây dựng một khu nghỉ mát.



Mẫu Sơn

Ngày nay Mẫu Sơn là một địa chỉ thường đến của “dân phượt” và đang được quy hoạch thành khu nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái hấp dẫn của tỉnh Lạng Sơn.

NON THIÊNG YÊN TỬ

*Trên non Yên Tử chòm cao nhất,
Trời mới canh năm đã sáng tinh.
Vũ trụ mắt đưa ngoài biển cả,*

*Nói cười người ở giữa mây xanh.
Muôn hàng giáo ngọc tre gài cửa,
Bao dải tua châu đá rủ màn.
Dấu cũ Nhân Tông còn vẫn đấy,
Trùng đồng thấy giữa áng quang minh.*

Bài thơ *Đề Yên Tử sơn Hoa Yên tự* (Đề ở chùa Hoa Yên trên núi Yên Tử) của Nguyễn Trãi (Đào Duy Anh dịch) vừa nói lên vị thế của núi, vừa nhắc đến vua Trần Nhân Tông - người sáng lập Thiền phái Trúc Lâm tại đây.

Yên Tử cao 1.068 m, nổi bật trên cánh cung Đông Triều. Đứng trên đỉnh núi có thể nhìn bao quát cả vùng Đông Bắc rộng lớn với những đảo nhỏ thấp thoáng trong vịnh Hạ Long, xa hơn là sông Bạch Đằng uốn lượn. Sau khi truyền ngôi cho con (Trần Anh Tông), Thượng hoàng Trần Nhân Tông (1258-1308) đã chọn nơi đây để tu hành và trở thành Phật hoàng.

Trên đỉnh núi mới dựng một pho tượng đồng Đức Phật hoàng Trần Nhân Tông cao 15 m, nặng 138 tấn, được ghi nhận là tượng đồng lớn nhất Việt Nam.

Không ở nơi đâu có nhiều công trình kiến trúc Phật giáo như khu di tích Yên Tử: chùa Bi Thực, chùa Cẩm Thực, chùa Lân, chùa Giải Oan, cụm tháp Hòn Ngọc, vườn tháp Huệ Quang, chùa Hoa Yên, am Dược, chùa Bảo Sái, chùa Vân Tiêu... Đặc biệt trên đỉnh núi có chùa Đồng là một ngôi



Yên Tử

chùa độc nhất vô nhị ở nước ta. Ngoài ra phải kể đến tượng đá An Kỳ Sinh, một đạo sĩ thời nhà Tần đã tới đây tìm cây thuốc, sau đó ở lại luyện đan và tu tiên.

Đỉnh Yên Tử quanh năm mây trắng bao phủ, nên còn có tên là Bạch Vân Sơn. Yên Tử có cảnh quan kì thú với rừng thông, rừng trúc, thác Vàng, thác Bạc, thác Ngự Dội, cổng Trời...



Đường lên đỉnh Yên Tử dài hơn 6 km, mới đây đã có hệ thống cáp treo hiện đại vượt qua 1,2 km dốc nhất. Lễ hội Yên Tử hàng năm mở từ ngày 10 tháng Giêng kéo dài đến hết tháng Ba âm lịch.

HAI NGON “NÚI THƠ”: BÀI THƠ VÀ NON NƯỚC

Đây là hai ngọn núi đá vôi nhỏ bé, ở hai nơi khác nhau, nhưng đều có duyên gắn với văn chương, thơ phú.

Núi Bài Thơ ở thành phố Hạ Long là một khối núi cao 201 m, được cấu tạo bởi đá vôi kỉ Đêvôn, có hình dạng như sư tử, hổ, rồng... tùy theo tưởng tượng của mỗi người.

Núi vốn có tên là núi Rọi Đèn, tên chữ là Truyền Đăng Sơn. Trên đỉnh núi có trạm gác, hễ có giặc giã thì lính canh đốt lửa báo hiệu về kinh thành.

Mùa xuân năm 1468, vua Lê Thánh Tông thân chinh đi tuần vùng biển Đông Bắc. Khi qua đây, thấy phong cảnh núi non hùng vĩ, vua ghé thuyền vào nghỉ ngơi. Cảm xúc trước cảnh thiên nhiên tươi đẹp, nhà vua làm một bài thơ và cho người khắc lên vách núi. Từ đó trở đi núi mang tên núi Đề Thơ và sau đó là núi Bài Thơ. Bài thơ của vua Lê Thánh Tông làm theo thể Đường luật bằng chữ Hán, được khắc trong một khung vuông cạnh dài 1,50 m, ở độ cao 6 m trên sườn phía nam. Bài thơ được dịch ra như sau:

Nhận nước trăm sông sóng cuộn đầy

Núi bày cờ thế, biếc liền mây



Núi Bài Thơ nhìn từ phía biển

*Xưa theo kẻ khác luôn bền chí
Giờ đã tung hoành một chớp tay
Đế Chủ diệt trừ quân hổ mạnh
Hải Đông đã tắt khói lang bay
Trời Nam muôn thuở non sông vững
Yến vũ tu vẫn dựng Nước này!*

(Trần Nhuận Minh dịch)

Sau vua Thánh Tông đã có nhiều tao nhân mặc khách qua lại và đề thơ vào núi, trong đó có một bài thơ của An Đô Vương Trịnh Cương viết năm 1729, họa lại bài thơ của vua Lê nhân một chuyến tuần du vùng Đông Bắc. Nội dung của các bài thơ chủ yếu ca ngợi cảnh đẹp thiên nhiên, hào khí thời Trần, thịnh trị thời Lê.



Núi Non Nước là một núi đá vôi nhỏ, tên chữ là Dục Thúy Sơn - có nghĩa là “con chim trả đang rũ cánh”, do danh sĩ Trương Hán Siêu thời Trần đặt.

Núi có vị trí đặc địa, là ngã ba giữa sông Đáy và sông Vân, thuộc thành phố Ninh Bình. Thiên nhiên đã tạo tác thật lạ kì: đỉnh núi thì bằng phẳng, chân núi bị sóng nước bào mòn tạo thành một mái vòm cho thuyền bè ẩn nấp.

Trương Hán Siêu (? - 1354), tác giả bài *Bạch Đằng Giang phú* nổi tiếng, chính là người đã phát hiện ra vẻ đẹp của ngọn núi này, cũng là người đầu tiên đề thơ trên đỉnh núi. Bài thơ này được Trần Văn Giáp dịch như sau:

*Non xanh xanh vẫn như xưa,
Du nhân đi mãi vẫn chưa thấy về!
Sóng in bóng tháp bồ đề,
Mở toang cửa động liền kề chân mây.
Đời lênh dênh trước khác nay,
Thân nhàn mới biết trước ngày lắm to.*





Hòn Non Nước, Dục Thúy Sơn, Ninh Bình

*Mênh mông trời đất Năm hồ,
Vòm cầu cũ, kíp thăm dò nơi đâu.*

Hiếm có ngọn núi nào có tới hơn 30 bài thơ khắc trên đá như núi Thúy (tên gọi tắt của Dục Thúy Sơn), và hàng trăm bài thơ vịnh cảnh nơi đây của các nhà thơ thuộc nhiều triều đại: Trần Anh Tông, Phạm Sư Mạnh, Trương Hán Siêu, Nguyễn Trãi, Lê Thánh Tông, Phan Huy Ích, Ngô Thì Nhậm, Ninh Tồn, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Phạm Văn Nghị...

Cùng với những áng thơ ca, trên núi Thúy còn có chùa

Non Nước, đền thờ Trương Hán Siêu ở chân núi, Nghinh Phong Các (lầu đón gió) ở đỉnh núi...

NÚI HỒNG LĨNH - HỒN THIÊNG XỨ NGHỆ TĨNH

Đường vô xứ Nghệ quanh quanh

Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.

Điểm nhấn trên bức “tranh họa đồ” ấy là dòng sông Lam và núi Hồng Lĩnh.

Núi Hồng Lĩnh tên Nôm là Ngàn Hống hay Rú Hốống, cũng đọc là Hống, tên chữ là Hồng Sơn (núi Hồng) hay Hồng Lĩnh, là dãy núi nổi tiếng nhất Hà Tĩnh. Cùng với sông Lam, núi Hồng được xem là biểu tượng hồn thiêng sông núi của xứ Nghệ Tĩnh.

Hồng Lĩnh chạy theo hướng tây bắc - đông nam, là phần cuối của dãy Pu Lai Leng. Theo thần thoại, xưa kia ông Đùng gánh đất để tạo nên 100 ngọn núi, nhưng đến ngọn cuối cùng thì đánh rơi ở phía bắc sông Lam, nên chỉ còn 99 ngọn. Xem trên bản đồ thì có khoảng 60 ngọn nhô cao từ vài chục mét trở lên, ngọn cao nhất là 676 m. Các đỉnh ấy có những tên gọi dân gian như: Nam Bàn, Yên Xuân, Đà Hồng, Cột Cờ, Thiên Tượng, Mồng Già (hai ngọn), Bạch Tị, Hương Tích, Tai Voi, Mũi Rồng, núi Ông, Tháp Cờ, Chân Tiên...

Trong núi có nhiều hang động, 26 khe suối từ trong núi chảy ra và nhiều truông, hồ chứa nước.

Hà Tĩnh là đất địa linh nhân kiệt. Núi Hồng Lĩnh gắn



Núi Hồng Lĩnh bên bờ sông Lam

liên với tên tuổi nhiều danh nhân. Tiêu biểu là Sử Hy Nhan (?-1421), vốn họ Trần, làm quan chép sử thời Trần, được vua ban cho họ Sử; quan Ngự sử Bùi Cầm Hổ (1390-1483), không những có công phò tá ba đời vua đầu triều Lê mà còn là người cho khơi dòng, đắp đập trị thủy nơi quê nhà; đại thi hào Nguyễn Du (1766-1820), tác giả *Truyện Kiều* bất hủ...

Xung quanh núi Hồng Lĩnh có tới cả trăm ngôi chùa và nhiều di tích lịch sử: đỉnh Tháp Cờ, nơi con trai Mai Hắc Đế xây căn cứ tiếp tục chống quân Đường; núi Lầu có hành cung của vua Lí Thánh Tông; lũy Đá do Ngô Quảng dựng lên chống Pháp...



Trong bộ Cửu đỉnh ở kinh thành Huế, Hồng Lĩnh là một trong chín ngọn núi thiêng được khắc trên đó.

HOÀNH SƠN VÀ ĐÈO NGANG

Hoành Sơn, như tên gọi, là một dãy núi “nằm ngang”, chẻ ra từ mạch núi Trường Sơn Bắc tới sát biển, dài 50 km, có đỉnh cao nhất 1.044 m, chiếm một vị trí vô cùng đặc biệt. Xưa kia, đây vốn là ranh giới giữa nước Đại Việt ở phía Bắc và Lâm Ấp ở phía Nam. Hiện vẫn còn phế tích của lũy Lâm Ấp từ thế kỉ thứ 4.

Hoành Sơn thường được nhắc đến với truyền thuyết về Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm. Thế kỉ 17, Nguyễn Hoàng, con trai thứ của Nguyễn Kim lo sợ bị anh rể là Trịnh Kiểm ám hại, bèn cử người đến hỏi ý Trạng. Trạng Trình nhấn rằng: “*Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân*” (Một dải Hoành Sơn, có thể dung thân muôn đời).

Theo lời khuyên đó, Nguyễn Hoàng về sau đã mở cõi về phương Nam, tạo dựng cơ đồ ở Đàng Trong với nhiều đời chúa Nguyễn.

Nhắc đến Đèo Ngang không ai không biết tới bài thơ dưới đây của Bà Huyện Thanh Quan.

Bước đến Đèo Ngang bóng xế tà

Cỏ cây chen đá, lá chen hoa

Lom khom dưới núi tiêu vài chú

Lác đác bên sông chợ mấy nhà...



Phế tích Hoành Sơn Quan vẫn còn lưu lại nơi đây

*Nhớ nước đau lòng con quốc quốc,
Thương nhà mỏi miệng cái gia gia.
Dừng chân đứng lại trời non nước,
Một mảnh tình riêng ta với ta.*

Cảm tác về Hoành Sơn và Đèo Ngang còn có rất nhiều áng thơ văn của các tác giả nổi tiếng như Bùi Huy Bích, Phạm Quý Thích, Cao Bá Quát, Nguyễn Thiếp, Hà Tông Quyền, Bùi Dương Lịch, Nguyễn Nễ, Nguyễn Trường Tộ, hoàng đế Thiệu Trị...

Từ năm 2004, hầm đường bộ chui qua núi được khánh thành làm cho việc qua lại Hoàng Sơn trở nên thuận tiện hơn.

NÚI NGỰ - BÌNH PHONG CỦA CỔ ĐÔ HUẾ

Dạ thưa xứ Huế bây chừ,

Vẫn còn núi Ngự bên bờ sông Hương.

Hai câu thơ giản dị của thi sĩ Bùi Giáng đã gợi hồn sông, hồn núi của cố đô Huế.

Núi Ngự là cách gọi ngắn gọn của Ngự Bình. Theo *Đại Nam nhất thống chí*, núi Ngự Bình có tên gọi là Bằng Sơn hay Bình Sơn, một ngọn núi không cao có hình dáng giống bức bình phong, hai bên có hai núi đất là Tả Phù Sơn và Hữu Bật Sơn.

Núi Ngự chỉ cao 104 m. Nhưng do có hình thể đặc biệt nên năm 1783, khi cho xây dựng thủ phủ Phú Xuân, chúa Nguyễn Phúc Khoát đã coi dãy núi này như chiếc án che chắn phía trước phủ chúa. Đầu thế kỉ 19, khi vua Gia Long cho xây dựng Kinh đô Huế, ông đã đặt tên núi là “Ngự Bình Sơn”. “Ngự” là từ chỉ những gì thuộc về vua. “Bình” là ngăn che, ý nói nó là vật ngăn chặn những điều không tốt lành, gây tai họa. (Thế nên người ta dịch ra tiếng Pháp là *Mont Écran Royal*, tiếng Anh là *Mount Royal Screen*.) Ngự Bình Sơn thường được gọi tắt là “núi Ngự” đi cặp với “sông Hương”.

Không chỉ đóng vai trò quan trọng trong kiến trúc kinh



Núi Ngự

thành, núi Ngự Bình còn là một trong những cảnh đẹp bậc nhất của đất cố đô. Đứng trên đỉnh núi có thể thu vào tầm mắt toàn cảnh kinh thành Huế ẩn hiện những lâu đài thành quách, mái chùa cổ kính giữa một màu xanh của cây cối và sông Hương như dải lụa mềm mại uốn quanh. Bản thân núi Ngự cũng là một rừng thông xanh bát ngát. Từ thời Gia Long, có quy định tất cả các quan, không kể chức phẩm lớn bé, mỗi người đều phải trồng ở trên núi một cây thông.

Ngày nay, núi Ngự với sông Hương là niềm cảm hứng cho biết bao nhà thơ và nhạc sĩ.

NGŨ HÀNH SƠN - KHÔNG PHẢI 5 MÀ LÀ 6!

Ngũ Hành Sơn là tên chung của một danh thắng gồm sáu ngọn núi đá vôi (không phải năm như tên gọi) nhô lên trên một bãi cát ven biển, diện tích khoảng 2 km². Sáu ngọn núi đá đó là: Kim Sơn, Mộc Sơn, Thủy Sơn (lớn, cao và đẹp nhất), Hỏa Sơn (gồm hai ngọn) và Thổ Sơn, nằm cách trung tâm thành phố Đà Nẵng khoảng 8 km về phía đông nam.

Sách *Đại Nam dư địa chí ước biên* mô tả như sau: “Từ trong Sa Động đột ngột nổi lên sáu ngọn núi đá. Sông rộng vòng phía tây, biển lớn bao phía đông, hình núi nhọn hoắt. Trời tạnh, nhìn ra xa, sắc như gấm mây, rất đáng yêu... Phía đông có đài Vọng Hải, phía tây có đài Vọng Giang, mỗi đài lại có một bài văn bia ghi lại. Bên hữu chùa Tam Thai có phúc địa Động Thiên, ở đó có hành cung, là một đại danh thắng của tỉnh Quảng Nam” (vốn trước đây thuộc Quảng Nam).

Ngũ Hành Sơn nằm giữa vùng cát trắng mịn từ biển Non Nước kéo dài đến bán đảo Tiên Sa. Theo các nhà địa chất học, cụm núi này trước đây là các hòn đảo ở gần bờ biển, do phù sa bồi đắp, nối liền với lục địa. Dần dà nước mưa xói mòn và khí hậu tác động đã tạo ra những hang động và hình thù kì thú. Đặc biệt, đá cẩm thạch (do đá vôi biến chất thành) có màu ngũ sắc, phân chia theo từng núi: đá ở Thủy Sơn thường có màu hồng, ở Mộc Sơn



Ngũ Hành Sơn

có màu trắng, ở Hỏa Sơn màu đỏ, ở Thổ Sơn màu nâu và ở Kim Sơn, màu thủy mặc. Quanh Ngũ Hành Sơn, về phía đông có bãi cát mịn trắng chạy dọc ven biển Đông; ở phía tây và nam là sông Cổ Cò chảy qua, hòa vào nhánh sông Cẩm Lệ. Vào thế kỉ 17-18, nhánh sông này là đường thủy thông thương huyết mạch giữa Đà Nẵng với Hội An, về sau bị bồi lấp.

Nơi đây còn in đậm nhiều dấu ấn văn hóa lịch sử: những bài thơ thời Lê, Trần trên các vách đá rêu phong trong các hang động; những di tích như mộ mẹ tướng quân Trần Quang Diệu, đền thờ công chúa Ngọc Lan (em gái vua Minh Mạng); sắc phong quốc tự của triều Nguyễn còn lưu

giữ tại chùa Tam Thai. Thời chiến tranh cũng để lại những di tích lịch sử như địa đạo núi đá Chồng, hang Bà Tho, núi Kim Sơn, hang Âm Phủ...

Nguồn nguyên liệu đá cẩm thạch, quanh Ngũ Hành Sơn đã làm xuất hiện nghề điêu khắc đá cha truyền con nối từ bốn thế kỷ nay, nổi tiếng với việc sản xuất ra các vật phẩm mỹ nghệ, những con vật linh như rồng, phượng trang trí chùa chiền, các văn bia cho triều đình...

Làng đá mỹ nghệ Non Nước không chỉ được biết đến ở trong nước mà còn lan tỏa khắp các châu lục, thông qua hàng hóa xuất khẩu và thú vui mua sắm của du khách quốc tế mỗi dịp tham quan danh thắng Ngũ Hành Sơn.

NÚI BÀ ĐEN - ĐỈNH CAO NHẤT ĐÔNG NAM BỘ

Núi Bà Đen (núi Điện Bà) cách trung tâm tỉnh lỵ Tây Ninh 11 km, nằm giữa hai con sông Sài Gòn và Vàm Cỏ Đông. Đây là ngọn núi cao nhất miền Nam nước ta (986 m so với mặt biển). Nhìn từ xa, đỉnh núi Bà Đen tựa như được khoác một tấm lụa mỏng, do luôn được bao phủ bởi những đám mây trắng. Lên núi, bạn sẽ gặp nhiều hang động, cây cỏ xanh tươi, nước chảy theo khe róc rách... đẹp như một bức tranh sơn thủy hữu tình.

Trông xa xa, ngọn núi như chiếc nón bài thơ nằm úp giữa vùng đồng bằng trù phú với những cánh đồng lúa xanh bát ngát, cây cối tươi tốt quanh năm. Quần thể núi Bà trải

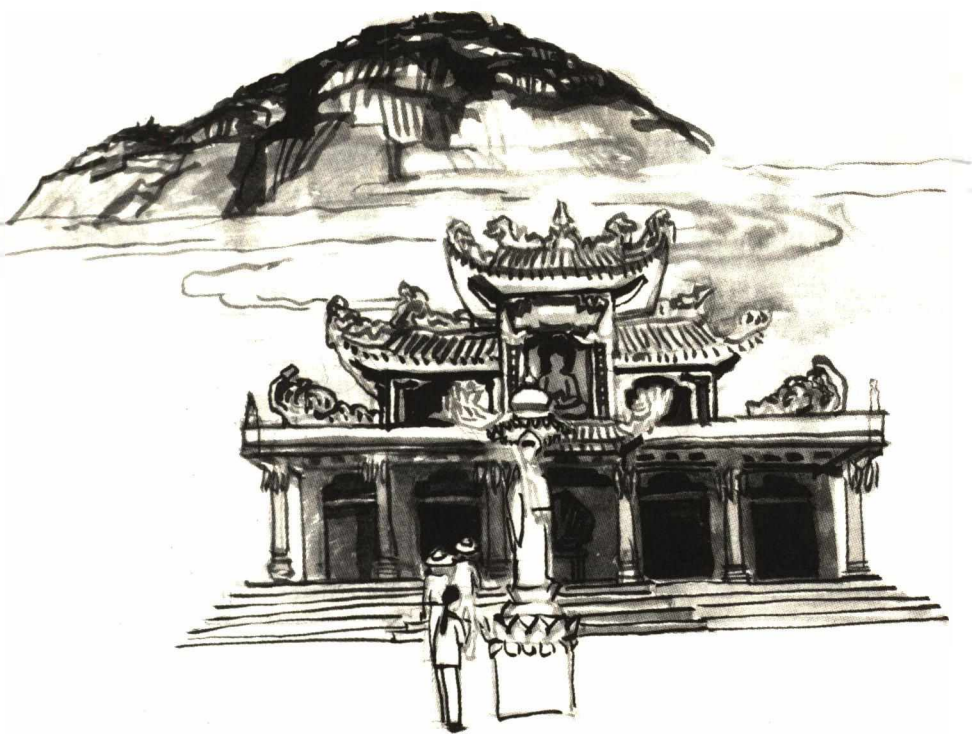
rộng 24 km², là một hệ thống di tích lịch sử, văn hóa và danh thắng, gồm ba ngọn núi là núi Bà Đen, núi Phụng và núi Heo, với núi Bà Đen cao nhất.

Núi Bà Đen được cấu tạo bởi đá hoa cương rắn chắc, nên không bị phong hóa, bào mòn như các đồi núi xung quanh. Các hang động, góc ngách bí ẩn được tạo ra là do các khối đá nứt vỡ, đè sập lên nhau.

Trên núi và lưng chừng núi có rất nhiều ngôi chùa được coi là linh thiêng. Điện thờ Linh Sơn Thánh Mẫu gồm chùa Hạ, chùa Trung, chùa Thượng, chùa Hang và một số hang động được dùng để thờ tự như động Thanh Long, động Ông Hồ, động Ba Cô, động Ba Tuần, động Thiên Thai, động Ông Tà...

Núi Bà Đen gắn với huyền thoại chồng lên huyền thoại. Một huyền thoại có nguồn gốc Khơme kể rằng, ngày xưa có cô gái rất đẹp tên là nàng Đênh, bị ép gả cho một tên ác bá. Nàng trốn lên núi này đi tu, sau hóa ở đó. Nàng hiển linh, được dân chúng gọi là Bà Đênh, sau gọi chệch đi là Bà Đen.

Một câu chuyện khác kể rằng, vào thời chiến tranh Trịnh - Nguyễn và Tây Sơn, ở Trảng Bàng có cô gái đẹp giỏi võ nghệ tên là Lí Thị Thiên Hương. Nàng Hương có người yêu đi chinh chiến ở phương xa, nhưng bị ép làm vợ lẽ một lão quan già. Chung tình với người yêu, nàng trốn lên núi, nhưng lại gặp cướp. Một mình không chống chọi nổi, nàng



Núi Bà Đen

đành nhảy xuống vực sâu tự tử để giữ tròn trinh tiết. Vị sư trụ trì ngôi chùa trên núi được báo mộng đã tìm được xác nàng. Nhà chùa lập đền thờ nàng trên núi, gọi là Điện Bà, quanh năm hương khói. Cảm phục tấm lòng trung trinh của nàng, nhà vua đã cử Tổng trấn Lê Văn Duyệt mang sắc đến phong nàng làm Linh Ứng Thánh Mẫu.

Hai câu chuyện ấy lồng quện với nhau và tại Điện Bà có thờ một pho tượng đồng đen, từ đó mà có tên núi.

Bất cứ một hang động hay một ngách đá nào trên núi

Bà Đen đều có một huyền thoại kì thú. Trên đoạn đường từ Điện Bà lên chùa Hang trên núi, có một tảng đá to lớn, cao hơn 3 m, nứt làm đôi, ở giữa hiện ra một lối đi rất lạ. Tương truyền xưa kia, khách hành hương từ Điện Bà muốn viếng chùa Hang phải đi vòng xuống “Suối Vàng” rất khó khăn vất vả, do giữa đường có một tảng đá to chặn lấp. Thương cảm với bá tính, vị sư tổ bấy giờ là Tánh Thiền đêm đêm đến bên tảng đá, thành tâm khẩn nguyện tụng kinh. Và chuyện lạ đã xảy ra. Một đêm, tảng đá lớn bỗng chuyển động và nứt làm đôi, dịch ra thành một lối đi nhỏ chừng 2 m...

Núi Bà Đen từng là cứ điểm đóng quân của bộ đội ta trong hai cuộc kháng chiến. Quân đội Mĩ lập căn cứ truyền tin trên đỉnh núi và quân ta cũng đã nhiều lần tấn công căn cứ này...

Hằng năm vào dịp Lễ hội Điện Bà, du khách nườm nượp đổ về cúng bái và tham quan. Dù đã có hệ thống cáp treo, nhiều người vẫn muốn tự mình leo lên đỉnh núi.

THẮT SƠN HUYỀN BÍ

Bảy Núi còn có tên là Thất Sơn, được các tín đồ Bửu Sơn Kỳ Hương tôn xưng là Bửu Sơn, gồm bảy ngọn núi không liên tục, đột khởi trên đồng bằng miền Tây Nam Bộ, thuộc hai huyện Tri Tôn, Tịnh Biên của tỉnh An Giang.

Hoạt động tân kiến tạo vào thời kì Pleistoxen làm khu vực Bảy Núi nâng lên, cắt xẻ thành những mồm đá xâm

nhập rần chắc và sau khi biến tiến hình thành những bậc thềm cổ bao quanh các mỏm nhô cao.

Vùng đồi núi này có tới 40 ngọn cao thấp khác nhau, nhưng có bảy ngọn nổi bật: núi Cấm (còn gọi là Thiên Cấm Sơn, là ngọn cao nhất, 716 m), núi Cô Tô (Phụng Hoàng Sơn), Núi Dài (Ngọa Long Sơn), núi Két (Anh Vũ Sơn), núi Tượng (Liên Hoa Sơn), núi Nước (Thủy Đài Sơn) và núi Dải Năm Giếng (Ngũ Hồ Sơn).

Sách *Đại Nam Nhất Thống Chí* mô tả vùng này như sau: *“Hang núi ngậm mây, suối cong nhả ngọc, lại có những cây giáng hương, tóc hương, cây cối xanh um, cầm thú béo mập. Phía đông có ruộng đồng bằng phẳng, phía tây có hồ nước... lại có suối nước ở trên lưng núi cuộn cuộn chảy ra... Ngoài ra, còn nghe gà gáy dưới bóng trăng, chó sủa trong hang động, cảnh huống yên hà ngoài thế giới vậy”.*

Bảy Núi xưa kia hoang vu, cây cối um tùm, ẩn chứa nhiều bí ẩn, được bao phủ bằng những câu chuyện kì bí.

Tại chân Núi Két, vào thế kỉ 19, hiền sĩ Đoàn Minh Huyền đã đem theo 12 đệ tử đến tu, mở ra đạo Bửu Sơn Kỳ Hương giúp đời. Ông được dân tôn xưng là “Đức Phật thầy Tây An”. Đến nay vẫn còn lưu truyền giả thuyết ông chính là hoàng tử Nguyễn Quang Mục, con vua Quang Trung, cùng mẹ là công chúa Ngọc Hân chạy trốn Gia Long đến ẩn cư tại đây.

Vùng Bảy Núi còn là nơi hội tụ của những sĩ phu yêu nước trong phong trào Cần Vương, gắn liền với tên tuổi của nhiều danh nhân như Thủ khoa Huân, Trần Văn Thành, Ngô Lợi, Phan Xích Long, Trương Gia Mô, v.v...

Bảy Núi là nơi chung sống của cộng đồng người Khơme và người Việt, tạo nên một vùng văn hóa đặc sắc đan xen, với nhiều phong tục, tập quán, lễ hội phong phú. Có thể kể đến lễ Chol Chnam Thmay, lễ Đôn Ta, lễ hội đua bò Bảy Núi...

VƯỢT NÚI BẰNG ĐÈO

Có núi tất phải có đèo. Đèo là những nơi trũng thấp giữa các khe núi, là những nơi có đường vượt qua phía bên kia núi.

Đất nước ta có nhiều đồi núi, nên cũng có hàng ngàn con đèo cao thấp khác nhau. Do khuôn khổ của cuốn sách, chúng tôi chỉ có thể đề cập đến một số con đèo quen thuộc, thường được nhắc đến. Đó là những con đèo đẹp nhưng hung hiểm, hay những con đèo nổi tiếng trong sử sách, thơ ca.

ĐÈO KHAU PHẠ

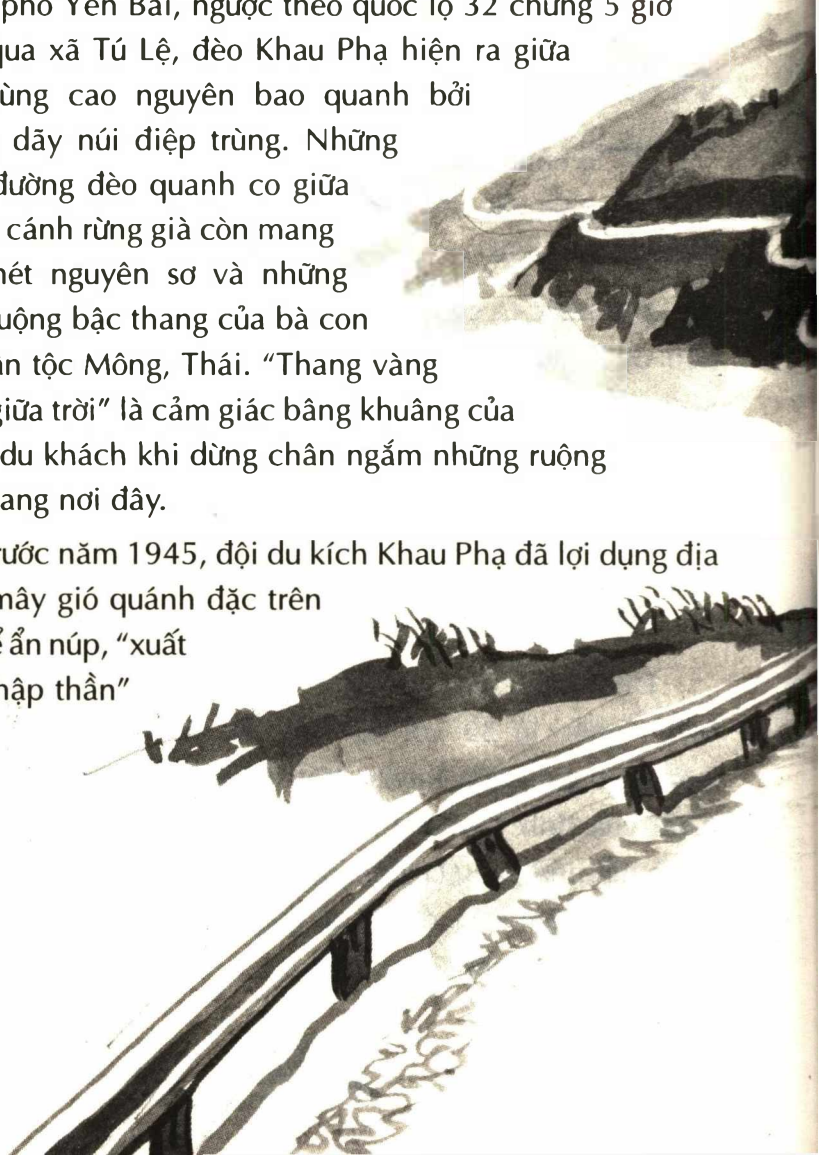
Đèo Khau Phạ là đèo hiểm trở và dài nhất trên tuyến quốc lộ 32 với độ dài trên 30 km. Nằm ở khu vực giáp giới giữa huyện Văn Chấn và huyện Mù Cang Chải của tỉnh Yên Bái, đèo Khau Phạ đi qua nhiều địa danh nổi tiếng như La Pán Tẩn, Mù Cang Chải, Tú Lệ, Chế Cu Nha, Nậm Có... ở độ cao từ 1.200 m đến 1.500 m so với mực nước biển.



Khau Phạ theo tiếng Tày - Thái có nghĩa là Núi Trời, đôi khi cũng hiểu là “Cổng Trời”.

Đèo Khau Phạ là một trong những cung đường đèo quanh co và dốc đứng bậc nhất Việt Nam, vượt qua đỉnh núi Khau Phạ, ngọn núi cao nhất vùng Mù Cang Chải. Từ thành phố Yên Bái, ngược theo quốc lộ 32 chừng 5 giờ ô tô, qua xã Tú Lệ, đèo Khau Phạ hiện ra giữa một vùng cao nguyên bao quanh bởi những dãy núi điệp trùng. Những cung đường đèo quanh co giữa những cánh rừng già còn mang đậm nét nguyên sơ và những triền ruộng bậc thang của bà con các dân tộc Mông, Thái. “Thang vàng ai bỏ giữa trời” là cảm giác băng khuâng của nhiều du khách khi dừng chân ngắm những ruộng bậc thang nơi đây.

Trước năm 1945, đội du kích Khau Phạ đã lợi dụng địa hình mây gió quánh đặc trên đèo để ẩn núp, “xuất quỷ nhập thần”





Đèo Khau Phạ

chặn đánh các cuộc hành quân của Pháp trên con đường từ Nghĩa Lộ đi Lai Châu, Lào Cai bằng súng kíp, bẫy đá, khiến quân Pháp hải hùng gọi là những “chiến binh mây mù”.

Ngày nay, con đèo quanh co uốn khúc, vào mùa mưa bão thường xảy ra đất trượt, đá lăn vẫn là một thách thức với cánh lái xe; đặc biệt, nó rất kích thích “dân phượt” tìm đến chinh phục.

ĐÈO MÃ PÍ LÈNG

Mã Pí Lèng là con đèo nằm trong quần thể công viên địa chất toàn cầu Đồng Văn (Hà Giang), nối liền hai huyện Mèo Vạc và Đồng Văn. Mã Pí Lèng (hay Mã Pì Lèng) là tên gọi theo tiếng Mông, có nghĩa là “sống mũi ngựa”. Tên gọi này gợi sự hiểm trở bậc nhất của đỉnh núi, nơi dốc cao đến mức ngựa đi qua phải dứt hơi gục ngã; hoặc đỉnh núi dựng đứng như sống mũi con ngựa... Tuy nhiên, theo người dân bản địa thì tên đúng của đèo là *Máo Pì Lèng*, nghĩa là “sống mũi mèo”.

Đèo Mã Pí Lèng dài trên 24 km với chín vòng quanh uốn khúc bên vách đá dựng đứng, vực sâu hun hút là con đèo hiểm trở ở vùng núi đá vôi biên giới phía Bắc. Chính vì thế được dân gian xếp là một trong “tứ đại đỉnh đèo” hiểm trở nhất nước ta.

Đây là một trong những địa điểm phong phú bậc nhất về các di sản thiên nhiên của Cao nguyên đá Đồng Văn.

Sông Nho Quế hình thành khoảng 5,3 triệu năm trước. Hẻm vực Mã Pí Lèng sâu khoảng 700-800 m; dài 1,7 km; vách dốc 70-90°, là danh thắng thuộc loại kì vĩ nhất trên Cao nguyên đá Đồng Văn, là hẻm vực sâu nhất Việt Nam và có thể là sâu nhất Đông Nam Á.

Khu vực đèo Mã Pí Lèng có một chóp núi đá vôi là tháp Kim Pả Vi, một biểu hiện điển hình của quá trình trẻ hóa địa hình cacxtơ, tạo ra một cảnh quan vô cùng độc đáo.

Khu vực đèo Mã Pí Lèng cũng gắn liền với lịch sử hào hùng của *Con đường Hạnh Phúc*. Con đường dài khoảng 200 km, do hàng vạn thanh niên xung phong thuộc 16 dân tộc của 8 tỉnh miền Bắc làm trong 6 năm (1959-1965). Trong đó riêng đoạn đèo vượt Mã Pí Lèng được đội cảm tử treo mình trên vách núi lấn dần từng xentimet, làm trong 11 tháng mới xong. Tất cả chỉ bằng đôi bàn tay với những dụng cụ thủ công, không có máy móc như ngày nay. Trên đỉnh Mã Pí Lèng, nơi cao nhất của Con đường Hạnh Phúc, hiện có một trạm dừng chân cho du khách ngắm cảnh; tại đây có một tấm bia đá ghi lại những kỉ tích trong thời kì xây dựng con đường.

ĐÈO MÃ PHỤC

Đường lên Cao Bằng phải qua những con đèo cao quanh co hiểm trở và rất dài, như đèo Giàng, đèo Gió, đèo Cao Bắc... Tuy nhiên, độc đáo nhất là đèo Mã Phục.

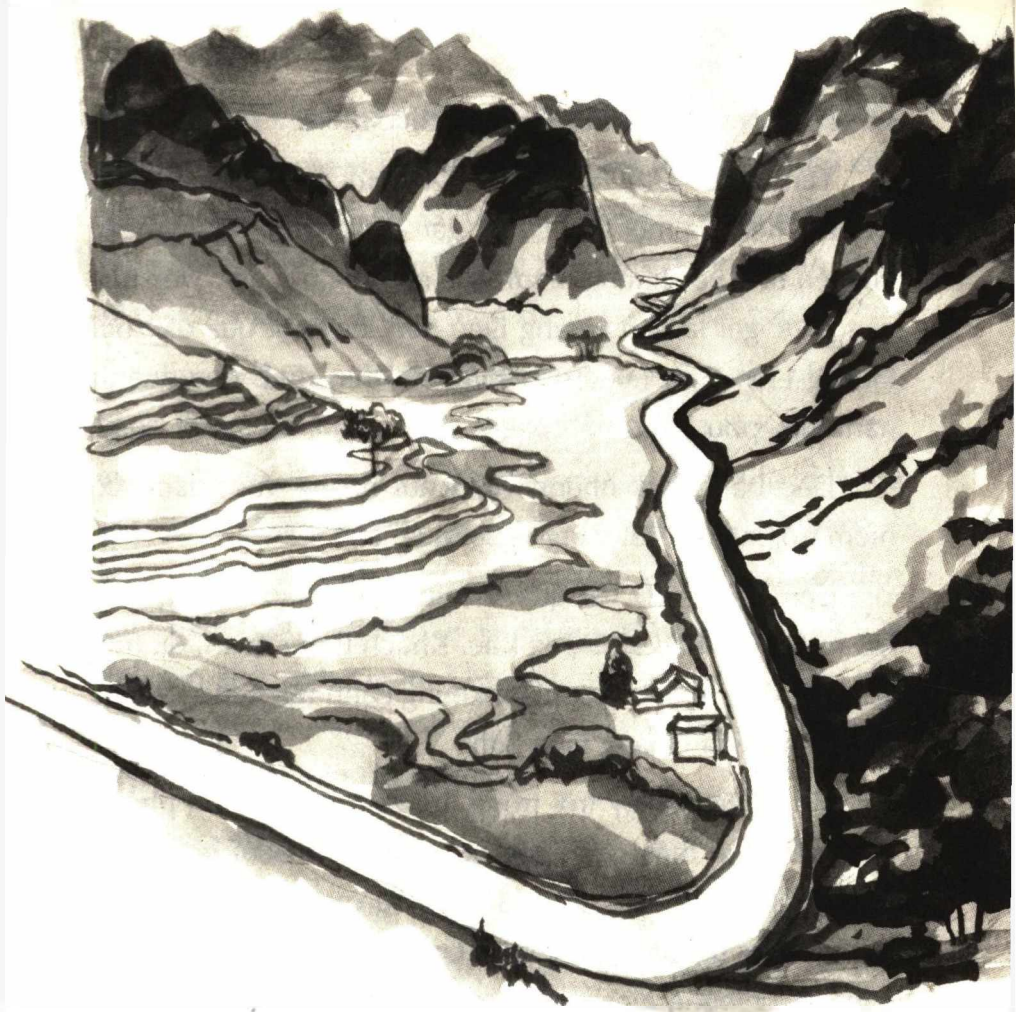
Con đèo quanh co hình chữ chi bắm lấy một bên sườn núi đá vôi, như bị một nhát dao của người khổng lồ chém xuống tạo thành một bức tường dựng đứng.

Đỉnh đèo có hai ngã rẽ. Phía bên trái tiếp tục lên cao đi vào Trà Lĩnh, bên đường có lối vào hồ Thang Hen - một chuỗi hồ cacxtơ điển hình; phía bên phải xuống dốc đi Quảng Uyên, Trùng Khánh, nơi có thắng cảnh thác Bản Giốc.

Đèo Mã Phục gắn liền với huyền thoại Nùng Chí Cao. Vào thời nhà Lí, Nùng Chí Cao - một tù trưởng hùng mạnh chiếm cứ đất Cao Bằng - từng vượt biên giới, làm loạn cả nhà Tống. Thuở ấy đường sá chưa có, Nùng phóng ngựa đến đây gặp dốc đứng, ngựa chồn chân, khuỵu xuống phủ phục dưới chân đèo. Từ đó đèo này có tên là đèo Mã Phục.

Đèo Mã Phục cùng với dãy núi đá vôi nơi đây ngăn cách làm khí hậu miền đông Cao Bằng mát mẻ hơn miền tây, có thể trồng được những đặc sản như lê, mận, hạt dẻ mà miền tây không trồng được. Miền đông vào mùa đông rất lạnh, thường có sương muối phủ trắng mái nhà trông như tuyết.

Đỉnh đèo Mã Phục luôn lộng gió, là nơi dừng chân nghỉ hóng gió của lũ khách xuôi ngược trên đường. Trước đây, đỉnh đèo hoang vắng, ngày nay đã hình thành một ngôi chợ độc đáo bán đặc sản miền núi và thịt bò có "thương hiệu" ngon và rẻ.



Đèo Mã Phục

ĐÈO Ô QUY HỒ

Là con đèo dài nhất nước ta: khoảng 50 km. Đèo vắt ngang qua dãy Hoàng Liên Sơn cao nhất Việt Nam, nối liền hai tỉnh Lào Cai và Lai Châu. Đỉnh đèo cũng chiếm kỉ lục

về độ cao với 2.000 m trên mực nước biển.

Tên đèo Ô Quy Hồ (hay Ô Quý Hồ) xuất phát từ tiếng kâu da diết của một loài chim, gắn với huyền thoại về câu chuyện tình yêu không thành của một đôi trai gái. Đèo này còn được gọi là đèo Hoàng Liên Sơn, do vượt qua dãy núi Hoàng Liên Sơn, hoặc đèo Mây, do trên đỉnh đèo quanh năm mây phủ.

Đèo băng qua những vùng núi hoang vu, quanh co hiểm trở, xưa kia rất vắng người qua lại.

Con đường 4D vắt qua đèo là tuyến giao thương giữa hai miền Tây Bắc và Đông Bắc. Khách tham quan, du lịch qua đây được thỏa mãn ngắm khung cảnh núi non kì vĩ của Vườn quốc gia Hoàng Liên Sơn.

Vào những ngày trời trong, từ đỉnh đèo có thể phóng tầm mắt nhìn thấy các ngọn núi nhấp nhô dưới biển mây trắng trập trùng. Vào mùa đông, nếu may mắn ta có thể được chiêm ngưỡng một cảnh tượng hiếm gặp ở Việt Nam - băng đá. Những giọt nước đọng lại trên những cành cây, bông hoa bị đóng băng, tạo nên những bông tuyết thật đẹp và độc đáo.

Ô Quy Hồ vào lúc hoàng hôn đẹp như một bức tranh sơn mài. Khi ấy, núi rừng Tây Bắc vẫn rực rỡ sắc màu nhưng không còn chói chang. Đỉnh núi phía trời tây dường như cố níu kéo mặt trời ở lại chốn dương gian. Hình ảnh tuyệt đẹp



ấy mang lại cảm giác thật yên bình lẫn chút ngỡ ngàng. Xen lẫn bóng chiều tà, thấp thoáng vóc dáng bé nhỏ của người tiêu phu đang gùi bó củi nhặt nhòa dần sau ánh nắng vàng nhạt. Hình ảnh đời thường thật bình dị nhưng ẩn chứa vẻ đẹp lớn lao mà không mấy khi ta có thể bắt gặp.

Tuy nhiên, do địa hình đặc biệt, con đèo này như một kênh thông gió từ tây sang đông, nên gây ra một hiệu ứng gió phơn, gọi là “Gió Ô Quy Hồ”, một loại gió địa phương. Tại Sa Pa chúng thường xuất hiện từ tháng 1 đến tháng 3 hằng năm. Gió thổi từ đèo Ô Quy Hồ (giáp ranh với tỉnh Lai Châu) xuống thị trấn Sa Pa và các vùng lân cận, có đặc tính ẩm khô, thổi mạnh. Khi xuất hiện gió thường đẩy cấp báo động cháy rừng quốc gia Hoàng Liên lên mức rất nguy hiểm đến đặc biệt nguy hiểm.

ĐÈO PHA ĐIN

Đèo Pha Đin dài 32 km nằm trên quốc lộ 6, một phần thuộc xã Phổng Lái, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, một phần thuộc xã Tả Tình, huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên, với điểm cao nhất 1.648 m. Tên gọi Pha Đin xuất xứ từ tiếng Thái, nghĩa là “Trời và Đất”, hàm ý đây là nơi tiếp giáp đất trời. Đứng trên đỉnh đèo chỉ thấy bầu trời lằng lằng mây trắng bay. Xuống đến lưng chừng đèo mới nhìn thấy xa xa thấp thoáng bản làng...

Đèo Pha Đin được “dân phượt” xếp vào “tứ đại đỉnh

đèo" của miền Tây Bắc vì độ hiểm trở và vẻ đẹp hùng vĩ của nó. Địa thế của đèo rất chênh vênh, một bên là vách núi, một bên là vực sâu. Những đường chữ chi, những khúc ngoặt tay áo đòi hỏi lái xe phải thật vững tay lái, nếu không rất dễ gặp sự cố. Do cấu tạo địa chất, vách đá nơi đây còn hay xảy ra hiện tượng đất lở, đá lăn nguy hiểm, gây cản trở giao thông.

Đèo Pha Đin trở nên nổi tiếng trong chiến dịch Điện Biên Phủ. Đây là con đường huyết mạch để dân công hỏa tuyến thồ vũ khí, lương thực lên tiếp viện cho quân đội, góp phần làm nên chiến thắng lịch sử.

ĐÈO KHAU PHẠ

Đèo Khau Phạ có độ dài trên 30 km, nằm giáp ranh giữa hai huyện Văn Chấn và Tú Lệ của tỉnh Yên Bái. Đèo vắt ngang qua đỉnh Khau Phạ nên mang tên của ngọn núi này.

Đèo Khau Phạ là một trong những con dốc quanh co, hiểm trở bậc nhất, được bao quanh bởi những đồi núi nhấp nhô, sương trắng bảng lảng vờn quanh, đây đó còn lại những mảng rừng già nguyên sinh. Dưới chân đèo là những ngọn đồi thấp, bao quanh là những thửa ruộng bậc thang, đó đây ẩn hiện những bản làng của bà con dân tộc ít người.

Đèo Khau Phạ ở độ cao trên 1.200 m, nên thời tiết mát mẻ, mỗi ngày dường như trải qua bốn mùa xuân hạ thu đông. Vào mùa đông, đôi khi giá lạnh có tuyết rơi trên đỉnh đèo. Nhưng cảnh đẹp nhất là vào mùa lúa chín, vàng rực trên những thửa ruộng bậc thang như một bức tranh sơn



mài rục rở. Đó cũng là mùa có thời tiết thích hợp cho những cuộc du lịch khám phá.

Vượt qua vùng đèo heo hút gió và mịt mù sương phủ, lên cao gần năm chục km nữa mới thấy thị trấn Mù Cang Chải. Từ thị trấn Mù Cang Chải đi tiếp chừng 40 km đường núi nữa là sang đất Than Uyên (Lai Châu), hoặc theo chân những cô gái Mông đi thêm chục kilômet nữa là đến được những bản làng của họ.

ĐÈO TAM ĐIỆP

Một đèo, một đèo, lại một đèo

Khen ai khéo tạc cảnh cheo leo...

Nữ sĩ Hồ Xuân Hương đã khéo tạc hình ảnh ba ngọn đèo liên tiếp nhau như thế. Và tên dân gian của đèo này chính là *Đèo Ba Dội*.

Đèo nằm ở giữa Thanh Hóa và Ninh Bình. Từ phía bắc vào, đèo thứ nhất cao 68 m, đèo thứ hai cao 110 m, đèo thứ ba cao 80 m (so với mặt biển).

Núi Tam Điệp là vạt đá vôi cuối cùng từ Hoà Bình tràn xuống đến sát biển. Đến đây núi chỉ còn cao khoảng 200 đến 500 m, địa hình bị chia cắt phức tạp và hiểm trở, tạo nên một bức trường thành ngăn cách đồng bằng Bắc Bộ với miền Trung.

Xa xưa từ thời thuộc nhà Hán, đèo này là cửa ải có tên là Cữu Chân Quan, là ranh giới tự nhiên giữa quận Giao Chỉ ở phía Bắc và quận Cửu Chân ở phía Nam.

Ngày xưa con đường thiên lí phải vượt qua ba ngọn đèo cực kì hiểm trở này. Chính vì vậy, khi Tôn Sĩ Nghị ồ ạt kéo quân sang, Ngô Thì Nhậm đã khuyên Ngô Văn Sở thực hiện “nước cờ Tam Điệp”, rút quân khỏi Thăng Long qua phòng tuyến này để bảo toàn lực lượng, chờ đại quân Tây Sơn kéo ra. Tại nơi đây, vua Quang Trung đã truyền lệnh tiến đánh Thăng Long, đại phá quân Thanh vào đúng Tết Kỷ Dậu 1789.

Đường quốc lộ 1A ngày nay không đi vòng theo “đường thiên lí” vượt qua đèo Tam Điệp khi xưa, mà nấn thẳng chui qua đường hầm ở núi Dốc Xây. Vì vậy, du khách đi xe ô tô hay xe lửa không có dịp để ngắm cảnh đèo Ba Dội nổi tiếng nữa.

ĐÈO HẢI VÂN - ĐỆ NHẤT HÙNG QUAN

Đèo Hải Vân còn có tên gọi là đèo Ải Vân, vì trên đèo xưa kia vốn đặt một quan ải. Cũng còn gọi là đèo Mây, vì đỉnh đèo luôn có mây trắng bao phủ.

Hải Vân với độ cao 496 m trên mực nước biển, là một trong những đèo cao nhất Việt Nam. Con đèo dài khoảng 20 km, vắt qua dãy núi Bạch Mã đồ sộ - phần cuối của dãy Trường Sơn Bắc ăn ngang ra tới biển.

Năm 1306, vua Chế Mân của Chiêm Thành cưới công chúa Huyền Trân, đã đem Châu Ô, Châu Rí cho nhà Trần làm đồ sính lễ. Từ đó, đèo Hải Vân trở thành biên giới của hai quốc gia. Đỉnh đèo là cửa ải Hải Vân Quan.



Năm 1470, vua Lê Thánh Tông ngự giá đến đây đã dừng chân tại đỉnh đèo và ban cho cửa ải sáu chữ: *Thiên hạ đệ nhất hùng quan*.

Vào thời Nguyễn, Hải Vân là ranh giới giữa hai tỉnh Thừa Thiên và Quảng Nam. Sách *Đại Nam thực lục chính biên* mô tả cửa quan này như sau: *"Phía trước, phía sau đều đặt một cửa quan, ngạch trước viết ba chữ "Hải Vân Quan", ngạch sau viết sáu chữ "Thiên hạ đệ nhất hùng quan")... Phía tả hữu cửa quan, xếp đá làm tường, trước sau tiếp nhau. Phái biên binh 4 đội Hữu sai và 2 đội Ứng sai chở súng ống đến để đầy (súng quá sơn bằng đồng 5 cỡ, ống phun lửa 200 ống, pháo thăng thiên 100 cây và thuốc đạn theo súng). Chuẩn định từ Hải Vân trở ra Bắc thuộc quản hạt Thừa Thiên, từ ngoài Hải Vân trở vào Nam thuộc quản hạt Quảng Nam".*

Trong nhiều thế kỉ, đường cái quan (nay là quốc lộ 1A) băng qua đèo Hải Vân rất ít người qua lại, bởi đường hiểm, luôn có thú dữ và kẻ cướp rình rập... Trong dân gian còn lưu truyền câu: *"Đường bộ thì sợ Hải Vân / Đường thủy thì sợ sóng thần Hang Dơi"*.

Về sau, người Pháp cải tạo con đường này trở thành đường huyết mạch nối liền hai miền Nam - Bắc. Năm 1826, quân đội Pháp xây dựng một lô cốt tại đỉnh đèo để trấn giữ vị trí hiểm yếu này. Tiếp đó, một con đường sắt đi song song men bờ biển cũng được xây dựng để lưu thông hàng hóa.

Năm 2005, hầm đường bộ Hải Vân xuyên qua núi đã được khánh thành. Đó là hầm đường bộ dài nhất Đông Nam Á với chiều dài 6.280 m, rộng 10 m.

Đèo Hải Vân là một địa chỉ rất hấp dẫn đối với du khách, nhất là các bạn trẻ thích “phượt” bằng xe máy. Lái xe từ từ qua những chặng đường quanh co như dải lụa, ngắm cảnh vật luôn thay đổi, mây trắng quấn quanh như lạc vào xứ thần tiên. Đứng trên đỉnh đèo khi đẹp trời, du khách có thể thấy rõ toàn cảnh thành phố Đà Nẵng, cảng Tiên Sa, bán đảo Sơn Trà, cù lao Chàm và những bãi cát vàng chạy dài ôm lấy mặt nước biển bao la xanh ngắt.

Đèo Hải Vân là một vị trí quan trọng về mặt quốc phòng. Cho nên khi có dự án xây dựng khu nghỉ dưỡng quốc tế do chủ đầu tư nước ngoài trên mỏm đèo này, dư luận đã kịch liệt phản đối, buộc dự án phải dừng lại.

ĐÈO CÙ MÔNG

Đèo Cù Mông vắt ngang dãy núi cùng tên. Núi Cù Mông là một nhánh của Trường Sơn Nam ngoặt theo hướng tây - đông chạy ra sát biển.

Theo sử sách, năm 1471, trong trận chiến giữa Đại Việt và Chiêm Thành, người Chăm thua trận nên đã bị mất vùng đất phía bắc từ đèo Hải Vân tới đèo Cù Mông. Từ đó đèo Cù Mông trở thành biên giới giữa hai quốc gia khi ấy.

Đèo Cù Mông nằm trên quốc lộ 1A, nối liền hai tỉnh Bình Định và Phú Yên.

Cù Mông! Cái tên nghe thật lạ được lí giải như sau: Cù có nghĩa là con quái vật, Mông vốn là từ Mãng đọc trại ra, nghĩa là con mãng xà, con rắn. Cù Mông được hiểu là *Con rồng nhỏ*, vì theo truyền thuyết, xưa kia có con rắn muốn tu luyện thành rồng, nhưng bất ngờ bị nạn mà chết, biến thành con đèo có hình dạng uốn lượn như hiện nay.

Thực ra con đèo này không dài, chỉ chừng 8 km, cũng không cao - đỉnh đèo chỉ cao 245 m so với mực nước biển. Nhưng nó nổi tiếng vì đường dốc, nhiều chỗ ngoặt bất ngờ, thường xảy ra tai nạn giao thông. Lái xe qua đây nếu không vững tay lái thì sẽ rất dễ bị lăn xuống vực.

Dưới chân đèo thấp thoáng những miếu oan hồn dành cho những tài xế và nạn nhân xấu số như một dấu ấn về sự hiểm trở của con đèo này. Kèm theo đó là những giai thoại về bóng ma trên đèo làm cho người đi đêm phải rợn tóc gáy.

Hiện nay đã có thêm tuyến đường Quy Nhơn - Sông Cầu, tuy nhiên nhiều lái xe vẫn thích theo đường 1A leo đèo Cù Mông, vì đường qua đó ngắn hơn, tiết kiệm thời gian hơn.

ĐÈO CẢ

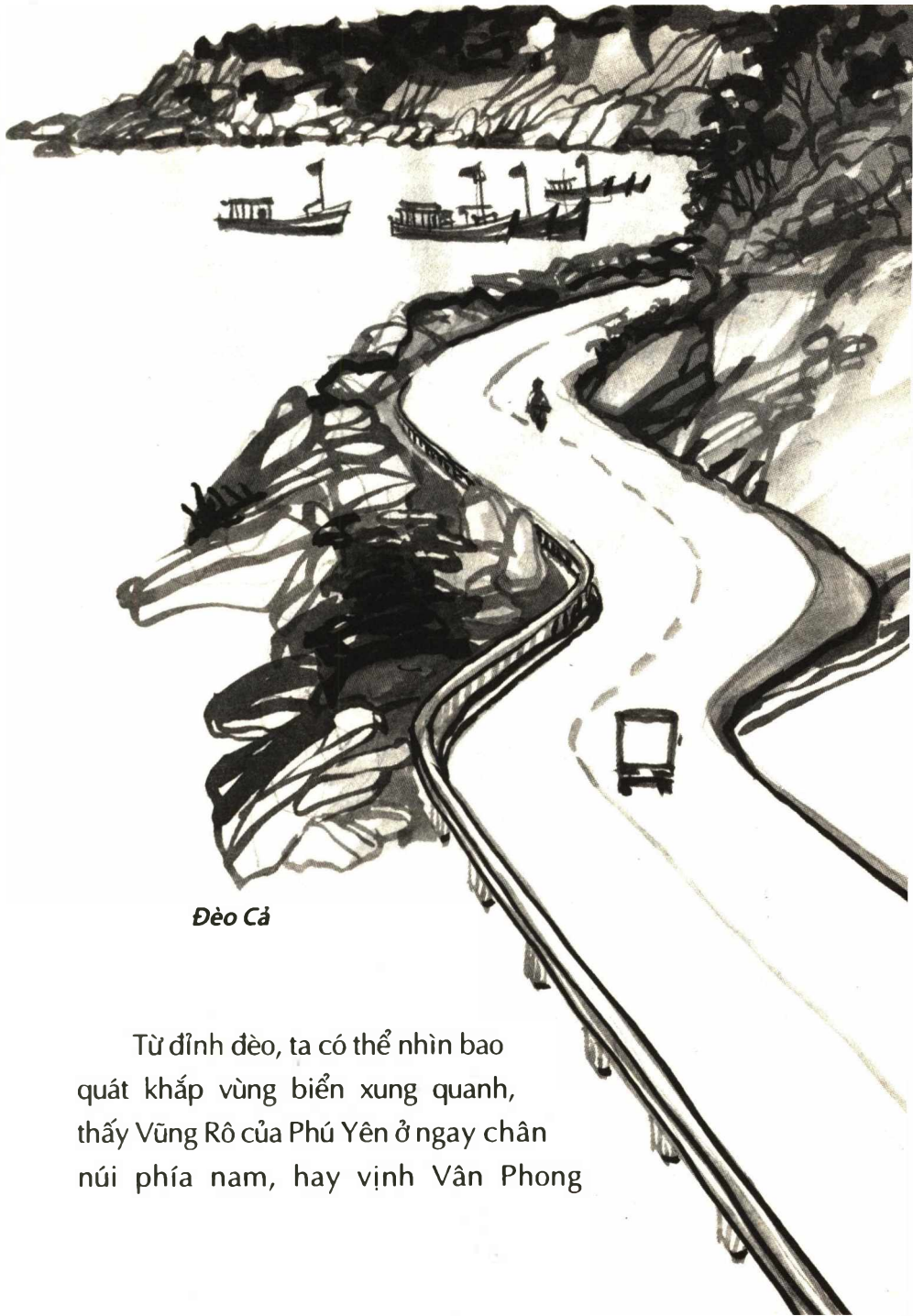
Đèo Cả nằm ở ranh giới hai tỉnh Phú Yên và Khánh Hòa. Nó là một đoạn quốc lộ 1A vắt qua khu vực núi Đại Lãnh, dài 8 km, đỉnh đèo có độ cao 333 m.

Đây là một con đèo thuộc loại hiểm trở nhất, nhưng cũng nổi tiếng vì vẻ đẹp của nó. Một bên là những vách núi, cây cối và đá núi, một bên là vịnh Vũng Rô nước xanh trong vắt.

Đèo Cả được dùng đặt tên cho một phức hệ địa chất cấu tạo bởi đá granit vững chắc. Bên đường có những vết đá lộ ra làm minh chứng cho những thời kì đá macma xâm nhập từ lòng sâu Trái đất xuyên lên. Sinh viên địa chất thường được các thầy dẫn đến đây thực tập quan sát.

Trên đỉnh đèo, ta còn có thể nhìn thấy một đỉnh đá vươn lên trời cao, được gọi là núi Đá Bia hay Thạch Bi Sơn, còn dân gian thì gọi là núi Ông. Đó là một khối đá thiên nhiên khổng lồ cao khoảng 80 m, có thể nhìn thấy từ xa. Tương truyền, vào thế kỉ 15, vua Lê Thánh Tông đã sai khắc chữ lên đó để đánh dấu ranh giới của Đại Việt. Núi Đá Bia đã được công nhận là Di tích văn hóa lịch sử cấp quốc gia.

Vào những năm 1771-1802, nhiều cuộc giao chiến giữa chúa Nguyễn Phúc Ánh và anh em nhà Tây Sơn đã diễn ra tại đây. Vào tháng 1 năm 1947, Đèo Cả trở thành chiến trường giữa quân Pháp và quân đội nhân dân Việt Nam.



Đèo Cả

Từ đỉnh đèo, ta có thể nhìn bao
quát khắp vùng biển xung quanh,
thấy Vũng Rô của Phú Yên ở ngay chân
núi phía nam, hay vịnh Vân Phong

về phía Khánh Hòa. Vào những ngày trời nắng đẹp, du khách còn có thể thấy thành phố Nha Trang. Nhìn về phía bắc, tầm mắt bao quát được đồng bằng Tuy Hòa, núi Chóp Chài nằm giữa thành phố Tuy Hòa và sông Ba...

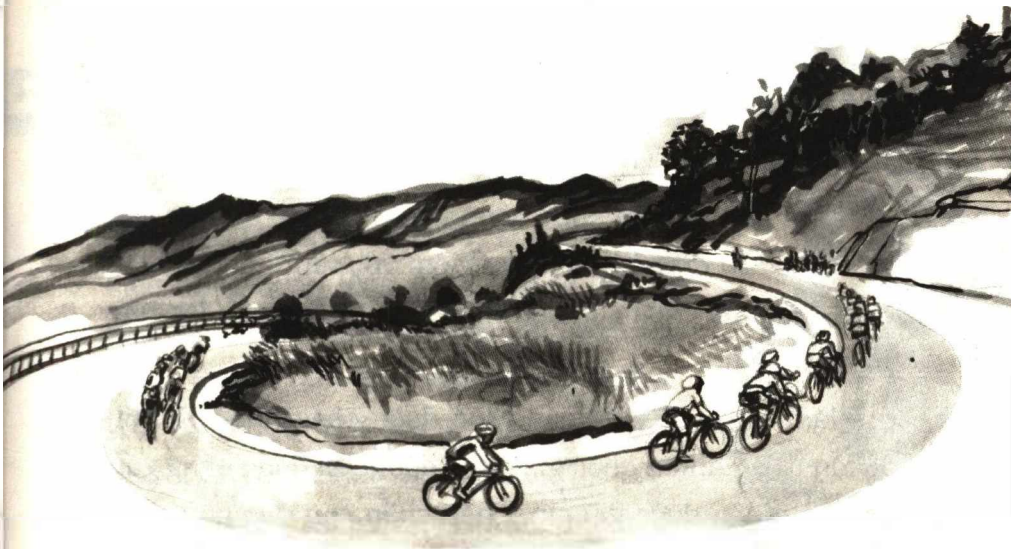
Khi hầm đường bộ xuyên qua núi Đèo Cả hoàn thành, việc giao thông trên tuyến đường này càng thuận lợi hơn. Tuy nhiên, Đèo Cả vẫn sẽ là tuyến du lịch hấp dẫn đối với giới trẻ, nhất là với “dân phượt” thích phiêu lưu khám phá.

ĐÈO NGOẠN MỤC

Tên đèo Ngoan Mục đã cho biết đây là con đèo rất đẹp. Tên gọi đó là được dịch ngược từ tiếng Pháp: *Bellevue*, có nghĩa là “cảnh đẹp”.

Nguyên là năm 1893, bác sĩ A. Yersin phát hiện ra cao nguyên Lâm Viên, bốn năm sau, toàn quyền P. Doumer quyết định cho xây dựng khu nghỉ mát trên đó, tức Đà Lạt. Vì vậy, họ phải mở một con đường từ Phan Rang lên. Việc khai phá con đường qua núi non hiểm trở, lam sơn chướng khí và thú dữ rình rập vô cùng gian nan, dựa chủ yếu vào lao động thủ công của phu phen, nhiều người bị đau ốm hay tai nạn mà chết. Khi con đường hoàn thành, leo qua một con đèo có phong cảnh kì thú, người ta bèn đặt tên là Bellevue. Từ đó tên Ngoan Mục ra đời.

Đèo Ngoan Mục dài chừng 18,5 km, nằm trên độ cao



Đèo Ngoạn Mục

980 m. Đường đèo quanh co uốn khúc liên tục qua những rừng thông bốn mùa xanh tốt. Từ trên đèo nhìn xuống thấy bờ vực dốc đứng, sâu thẳm, lấp ló qua những rặng thông là con đường ngoằn ngoèo khúc khuỷu với những chiếc ô tô trông như món đồ chơi chậm chạp đang bò lên hay xuống. Xa hơn là đồng bằng Phan Rang với dòng sông Cái uốn lượn. Hai dải núi cao ôm bọc lấy thung lũng Phan Rang chạy ra tận biển. Những ngày đẹp trời, từ trên đèo có thể thấy một dải cát trắng ven biển và sóng nước nhấp nhô.

Bên đèo Ngoạn Mục là những suối thác cắt ngang vách núi, những dãy núi đồi với hệ thực vật khá phong phú đa dạng, mang đậm nét các loài cây ôn đới.

Từ Phan Rang lên đây, du khách sẽ cảm nhận được khí hậu dần thay đổi từ nắng nóng đến mát dịu.

Trên đèo có bốn khúc vòng ngoặt tay áo, độ dốc của đèo xấp xỉ 10 độ nên rất nguy hiểm với cánh lái xe. Mặc dù đã được sửa chữa cải tạo nhiều lần, nhưng con đèo này vẫn rất khó đi.

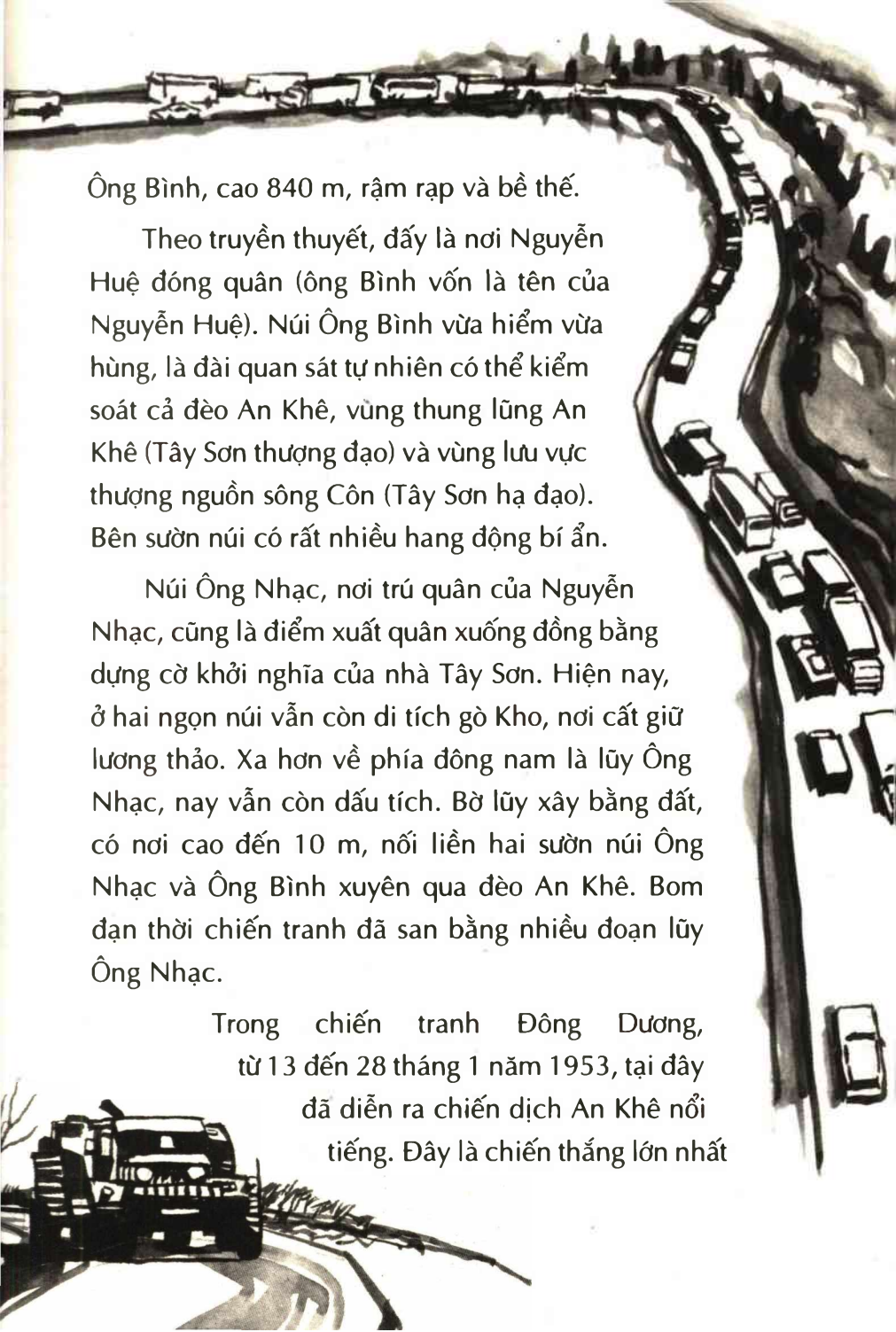
Năm 1986, đèo Ngoạn Mục được công nhận là Khu bảo tồn thiên nhiên quốc gia. Nếu đường sá được nâng cấp và thiên nhiên được giữ gìn, chắc chắn con đèo này sẽ là nơi thu hút khách tham quan du lịch, xứng đáng với tên gọi “ngoạn mục”!

ĐÈO AN KHÊ

Đèo An Khê nằm trên quốc lộ 19 từ Quy Nhơn đi Pleiku, nối liền hai tỉnh Bình Định và Gia Lai. Đèo cao 740 m, dài 10 km, xưa gọi là đèo Mang, theo tiếng Ba Na có nghĩa là cửa, ngõ. Thời nhà Nguyễn gọi là đèo Vĩnh Viễn thuộc huyện Tuy Viễn, tỉnh Bình Định. Tên đèo An Khê xuất hiện khi người Pháp xây dựng quốc lộ 19, mở rộng đèo như ngày nay.

Đến An Khê, du khách đã đặt chân lên đất Tây Sơn thượng đạo và Tây Sơn hạ đạo thời khởi nghĩa của anh em Nguyễn Nhạc.

Núi Ông Nhạc, còn gọi là núi Ông Nhược, nằm ở phía tây nam đèo An Khê, cao chừng 600 m. Phía đối diện là núi



Ông Bình, cao 840 m, rậm rạp và bề thế.

Theo truyền thuyết, đây là nơi Nguyễn Huệ đóng quân (ông Bình vốn là tên của Nguyễn Huệ). Núi Ông Bình vừa hiểm vừa hùng, là đài quan sát tự nhiên có thể kiểm soát cả đèo An Khê, vùng thung lũng An Khê (Tây Sơn thượng đạo) và vùng lưu vực thượng nguồn sông Côn (Tây Sơn hạ đạo). Bên sườn núi có rất nhiều hang động bí ẩn.

Núi Ông Nhạc, nơi trú quân của Nguyễn Nhạc, cũng là điểm xuất quân xuống đồng bằng dựng cờ khởi nghĩa của nhà Tây Sơn. Hiện nay, ở hai ngọn núi vẫn còn di tích gò Kho, nơi cất giữ lương thảo. Xa hơn về phía đông nam là lũy Ông Nhạc, nay vẫn còn dấu tích. Bờ lũy xây bằng đất, có nơi cao đến 10 m, nối liền hai sườn núi Ông Nhạc và Ông Bình xuyên qua đèo An Khê. Bom đạn thời chiến tranh đã san bằng nhiều đoạn lũy Ông Nhạc.

Trong chiến tranh Đông Dương, từ 13 đến 28 tháng 1 năm 1953, tại đây đã diễn ra chiến dịch An Khê nổi tiếng. Đây là chiến thắng lớn nhất

của quân đội nhân dân Việt Nam trên chiến trường Nam Trung Bộ tính đến thời điểm đó.

Ngày nay, đèo An Khê trở thành điểm du lịch hấp dẫn với những ai ưa mạo hiểm và khám phá.

ĐÈO HÒN GIAO

Đây là con đèo “trẻ” nhất, vì nó mới chỉ ra đời khi mở tỉnh lộ 733 nối Nha Trang và Đà Lạt (khởi công năm 2004, hoàn thành năm 2007). Đèo được gọi bằng nhiều tên khác nhau. Tên gọi đèo *Hòn Giao* là dựa theo tên của dãy núi cùng tên nằm ở phía bắc con đèo. Người dân Khánh Hòa gọi là đèo *Khánh Lê*. Người dân Lâm Đồng thì gọi đèo *Bi Đoup*, theo tên đỉnh núi Bi Đoup cao 2.287 m của cao nguyên Lang Biang mà con đèo cắt ngang gần đó. Còn giới trẻ thì đặt cho nó cái tên là đèo *Long Lanh* đầy thơ mộng. Dân “phượt” chạy xe theo đường vòng con đèo thì gọi là đèo *Ômêga*.

Đèo Hòn Giao dài 33 km nằm trong nhóm những con đèo dài nhất Việt Nam. Sườn đèo phía Khánh Hòa chiếm phần lớn chiều dài con đèo, từ cao trình khoảng 200 m ở Khánh Lê lên đến 1.700 m. Sườn phía Lạc Dương thoải từ độ cao 1.700 m xuống 1.500 m nên du khách có cảm giác con đèo chỉ là một con dốc lớn. Con dốc vĩ đại này cũng chính là sườn đông của dãy Trường Sơn Nam.

So với con đường từ Phan Rang lên Đà Lạt qua đèo Ngoạn Mục, thì con đường này rút ngắn hơn. Đèo Hòn Giao với mỗi khúc quanh là một khung cảnh mới vừa hùng vĩ vừa thơ mộng, với sương mù giăng mắc, lan cả xuống thung lũng, đã trở thành cung đường dành cho những người thích khám phá.

Đèo Hòn Giao còn là một bảo tàng thiên nhiên vĩ đại về cảnh quan, đất đá, và đa dạng sinh học. Đó cũng là con đường nối giữa Thành phố Biển - Nha Trang và Thành phố Hoa - Đà Lạt.

CHO HÔM NAY VÀ CHO MAI SAU

Trần Nhân Tông (1358-1408), vị vua anh hùng triều Trần, sau khi rời bỏ cương vị Thái thượng hoàng, lên núi Yên Tử lập Thiền phái Trúc Lâm tu hành. Tại đây, trước khi viên tịch nhà vua đã để lại bản di chúc, kết lại bằng câu:

“Một tấc đất của tiền nhân để lại, cũng không được để lọt vào tay kẻ khác. Ta cũng để lời nhắn nhủ đó như một lời di chúc cho muôn đời con cháu”.

Lê Thánh Tông (1442-1497), vị minh quân đời Lê cũng căn dặn các quan trong triều: *“Nếu người dám đem một thước, một tấc đất của Thái Tổ làm mồi cho giặc, tội phải tru di”.*

Non sông, đất nước là di sản của tổ tiên ta hàng bao thế hệ để lại cho chúng ta. Bảo vệ Tổ quốc trước hết là bảo vệ, giữ gìn từng mỏm núi, từng con nước, vạt rừng, không để mất vào tay kẻ khác.

Nhưng bảo vệ Tổ quốc cũng có nghĩa là bảo vệ, giữ gìn



những giá trị thiêng liêng ấy sao cho tốt nhất để lại cho con cháu về sau.

Ở đây, chúng ta nói đến khía cạnh bảo vệ môi trường thiên nhiên của núi non và bảo vệ tài nguyên chứa trong lòng đất.

1- Trước hết, núi non thường là kho cất giấu tài nguyên. Những mỏ vàng, mỏ sắt, mỏ than... không phải được hình thành trong một vài năm hay vài thế kỉ, mà phải trải qua biết bao biến động từ hàng trăm triệu năm trước.

Nước ta là nơi giao thoa của hai vành sinh khoáng thế giới nên có rất nhiều mỏ, nhiều loại khoáng sản khác nhau, có mỏ nhỏ, mỏ trung bình, có cả mỏ rất lớn.

Cha ông ta đã biết khai thác mỏ từ thời đại đồ đồng. Tuy nhiên, do trình độ hạn chế, nên số mỏ tìm thấy rất ít và việc khai thác chưa được là bao. Thời Pháp thuộc, thực dân Pháp chủ trương khai thác thuộc địa, vơ vét tài nguyên về cho chính quốc, công cuộc điều tra thăm dò mới chỉ bắt đầu, việc khai thác cũng chỉ dừng lại ở một số mỏ than, mỏ thiếc, mỏ vàng, mỏ kẽm... Hầu như các mỏ quý trong lòng đất vẫn còn nguyên.

Có mỏ, có tài nguyên, đương nhiên phải tìm cách khai thác, sử dụng để phục vụ đời sống nhân dân, làm giàu cho Tổ quốc. Nhưng khai thác như thế nào, khai thác khi nào có lợi lại là cả một vấn đề.

Tài nguyên khoáng sản là thứ không thể tái sinh. Nó

không phải như cái cây chặt đi rồi trồng lại được, không phải như năng lượng mặt trời tồn tại hàng triệu năm hoặc năng lượng gió, còn không khí là còn có gió thổi... Khoáng sản một khi đào lên là mất đi vĩnh viễn.

Than đá là loại mỏ lớn của nước ta, bể than Quảng Ninh có trữ lượng hàng tỉ tấn. Tại đây việc khai thác đã diễn ra từ hơn một thế kỉ, không những đủ đáp ứng cho nhu cầu nhiên liệu trong nước mà còn xuất khẩu ra nước ngoài. Nhưng những mỏ than lộ thiên hầu như đã hết, khai thác hầm lò ngày càng phải xuống sâu hơn. Các nhà khoa học cảnh báo rằng, cứ đà này chẳng mấy năm nữa nguồn than đá của nước ta sẽ cạn kiệt, và chúng ta sẽ phải nhập khẩu than từ nước ngoài. (Hiện nay đã nhập than từ Úc, Indonesia và theo kế hoạch sẽ còn nhập rất nhiều.) Trong khi đó, than non dưới “bể than sông Hồng” có trữ lượng tới hàng trăm tỉ tấn, nhưng lại nằm sâu hàng ngàn mét, việc khai thác không hề đơn giản.

Quặng thô lấy lên đem bán, chẳng khác gì bán lúa non, rẻ mạt vô cùng. Nó chỉ có giá trị cao khi được chế biến thành các sản phẩm có “hàm lượng tri thức, công nghệ”. Như trường hợp quặng bauxit nước ta có trữ lượng thuộc loại lớn, nhưng chưa thể chế biến thành nhôm. Hay như cát đen để tuyển thành quặng ilmenit, giá trị của nó không là gì so với khi đã là thành phẩm (oxit titan và titan kim loại).

Cũng bởi giá quặng thô rất rẻ, nên nước ngoài sẵn sàng

mua về chế biến thành kim loại để rồi chúng ta lại phải nhập khẩu với giá đắt hàng chục, hàng trăm lần. Thậm chí có trường hợp người Trung Quốc mua quặng mangan ở Cao Bằng đem về “để dành”, sau này mới dùng đến.

Khâu quản lí tài nguyên của chúng ta chưa tốt, nên hiệu quả kinh tế không cao. Chỉ việc đào bới tài nguyên lên đem bán, mà không ít tập đoàn vẫn làm ăn thua lỗ. Dự án bauxit ở Tân Rai và Nhân Cơ đưa vào khai thác chưa thấy lãi đâu, mà đã phải xin hưởng đủ thứ ưu đãi, như giảm phí môi trường xuống đến 10 lần, giảm thuế tài nguyên, hạ mức đền bù giải phóng mặt bằng, miễn thuế nhập khẩu thiết bị, miễn thuế xuất khẩu alumin, lại còn được ưu đãi cho vay vốn...

Mỏ vàng Bồng Miêu sản xuất ra hàng tấn vàng ròng đưa ra nước ngoài, nhưng nhà nước vẫn thất thu. Việc khai thác than “thổ phỉ” diễn ra triền miên ở vùng mỏ. Những “bưởng” khai thác vàng, đá quý đào bới lòng đất bất cứ nơi nào có dấu hiệu có mỏ, ngang nhiên như cướp ngày.

Gần đây các nhà khoa học đã đưa ra “Lời nguyện tài nguyên” để cảnh báo các nước giàu tài nguyên nhưng quá sa đà vào việc khai thác nhằm tạo bước đột phá về kinh tế. Điển hình là Sudan và một số nước Tây Phi rất giàu dầu mỏ và kim cương. Chính quyền các nước này ra sức khai thác đem bán, nhưng đất nước vẫn thuộc hàng nghèo nhất thế giới, người dân vẫn đói khổ, thất học, tuổi thọ thấp... Càng



khai thác tài nguyên thiên nhiên, sự phân hóa giàu nghèo càng lớn. Lợi nhuận kếch xù rơi vào tay một số nhóm lợi ích, trong khi đó đa số nhân dân bị mất đất, phải bán sức lao động mà không đủ ăn...

Đào bới tài nguyên chỉ để làm giàu trước mắt là mang tội đối với đất nước và quỵt nợ đối với thế hệ mai sau.

2- Khai thác tài nguyên thiên nhiên bừa bãi một mặt làm khánh kiệt nguồn của cải của đất nước, mặt khác còn phá hủy núi non, làm ô nhiễm môi trường sống.

Bên cạnh những hầm mỏ khai thác là những bãi thải khổng lồ như cảnh hoang mạc, không cây cối, không sự sống.

Trên bề mặt cao nguyên Tây Nguyên là một lớp đất đỏ màu mỡ phong hóa từ đá bazan, trên đó là rừng cây, là ruộng vườn tươi tốt. Để khai thác bauxit, người ta đã đi bóc lớp thổ nhưỡng quý giá đó.

Quặng khai thác cần được tuyển để làm giàu thì mới sử dụng hoặc xuất khẩu được, song ở khâu này không tránh khỏi phải dùng hóa chất, thế là chất thải độc hại theo dòng nước đổ dồn xuống sông suối làm nhiễm độc những dòng nước trong lành, nguồn sống của nhân dân suốt bao đời. Không ít nơi, những làng mạc ven sông đã trở thành những “làng ung thư” vì hậu quả của nạn ô nhiễm đó.

Trong một bài báo, Giáo sư Đặng Hùng Võ có nêu lên một số hiện trạng như: Khai thác quặng sắt tại vùng hồ Ba Bể gây ô nhiễm nước hồ, phá rừng làm thủy điện gây lũ lụt

ở miền Trung, vỡ hồ chứa bùn đỏ do khai thác titan tại Bình Thuận, khai thác bauxit ở Tây Nguyên... Đó là những ví dụ về khai thác tài nguyên gây tác động xấu đến môi trường.

Trong khai thác khoáng sản đòi hỏi mức đầu tư cao hơn mới có thể bảo vệ môi trường, đó là lí do chính để không ít nhà đầu tư tìm mọi cách lẩn tránh các chi phí này. Các nhà kinh tế gọi đây là “ăn quýt” môi trường. Nếu cơ quan quản lí không vững tay mà bỏ qua, đó là thiếu trách nhiệm; nếu tham gia luôn vào bộ máy ấy, đó là thiếu đạo đức.

Có thể nói, nếu lấy một đồng của môi trường hôm nay, thế hệ tương lai sẽ phải trả hàng ngàn đồng để khắc phục. Không thực hiện đúng nghĩa vụ bảo vệ môi trường trong các dự án đầu tư là một hình thức tham nhũng trong khai thác tài nguyên thiên nhiên.

Những núi đá vôi trải qua bao thế kỉ mang hình ảnh nên thơ, do nhu cầu làm đường sá và sản xuất xi măng, nhiều khi người ta dùng mìn phá làm lở lói, sạt lở từng mảng như những vết thương trên cơ thể, trông thật tang thương. Một công ti nọ tự tiện phá núi mở một con đường trong vùng đệm của Di sản thế giới vịnh Hạ Long chỉ vì lợi ích trước mắt, bất chấp sự xâm hại Di sản.

3- Núi đồi là nơi cây cối mọc lên tạo thành những cánh rừng nguyên sinh, là thế giới sinh sống của muôn loài muông thú. Xưa kia con người sống trong rừng, trong hang núi, sống hòa đồng với thiên nhiên, họ là một bộ phận của thiên nhiên.

Nước ta là xứ sở nhiệt đới gió mùa, khí hậu phù hợp cho rừng mưa phát triển. Trong rừng cây mọc nhiều tầng, có cây vươn cao hứng ánh mặt trời, có cây tầng giữa, có cây mọc leo, có thảm xanh phủ kín mặt đất... Rừng nước ta có tính đa dạng cao, nhiều loài động vật mới được phát hiện.

Trước đây, phần lớn đất nước ta có rừng che phủ. Đến trước năm 1945, mặc dù đã trải qua thời kì thực dân khai thác thuộc địa, rừng vẫn còn chiếm tới 43% diện tích đất tự nhiên. Nhưng đến nay, rừng nước ta chỉ còn khoảng 30%, kể cả rừng tái sinh, rừng mới trồng.

Những tưởng nước ta “rừng vàng biển bạc”. Nhưng thật đáng buồn, Việt Nam là nước có tỉ lệ rừng trên đầu người thấp nhất thế giới, với khoảng 0,14 ha/người. Trong khi con số trung bình trên thế giới là 0,97 ha/người, tức gấp 7 lần chúng ta!

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên. Chiến tranh tàn phá, nạn du canh du cư, kĩ thuật canh tác lạc hậu, dân số tăng nhanh, đất chật người đông, nạn phá rừng làm đất ở, làm nương rẫy... Đặc biệt phải kể đến nạn lâm tặc hoành hành chặt phá, khai thác gỗ quý. Mặc dù có chủ trương trồng cây gây rừng, nhưng sự bù đắp không thể so với rừng đã mất, và chất lượng rừng cũng bị suy giảm nghiêm trọng.

Sự mất mát và suy giảm rừng đã gây nhiều tổn thất lớn về kinh tế và cả về phát triển xã hội một cách lâu dài. Những trận lụt rất lớn trong mấy năm qua ở hầu khắp các



vùng của đất nước, từ Bắc chí Nam, từ miền núi đến miền đồng bằng, nhất là các trận lụt ở sáu tỉnh miền Trung, ở đồng bằng sông Cửu Long, các trận lũ quét ở một số tỉnh miền Bắc, gây nhiều thiệt hại về người và của cải, từ mùa màng, nhà cửa, ruộng vườn đến đường sá, kênh mương... đều bắt nguồn từ nạn phá rừng.

Rừng nước ta có tính đa dạng sinh học cao, có nhiều loài đặc hữu. Các vườn quốc gia và khu bảo tồn thiên nhiên được thiết lập để góp phần gìn giữ, bảo vệ rừng và các nguồn gen quý đó.

Cho đến nay đã có 30 vườn quốc gia trải khắp từ Bắc chí Nam, như Cúc Phương, Hoàng Liên, Tam Đảo, Bạch Mã, Yok Đôn, Cát Tiên, Phú Quốc... Một số vườn quốc gia đã được công nhận là Khu dự trữ sinh quyển thế giới, như Cát Bà, Xuân Thủy, Pù Mát, Cát Tiên, Phú Quốc...

4- Cảnh quan núi rừng là những thắng cảnh thiên nhiên tuyệt vời mà tạo hóa ban tặng cho chúng ta. Có những danh thắng không chỉ là của riêng nước ta mà đã được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên của thế giới: Vịnh Hạ Long, Phong Nha - Kẻ Bàng, Khu di tích Tràng An, và tới đây có thể sẽ là Vườn quốc gia Ba Bể, Vườn quốc gia Cúc Phương, Vườn quốc gia Cát Tiên...

Là thắng cảnh hoặc cao hơn nữa, là di sản thiên nhiên thế giới, cũng là những địa điểm dành cho du khách tới thưởng lãm.

Song, du lịch luôn phải đi đôi với việc bảo vệ các di sản ấy cho hôm nay và mai sau.

Nhiều thắng cảnh được hình thành từ hàng trăm triệu năm trên các vùng đá vôi cacxtơ. Những thắng cảnh núi non, hang động cacxtơ ấy thường rất nhạy cảm với tác động bên ngoài. Như ta đã biết, tượng nàng Tô Thị cũng như hòn Phụ trong hai hòn Phụ Tử bị gió xô, sóng đánh bỗng chốc đổ sập. Hồ Thang Hen vốn là một con sông ngầm bị sập trần động mà thành. Dự án xây dựng cáp treo lên động Sơn Đoòng với dụng ý phục vụ đông đảo người dân được ngắm cảnh “thiên đường” nơi trần thế, đồng thời góp phần làm giàu cho địa phương. Nhưng dự án này bị phản đối, bởi vì những tuyến cáp treo ấy khi vận hành rất dễ gây ra xung động làm sập đổ những kết cấu mong manh của đá.

Ngoài ra, do trình độ hưởng thụ văn hóa chưa cao, một bộ phận không nhỏ còn kém ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường. Chẳng hạn, chỉ cần có người vứt bỏ một vỏ lon nước ngọt xuống hố cacxtơ thì khó mà thu lượm được. Hay ai đó cũng muốn “sưu tầm” cho mình một viên ngọc động thì chẳng mấy chốc số lượng ngọc động quý giá sẽ chẳng còn. Ngay cả việc rọi đèn chụp ảnh cũng làm cho màu sắc của hang động mất đi vẻ lung linh.

Lại có những người thích vạch lên vách hang động tên mình để “lưu danh”. Tại Bãi đá cổ Sa Pa, trên các hòn đá xưa có những kí hiệu kì lạ mà các nhà khoa học đang tìm



cách giải mã, đã bị nhiều bạn dùng dao hay vật cứng vạch bừa bãi lên đó. Vừa mất mỹ quan, vừa có thể làm mất đi những thông điệp của người xưa để lại.

Ngày xưa, nữ sĩ Hồ Xuân Hương đã chế nhạo những “sĩ tử” viết bậy lên vách chùa như thế này:

*Dắt díu nhau lên đến cửa thiền,
Cũng đòi học nói nói không nên.
Ai về nhấn bảo phường lòi tói,
Muốn sống đem vôi quét trả đền!*

Những kẻ muốn “lưu danh” theo cách đó đã bị Bà Chúa thơ Nôm gọi là “phường lòi tói”, và bà đòi bọn họ phải “đem vôi quét trả” cho sạch hết những chữ viết bậy ấy. Nhưng tài nguyên thiên nhiên không phải là thứ một khi đã hủy hoại, tiêu phí là có thể hoàn trả được! Mặt khác, tài nguyên thiên nhiên cũng không phải thứ chỉ để chiêm ngưỡng, ngắm nhìn mà không được khai thác. Vấn đề là làm sao sử dụng nguồn tài nguyên của đất nước một cách có lợi nhất.

Chúng ta cần có cái nhìn thật khách quan về nguồn tài nguyên trong lòng đất, và phải khẳng định rằng, so với nhiều nước có cùng diện tích, nước ta có khá dồi dào các loại mỏ. Việc khai thác hiện nay đã góp phần đáp ứng nhu cầu phát triển của đất nước, những sai sót bất cập đã được các nhà khoa học cảnh báo, nhiều trường hợp đã được

ngăn chặn kịp thời. Chúng ta sẽ còn điều tra, khám phá thêm những tài nguyên còn giấu kín dưới lòng sâu Trái đất mà nay chưa được biết đến.

Thiên nhiên nước ta vô cùng tươi đẹp. Điều đó đã được cả thế giới biết đến. Nhiều di tích, thắng cảnh đã trở thành di sản của thế giới. Nhận thức về bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ môi trường của thế hệ trẻ ngày càng được nâng cao. Thiên nhiên tươi đẹp ấy sẽ ngày càng đẹp lên và mãi trường tồn cùng nước Việt yêu dấu của chúng ta.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

- **Atlas Địa lí Việt Nam**

NXB Giáo dục Việt Nam, 2013.

- **Tập bản đồ địa lí các lớp 6, 7, 8**

NXB Giáo dục Việt Nam, 2013.

- **Địa lí 8, 9, 12**

NXB Giáo dục Việt Nam, 2013.

- **Khí hậu nước ta**

Phạm Ngọc Toàn; NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1976.

- **Lòng đất nước ta**

Nguyễn Văn Chiểu; NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1977.

- **Núi non nước ta**

Nguyễn Trọng Lân, Trịnh Sanh; NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1982.

- **Non nước Việt Nam**

Tổng cục Du lịch, 2003.

- **Thiên nhiên Việt Nam**

Lê Bá Thảo; NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1977, 1990.

- **Việt Nam non xanh nước biếc**

Hoàng Thiệu Sơn, Tạ Thị Bảo Kim; NXB Kim Đồng, 2005.

- **Đất nước Việt Nam qua một chặng đường điều tra cơ bản**

Nhiều tác giả; NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1985.

- **Môi trường và tài nguyên Việt Nam**

Nhiều tác giả; NXB Khoa học và Kỹ thuật, 1984.

- **Các bài viết trên báo chí và internet.**

- **Từ điển Bách khoa Việt Nam (4 tập)**

NXB Từ điển bách khoa, 1996-2005.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	3
GIẢI MÃ BÍ ẨN CỦA NÚI	5
• Từ cái thuở ban sơ người Việt...	5
• Núi mọc lên từ đâu?	9
• Núi non mấy độ sinh thành	15
• Núi cao, núi thấp và cao nguyên...	22
• Nguồn của chìm giấu trong lòng đất	26
• Núi rừng ghi dấu chiến công	32
• Địa bàn sinh sống của 54 dân tộc	40
NHỮNG DÂY NÚI VÀ KHỐI NÚI LỚN	46
• Hoàng Liên Sơn đồ sộ và đỉnh Phan Xi Păng chót vót	46
• Dãy đặc Trường Sơn Bắc	58
• Cao nguyên Tây Nguyên đất đỏ và Trường Sơn Nam	63
NÚI ĐÁ VÔI VÀ ĐỊA HÌNH CACXTƠ	73
• Địa hình cacxtơ là gì?	73
• Khối núi đá vôi Bắc Sơn	76
• Vùng núi đá vôi Tây Bắc	85
• Khối núi đá vôi Phong Nha - Kẻ Bàng	89
• Núi đảo cacxtơ trên vịnh Hạ Long	89
• Vẫn còn rải rác núi đá cacxtơ ở phía Nam Tổ quốc	93
NHỮNG HANG ĐỘNG KÌ LẠ	95
• Lạng Sơn có động Tam Thanh	95
• Hương Tích - "Nam thiên đệ nhất động"	100
• Ngườm Ngao - "Động Cọp"	103
• Thế giới hang động vịnh Hạ Long	105
• Phong Nha - Sơn Đoòng:	
Kì quan của những kì quan	118

GHÉ THĂM NHỮNG NGỌN NÚI NỔI TIẾNG	127
• Nghĩa Lĩnh, núi thờ Tổ Hùng Vương	127
• Núi Ba Vi - nơi ngự trị của Tản Viên Sơn Thánh	130
• Tam Đảo - ba ngọn núi cao trên biển mây	132
• Mẫu Sơn nơi biên giới Lạng Sơn	135
• Non thiêng Yên Tử	136
• Hai ngọn "núi thơ" - Bài Thơ và Non Nước	139
• Núi Hồng Lĩnh - hồn thiêng xứ Nghệ Tĩnh	143
• Hoành Sơn và Đèo Ngang	145
• Núi Ngự - bình phong của cố đô Huế	147
• Ngũ Hành Sơn - không phải 5 mà là 6!	149
• Núi Bà Đen - đỉnh cao nhất Đông Nam Bộ	151
• Thất Sơn huyền bí	154
VƯỢT NÚI BẰNG ĐÈO	157
• Đèo Khau Phạ	157
• Đèo Mã Pí Lèng	160
• Đèo Mã Phục	161
• Đèo Ô Quy Hồ	163
• Đèo Pha Đin	165
• Đèo Khau Phạ	166
• Đèo Tam Điệp	167
• Đèo Hải Vân - Đệ nhất hùng quan	168
• Đèo Cù Mông	170
• Đèo Cả	172
• Đèo Ngoạn Mục	174
• Đèo An Khê	176
• Đèo Hòn Giao	178
CHO HÔM NAY VÀ CHO MAI SAU	180
TÀI LIỆU THAM KHẢO	191

TRA CỨU THEO VẦN

A

Am Dược 137
An Giang 95, 154, 194
Anh Sơn 59
Ấn Độ 11, 15, 17
Âu Cơ 5, 129

B

Ba Đồn 60
Ba Rén 21, 61
Bà Triệu 33, 59
Bạc 31, 102
Bãi Cháy 114
Bãi đá cổ Sa Pa 57
Bán đảo
 Sơn Trà 170
 Tiên Sa 149
Bảo Lạc 79
Bảo tàng Địa chất (Hà Nội) 30
Bauxit 27, 65, 182, 184, 185
Bắc Mĩ 11, 194
Bắc Sơn 38, 76, 84
Bắc Sơn, Vũ Nhai (khởi nghĩa) 84
biển Đông 61, 139, 150
Biển Đông 21, 22, 52, 62, 71
Bình Định 43, 67, 170, 176
Bình Thuận 32, 43, 185
Bó Pía Nảy 81
Bùi Cầm Hổ 144
Bùi Dương Lịch 146
Bùi Giáng 147
Bùi Huy Bích 146

C

Cacbon - Pecmi 85, 90, 99, 104
Cacbonat (tinh thể) 73
Cacbonat canxi 73, 75, 125
Cacxơ 7, 26, 73, 75, 76, 77, 79,
 80, 83, 84, 85, 86, 87, 89, 90,
 91, 92, 93, 99, 100, 104, 117,
 118, 161, 162, 188
Cam Lộ 62
Campuchia 62, 64, 93
Cánh cung Bắc Sơn 18
Cánh cung Đồng Triều 137
Cánh cung Đồng Triều 19
Cánh cung Ngân Sơn 18, 24
Cánh cung Sông Gâm 18
Cao Bá Quát 142, 146
Cao Bằng 29, 31, 38, 40, 76, 79,
 161, 162, 183
Cao nguyên
 Bắc Hà - Mường Khương 24
 Châu Mộc 52
 Di Linh 66
 Đăk Lăk 65
 Kon Tum - Plây Cu 64
 Lang Biang 66, 68, 69, 178
 Sơn La 24, 85
 Trần Ninh 21, 58
Cao Sơn 8
Caolin 32
Châu Á 11, 17, 118, 121
Châu Âu 11, 54, 56, 133
Châu Lộc 35



Châu Mĩ 12
Châu Ô 168
Châu Phi 10, 11, 12
Châu Rí 168
Châu thổ Sông Hồng 25
Châu Úc 11
Chế Mân 168
Chi Lăng (ải) 36, 37
Chi Nê 86
Chi 26, 31, 32
Chiêm Thành 43, 68, 168, 170
Chu Mạnh Trinh 102

Chùa

Bảo Sái 137
Bi Thực 137
Cấm Thực 137
Giải Oan 101, 137
Hang 94, 152, 154
Hoa Yên 137
Lân 137
Thiên Trù 100
Văn Tiêu 137

Chuông đá 73, 75
Con Cuông 59
Con đường Hạnh Phúc 161
Cột đá 74, 75
Cửa Hội 60
Cửa Vạn 117
Cửu Chân 167

D

Dân tộc/người

Bố Y 44
Brau 44
Chăm 43, 68, 119, 170

Chơ Ro 44
Chu Ru 44
Chứt 44
Cống 44
Cơ Ho 43, 69
Cờ Lao 44
Dao 40, 50, 57
Giẻ Triêng 44
Hà Nhì 44
Kháng 44
Khơme 44, 152, 156
Kinh 40, 42
La Chí 44
La Ha 44
La Hủ 44
Lào 44
Lô Lô 44
Lự 44
Mảng 44
Mông 41, 50, 53, 57, 160, 167
Mường 42
Ngái 44
Nùng 40, 80, 84
Ơ Đu 44
Pa Thên 44
Phù Lá 44
Pu Péo 44
Rơ Măm 44
Si La 44
Tà Ôi 44
Tày 40, 41, 42, 57, 84, 96
Thái 41, 42, 158
Xinh Mun 44
Dây/ dây núi
Ai Lao Sơn 47

Bạch Mã 14, 21, 63, 168, 187
 Con Voi 12, 16, 47, 48, 64
 Giảng Mản 59
 Hoàng Liên Sơn 16, 17, 19,
 23, 46, 47, 48, 49, 53, 163, 164
 Mẫu Sơn 24, 135, 136
 Pu Lai Leng 23, 59, 143
 Pù Mát 59, 187
 Tam Đảo 18, 30, 128, 130,
 132, 133, 135, 187
 Trường Sơn 12, 17, 21, 23, 39,
 58, 59, 62, 68, 89
 Dấu Giây 6
 Di sản thiên nhiên và văn hóa 87
 Di sản văn hóa thế giới 43, 57
Dư địa chí 132

Đ

Đà Lạt 66, 68, 69, 71, 72, 174,
 178, 179
 Đà Nẵng 21, 31, 67, 149, 150, 170
 Đá bazan 6, 15, 17, 22, 27, 30, 65,
 67, 184
 Đá granit 14, 23, 26, 29, 172
 Đá vôi 7, 12, 18, 19, 21, 24, 26, 30,
 31, 36, 37, 60, 73, 75, 76, 77,
 79, 80, 82, 84, 85, 86, 87, 89,
 90, 91, 93, 94, 95, 96, 99, 100,
 104, 117, 118, 139, 141, 149,
 160, 161, 162, 167, 185, 188
 Đá xâm nhập 14, 26, 27, 29, 48,
 66, 68, 81, 95, 154
 Đá xienit 26
Đại Nam dư địa chí ước biên 149

Đại Nam Nhất thống chí 96, 106,
 119, 147, 155
 Đại Tây Dương 12
 Đảo Bồ Hòn 108, 109
 Bồ Hòn 114
 Đấu Bê 117
 Đấu Gỗ 112
 Lờm Bò 110
 Mây Đèn 113
 Đèo
 An Khê 176, 177, 178
 An Khê 176
 Cả 171, 172, 173, 174
 Cù Mông 170, 171
 Hải Vân 21, 63, 168, 169, 170
 Hòn Giao 178, 179
 Khau Phạ 157, 158, 166
 Mã Phục 161, 162, 163
 Mã Pí Lèng 77, 160, 161
 Mụ Giạ 60, 61
 Ngang 145, 146, 174, 175,
 178
 Ô Quy Hồ 49, 163, 164, 165
 Pha Đin 165, 166
 Trạm Tôn 50, 167, 168
 Đến Hùng 127, 129
 Điện Biên/ Điện Biên Phủ 39, 42,
 85, 165, 166
 Đinh Bộ Lĩnh 33
 Đỉnh/ đỉnh núi
 A Tuất 67
 Ba Rén 61
 Bà Nà 67
 Bi Đúp 23, 66
 Bơ Nam 66

Chữ Yang Xin 66, 68
Co Rong 61
Co Ta Run 61
Động Ngải 62
Lang Biang 66
Ngọc Linh 23
Núi Mang 62
Phía Mẻ 135
Phía Po 135
Phu Lai Leng 21
Tả Yang Pinh 23
Tây Côn Lĩnh 18
Tháp Cờ 144
U Bò 21, 61
Voi Mẹp 62
Đối 22, 24, 25, 33, 36, 39, 40, 42,
44, 49, 52, 59, 61, 66, 67, 71,
72, 77, 84, 85, 86, 128, 131,
135, 152, 155, 157, 166, 175,
185
Đối Cù 71
Đội Việt Nam tuyên truyền Giải
phóng quân 38
Đồng Dương 16, 19, 21, 47, 48,
52, 53, 69, 77, 119, 120, 177
Đồng Ngỏ (quân) 33
Đồng Quan 36
Đổng 31
Đổng Nai 6, 67
Đổng Giài 81
Động
Hương Tích 86, 100, 101, 102
Lâu Đài 92
Mẻ Cung 110, 111
Người xưa 86

Ngườm Lồm 104
Ngườm Ngao 83, 103
Nhị Thanh 97, 98
Phong Nha 89, 118, 119, 120,
121, 122, 124
Sơn Đoòng 89, 121, 123, 124,
126, 188
Tam Cung 92, 113
Tam Thanh 84, 95, 96, 97, 98
Thiên Cung 92, 112
Thiên Đường 121, 122, 124
Thiên Long 92
Động Đình (hồ) 5
Đứt gãy sông Hồng 16

E-F-G

Extrise Asie 119
Fenspat 26, 32
Gia Long 94, 147, 148, 155
Giao Chỉ 167
Gió Lào 21, 62, 63
Gò An Mã 84
Gò Già Mải 84
Gò Mun 8
Graphit 32

H

Hà Bổng 35
Hà Chương 35
Hà Đặc 35
Hà Giang 29, 56, 76, 79, 160
Hà Quảng 79, 80
Hà Tiên 31, 93, 100
Hà Tông Quyền 146
Hải Dương 30

Hàm Nghi 38

Hang

Âm Phủ 151

Ba 92

Ba Hầm 92

Bà Tho 151

Bồ Nâu 92

Chà An 121

Đầu Gỗ 92, 106, 108

Én 121

Hanh 114, 115, 116

Khe Ri 121

Khe Thị 121

Khe Tiên 121

Luồn 92, 114

Pác Bó 38, 80

Sừng Sốt 92, 108, 109

Thẩm Hai 6

Thẩm Khuyên 6

Thung 121

Tiên Ông 92

Tiến 94

Tối 121

Trình Nữ 92, 109, 110

Trống 92, 110

Hầu Thào 56

Hi Cương 127

Hiệp hội Hang động Hoàng gia

Anh 103, 120, 121, 124

Himalaya 16, 17, 47, 48

Hoa Lư 87

Hòa Bình 7, 19, 32, 42, 86

Hòa Sơn 149, 150

Hoàn vương ca tích 87

Hoàng Hoa Thám 38

Hoành Sơn 145, 146, 147

Học thuyết kiến tạo mảng 11

Hòn

Bộ Hung 92

Cái Tai 92

Cái Tráp 92

Cóc 92

Đũa 92

Gà Chọi 92

Nón 92

Ông Bụt 92

Phụ Tử 93, 100, 188

Howard Limbet 123

Hồ

Ba Bể 65, 76, 84, 85, 184

Ba Hầm 117, 118

Than Thở 71

Thang Hen 76, 80, 162, 188

Hồ Chí Minh 80, 132

Hồ Khanh 123, 124

Hồ Xuân Hương 71, 167, 189

Hội An 150

Hống Linh 60, 143, 144, 145

Huyền Trân 168

Hương Khê 38

Hương Sơn phong cảnh ca 102

K

Kẻ Bàng 60, 61

Kẽm 26, 31, 181

Kéo Lềng 6

Khánh Hòa 32, 43, 171, 172, 178

Khoáng sản 29, 31, 32, 181, 182,
185

Khu dự trữ sinh quyển 60, 187



Kì Đệ tứ 17, 91
Kỉ Đêvôn 139
Kim cương 27, 115, 183
Kim Sơn 149, 150, 151
Kimbeclit 27
Kinh Dương Vương 5
Kon Tum 15, 32, 64, 68

L

La Pán Tẩn 157
Lạc Long Quân 5
Lai Châu 6, 7, 30, 32, 42, 47, 85,
160, 163, 165, 167
Lạng Sơn 6, 18, 30, 31, 32, 34, 35,
36, 38, 40, 76, 83, 84, 95, 96,
97, 135, 136
Lao Bảo 17
Lào 21, 41, 52, 58, 59, 61, 62, 63,
67, 89, 118
Lào Cai 6, 31, 42, 47, 49, 53, 56,
58, 160, 163
Léopold Michel Cadière 119
Lê Bá Thảo 63, 67
Lê Chiêu Thống 37
Lê Lợi 36, 59
Lê Thánh Tông 139, 142, 169,
172, 180
Liễu Thăng 36, 37
Lĩnh Nam chí quái 7

M

Ma Nhai (bia) 97, 98
Macma 13, 14, 23, 26, 27, 29, 172
Mai Thúc Loan 33

Mảng Á - Âu 11
Mangan 31, 183
Manti 11
Máy đếm phóng xạ Geiger 30
Măng đá 70, 73, 106, 120
Mẫu Sơn 24, 135
Mèo Vạc 76, 77, 160
Merveilles du Monde 108
Mĩ Sơn 43, 68
Mị Nương 8
Mica 26, 32
Miền Đông Nam Bộ 22, 68
Miền trung du 24, 40
Miếu Ba Cỗ 116
Mỏ

Cổ Định 29
Lào Cai 31
Quý Xa 29
Thạch Khê 29
Tĩnh Túc 29
Tòng Bá 29
Mỏ ngoại sinh 27
Molipđen 31
Mộc Châu 19, 85
Mộc Sơn 149
Mù Cang Chải 157, 158, 167
Mường Thanh 39

N

Nam Cực 11
Nậm Tùn 6
National Geographic 126, 135
Ngã ba Bạch Hạc 128, 130
Nghệ An 7, 30, 33, 42, 59
Nghĩa Lĩnh 127, 128, 129, 130



Ngọc Hân 155
Ngọc động 125, 188
Ngọc Hối - Đống Đa (chiến thắng) 38
Ngô Lợi 156
Ngô Quyền 33
Ngô Văn Sở 168
Ngũ Hành Sơn 31, 149, 150, 151
Nguyễn Bình 38
Nguyễn Bình Khiêm 145
Nguyễn Du 144
Nguyễn Hoàng 145
Nguyễn Nể 146
Nguyễn Nhạc 176, 177
Nguyễn Phúc Khoát 147
Nguyễn Quang Mục 155
Nguyễn Thiếp 146
Nguyễn Trãi 132, 137, 142
Nguyễn Trường Tộ 146
Ngự Bình Sơn 147
Nhân Cơ 183
Ninh Bình 6, 7, 21, 32, 86, 87, 91, 141, 167
Núi
Ba Vì 128, 130, 131, 132
Bà Đen 151, 152, 154
Bài Thơ 139
Bi Đúp 66
Cấm 155
Chữ Yang Sin 23
Cô Tô 155
Côn Sơn 25
Cù Mông 170
Dài 155
Dài Năm Giếng 155

Đá Bia 172
Đá Chông 151
Đèo Cả 173
Độ 6
Hàm Rồng 56
Hồng Lĩnh 143, 144
Két 155
Khe Ngang 61
Kiểu Liêu Ti 23
Kim Sơn 149, 150, 151
Liang Biang 23
Máng Chi 133
Mẫu Sơn 24, 135
Ngự 147, 148
Non Nước 141
Nưa 29, 33
Nước 155
Ông Bình 176, 177
Ông Nhạc 177
Phật Tích 25
Phía Oắc 23
Phía Ya 14, 23
Pi Phạc Me 23
Pu Lai Leng 23, 59, 143
Pu Sam Sao 23, 85
Pu Tha Ca 23
Rào Cỏ 21, 23, 60
Ta Đưng 23
Tà Phình 23
Tam Điệp 37, 167
Thạch Bàn 132
Thiên Thị 132, 133
Tượng 155
Vọng Phu 68, 99



Núi cao 11, 14, 22, 23, 38, 39, 40,
41, 47, 49, 52, 53, 60, 66, 67,
91, 99, 100, 131, 132, 139,
151, 158, 174

Núi dạng khối 12

Núi lửa 14, 15, 16, 17, 27, 64, 65,
133

Núi thấp 19, 22, 23, 58, 61, 127

Núi uốn nếp 12

Núi xâm nhập 13, 14

Nùng Chí Cao 162

Nước khoáng 32, 132

P

Pải Lùng 77

Phạm Quý Thích 146

Phan Đình Phùng 38, 59

Phan Rang 174, 175, 178

Phan Xi Păng 16, 17, 19, 23, 46,
49, 50, 52, 53

Phan Xích Long 156

Phong Châu 5, 8

Phong Nha - Kẻ Bàng 89, 118,
123, 187

Phong trào Cần Vương 156

Phồng Lái 165

Phú Thọ 5, 8, 32, 42, 52, 127

Phú Yên 43, 68, 170, 171, 172

Phủ Quỳ 17

Pleixtoxen 154

Q

Quang Trung 37, 155, 168

Quảng Bình 7, 31, 38, 60, 126

Quảng Ngãi 29, 32

Quảng Ninh 7, 31, 182

Quảng Uyên 79, 81, 83, 162

Quy Hóa 35

Quỳ Châu 30

Quý Minh 8

R-S

Rèm đá 74, 75, 110, 113, 114

Rừng quốc gia Cúc Phương 86

Sa Pa 50, 52, 53, 54, 56, 57, 135,
165, 188

Sao la 61

Sét chịu lửa 32

Sơn Dương 30

Sơn La 7, 19, 24, 30, 32, 42, 85,
165

Sơn nguyên 18, 19, 21, 22, 24, 76

Sơn nguyên Đồng Văn 76

Sơn Tinh 8, 130, 131

Sông

Ay Dun 68

Ba 68, 173

Ba Chẽ 19

Bằng 81, 83

Bố 62

Chảy 15, 18, 64

Đà 19, 47, 49, 86, 128, 130,
131

Hồng 47, 48, 130, 182

Kì Cùng 83

Lam 143, 144

Lô 128, 130

Mã 21

Mê Kông 21

Nho Quế 77, 161



Phố Cũ 19
 Quây Sơn 82
 Thao 128, 130
 Tiên Yên 19
 Sử Hy Nhan 144
Sử kí Tư Mã Thiên 33
 Sử Pán 56
 Suối
 Lênin 80
 Mường Hoa 56
 Rút 85
T
 Tà Phình - Sín Chải 85
 Tả Van 56
 Tạ Hòa Phương 4, 77
 Tân Rai 183
 Tân Sở 38
 Tân Trào 38
 Tây Nguyên 15, 17, 22, 24, 30, 31,
 43, 63, 64, 65, 66, 67, 184, 185
Telegraph 126
 Thác
 Bạc 56, 133, 138
 Bản Giốc 82, 83, 103, 162
 Cam Li 66, 71
 Prenn 66
 Voi 71
 Thạch anh 26
 Thạch Động 94
 Thái Nguyên 6, 18, 29, 31, 40, 76,
 84, 132
 Than antraxit 27
 Than bùn 27, 31
 Than chì *xem* Graphit

Than đá 27, 31, 182
 Than lửa dài 27
 Than mỡ 27
 Than nâu 27, 31
 Thanh Hóa 6, 7, 29, 30, 33, 42,
 167
 Thăng Long 35, 38, 40, 168
 Thần Sa 6
 Tháp Hòn Ngọc 137
 Tháp Huệ Quang 137
 Thắt Sơn 154
 Thiệu Trị 146
 Thoát Hoan 35
 Thổ Sơn 149, 150
 Thủ khoa Huân 156
 Thuận Châu 165
 Thung Lang 6
 Thung lũng Tình Yêu 71
 Thủy điện Hòa Bình 86
 Thủy điện Sơn La 86
 Thủy ngân 31
 Thủy Sơn 149
 Thủy Tinh 8, 17, 130
 Thừa Thiên - Huế 32
 Thường Xuân 30
 Tịnh Biên 154
 Titan 27, 31, 182, 185
 Tỏa Tinh 165
 Toàn Lục Địa 11
 Tôn Sĩ Nghị 38, 168
 Trà Lĩnh 79, 80, 81, 162
 Trạm du lịch Cát Cát 50
 Trảng An 86, 87, 187
 Trần Nhân Tông 137, 180
 Trần Văn Thành 156



Tri Tôn 154
Trịnh Cương 141
Trịnh Kiểm 145
Trung Quốc 41, 52, 82, 83, 183
Trùng Khánh 79, 82, 83, 104, 162
Truyện Kiều 144
Trương Gia Mô 156
Trương Hán Siêu 141, 142, 143
Trường Sơn Bắc 21, 58, 59, 61, 63, 145, 168
Trường Sơn Nam 21, 59, 63, 64, 67, 68, 170, 178
Tu Sản 77
Tú Lệ 157, 158, 166
Tuần Giáo 165
Tuyên Quang 30, 31, 32, 38, 132
Tức Dục 95
Tương Dương 59
Tượng đá An Kì Sinh 138
Tượng Nàng Tô Thị 84, 98, 99, 100, 188

U-V-W

UNESCO 57, 60, 78, 87, 92, 187
Urani 31
Vàng (khoáng sản) 27, 31, 181, 183, 186
Văn Chấn 157, 166
Văn hóa Hòa Bình 7
Văn hóa Sơn Vi 7
Văn Lang 5, 33, 127

Vân Nam 17, 34, 35, 52
Vận động Đông Dương 16
Việt Trì 127
Vĩnh Linh 17
Vĩnh Phúc 132
Vịnh
Hạ Long 17, 87, 89, 92, 93, 105, 106, 108, 117, 118, 137, 185, 187
Hà Tiên 93
Thái Lan 62
Vân Phong 172
Võ An Ninh 57
Võ Quý 61
Vòm Sông Chảy 18, 64
Vonfram 31
Vú đá 73, 75
Vũ Quang 38, 61
Vua Hùng 127, 129, 130
Vườn quốc gia Ba Bể 85, 187
Vườn Quốc gia Vũ Quang 61
Vương Thông 36
Wegener Alfred 10

X-Y

Xuân Lộc 6
Yersin Alexandre 69
Yên Bái 29, 35, 42, 47, 157, 158, 166
Yên Thế 38



THIÊN NHIÊN ĐẤT NƯỚC TA KÌ VĨ NÚI ĐÈO

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

55 Quang Trung, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: (04) 3 943 4730 - 3 942 8632 - Fax: (04) 3 822 9085

Website: www.nxbkimdong.com.vn - Email: kimdong@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI MIỀN TRUNG

102 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng. ĐT: (0511) 3 812 335 - Fax: (0511) 3 812 334

Email: cnkimdongmt@nxbkimdong.com.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

276 Nguyễn Đình Chiểu, Q.3, TP. Hồ Chí Minh.

ĐT: (08) 3 930 3447 - Fax: (08) 3 930 5867

Email: cnkimdong@nxbkimdong.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản - Giám đốc: PHẠM QUANG VINH

Chịu trách nhiệm bản thảo - Phó Giám đốc: VŨ THỊ QUỲNH LIÊN

Biên tập: HOÀNG THANH THỦY

Trình bày: NGUYỄN KIM ĐIẾP

Chế bản: TRẦN THỊ HANH

Sửa bài: NGUYỄN ANH LY

In và gia công 2.000 bản - Khổ 14,5 cm x 20,5 cm - Tại Công ty CP In và Văn Hóa Phẩm

Địa chỉ: 83 Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 2129-2015/CXBIPH/84-137/KĐ cấp ngày 5/8/2015

Quyết định xuất bản số: 517/QĐKĐ kí ngày 16/11/2015

In xong và nộp lưu chiểu tháng 11/2015.



Bộ sách **Thiên nhiên đất nước ta** đem đến những kiến thức bổ trợ giúp tăng cường vốn hiểu biết về thiên nhiên nước Việt, khơi gợi tình yêu của mỗi người chúng ta, đặc biệt là các bạn trẻ, đối với non sông đất nước, bắt đầu từ ý thức tìm hiểu và nhận biết rõ về sông, núi, biển, rừng quê hương, từ đó bồi đắp tình yêu, lòng tự hào đối với Tổ quốc thân yêu.

Đến với cuốn **Kì vĩ núi đèo**, bạn sẽ tìm hiểu về:

- Núi được hình thành như thế nào?
- Các dạng núi chính ở Việt Nam.
- Núi có quan hệ ra sao với lịch sử và văn hóa của dân tộc?
- Những bí ẩn của núi.
- Núi, đèo và các hang động nổi tiếng của nước ta.

Và nhiều nội dung hấp dẫn khác.



5151302000003

Giá: 40.000đ

www.nxbkimdong.com.vn
www.facebook.com/nxbkimdong



8 935244 807431

ISBN 978-604-2-05805-6

BECOME A MEMBER



THƯ VIỆN EBOOK KIM ĐỒNG